

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 10, đường Nguyễn Văn Huyền, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024)37673896

Email: vanthu@dtddl.edu.vn

Fax: (84-4)38336184

Website: www.dtddl.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM: 2024

Hà Nội, tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH	
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN	
LẠNH HÀ NỘI.....	4
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà	
trường	4
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Nhà trường	7
3.1. Sơ đồ tổ chức của Trường.....	7
3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong Nhà trường.....	9
3.3. Tổng số cán bộ, nhà giáo, nhân viên của Trường.....	10
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Nhà trường.....	11
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	12
5.1. Diện tích đất:.....	12
5.2. Diện tích hạng mục và công trình:.....	13
5.3 Thư viện:	14
5.4. Tổng số máy tính của trường:.....	14
5.5. Tài chính	14
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA/ ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG	
TRÌNH ĐÀO TẠO.....	14
2.1. Lịch sử phát triển và những thành tích đạt được của Khoa Công nghệ	
nhiệt lạnh.....	14
2.2. Cơ cấu tổ chức	18
2.3. Các chương trình đào tạo được giao phụ trách.....	19
2.4. Cơ sở vật chất.....	19
2.5. Kinh phí đầu tư cho đào tạo	19
3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	21
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG	29
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	29
1. Đặt vấn đề	29

2. Tổng quan chung.....	30
2.1. Căn cứ tự đánh giá	30
2.2. Mục đích tự đánh giá	30
2.3. Yêu cầu tự đánh giá	31
2.4. Phương pháp tự đánh giá	31
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	32
3. Tự đánh giá	32
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	32
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	38
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	172
PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	174
PHỤ LỤC	175

BẢNG DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI	GHI CHÚ
1.	UBND	Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội	
2.	BLĐTBXH	Bộ Lao động Thương binh - Xã hội	
3.	BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
4.	CER	Ha Noi College of Electronics and Refrigeration	
5.	QĐ	Quyết định	
6.	CĐĐTĐLHN	Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	
7.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp	
8.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng	
9.	CTĐT	Chương trình đào tạo	
10.	CNKT	Công nhân kỹ thuật	
11.	TT	Trung tâm	
12.	TS&TT	Tuyển sinh và truyền thông	
13.	GDĐC-VHPT	Giáo dục đại cương – Văn hóa phổ thông	
14.	CBQL	Cán bộ quản lý	
15.	VCLĐ	Viên chức lao động	
16.	GV	Giảng viên/giáo viên	
17.	VC, NLĐ	Viên chức, người lao động	
18.	HSSV	Học sinh, sinh viên	
19.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy	
20.	MH/MĐ	Mô – đun/Môn học	
21.	Đoàn TNCSHCM	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	
22.	KTX	Ký túc xá	

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

Tên trường: **Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội**

Tên tiếng Anh: **Ha Noi College of Electronics and Refrigeration**

Tên viết tắt tiếng Anh: **CER**

Cơ quan chủ quản: **Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội**

Địa chỉ trụ sở: **Số 10 Đường Nguyễn Văn Huyền, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội**

Điện thoại: **0243.7673896**

Fax: **0243.8336184**

Email: vanthu@dtdl.edu.vn

Website: www.dtdl.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên tên Trường Trung học Thủy lợi trực thuộc ty Thủy lợi Hà Nội: 1965

- Năm đổi tên Trường Trung học Thủy lợi trực thuộc Sở Thủy lợi Hà Nội: 1974

- Năm đổi tên Trường CNKT Thủy lợi - Nông nghiệp: 1978

- Năm đổi tên Trường Kỹ thuật Điện tử - Điện lạnh Hà Nội: 1992

- Năm đổi tên Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội: 1994

- Năm thành lập Trường Cao Đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội: 2006

Loại hình đào tạo: Công lập ☒ Tư thực ☐

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường

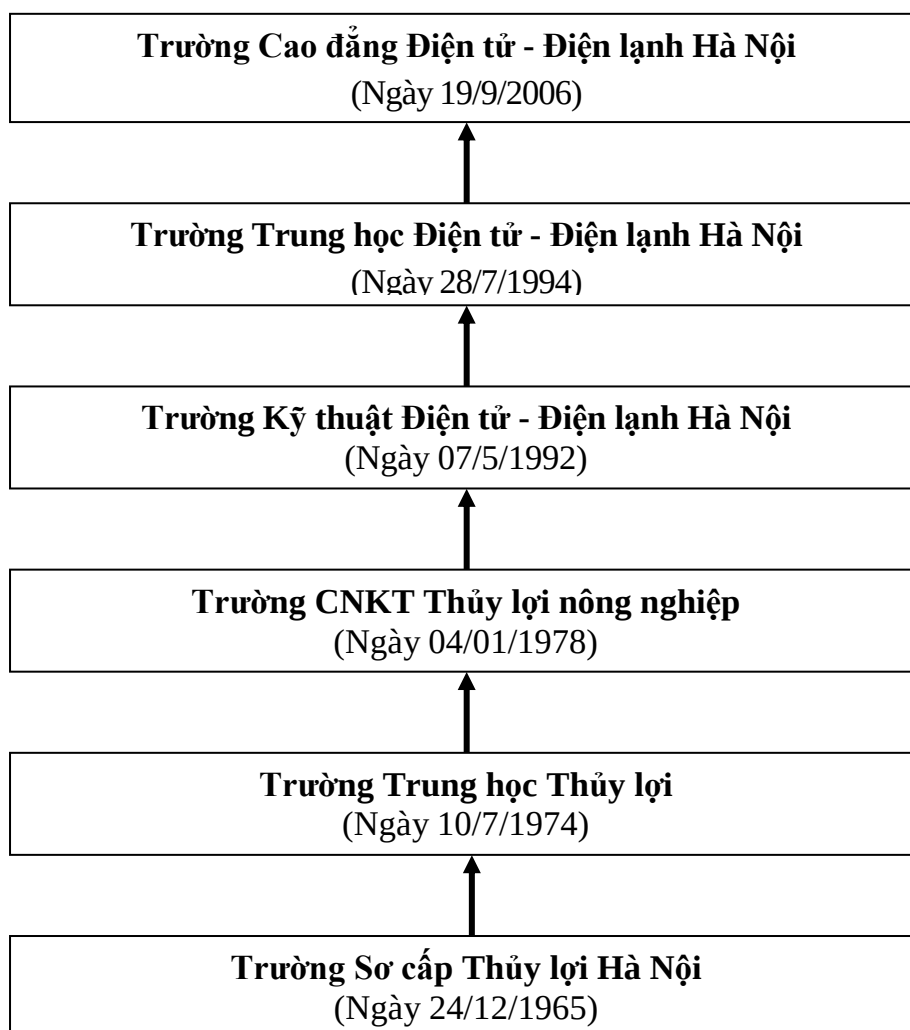
Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu thực nghiệm khoa học nhằm cung cấp một cơ cấu lao động đồng bộ cho ngành công nghiệp với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp thuộc

hệ thống giáo dục của Việt Nam. Trường được nâng cấp trên cơ sở của Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội theo QĐ số 5194/QĐ-BGDĐT ngày 19/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quá trình hình thành và phát triển của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội theo thứ tự thời gian như sau:

- Trường Trung sơ cấp Thủy lợi Hà Nội (theo Quyết định số 6604/QĐ-VF ngày 24-12-1965 của UBHC Thành phố Hà Nội);
- Trường Trung học Thủy lợi Hà Nội (theo Quyết định số 649/QĐ-TC ngày 10-7-1974 của UBND Thành phố Hà Nội);
- Trường CNKT Thủy lợi nông nghiệp (theo Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 04-01-1978 của UBND Thành phố Hà Nội);
- Trường Kỹ thuật Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (theo Quyết định số 949 QĐ-UB ngày 07-5-1992 của UBND Thành phố Hà Nội);
- Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (theo Quyết định số 1498QĐ-UB ngày 28-7-1994 của UBND Thành phố Hà Nội);
- Thành lập Trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh Hà Nội trên cơ sở Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội theo Quyết định số 5194/QĐ-BGDĐT ngày 19/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

SƠ ĐỒ QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI



Những thành tích nổi bật của Nhà trường:

- Năm 1996 Huân chương Lao động hạng Ba
- Năm 2001 Huân chương Lao động hạng Nhì
- Năm 2006 Huân chương Lao động hạng Nhất
- Năm 2016 Huân chương Độc lập hạng Ba

❖ **Sứ mạng và mục tiêu của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội**

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đa ngành, đa cấp độ, đào tạo các ngành nghề công nghệ kỹ thuật, nhằm cung cấp cho Thủ đô và Đất nước đội ngũ kỹ sư thực hành và lực lượng lao động khác có tay nghề cao; có phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực tự chủ, tinh thần làm việc nhóm và có khả năng tự tạo việc làm cho bản thân, cho

người khác; có khả năng hội nhập quốc tế, phát triển bền vững, đáp ứng tốt yêu cầu của sự đổi mới về khoa học, công nghệ cũng như nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu của Nhà trường là trở thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao của quốc gia, có nhiều ngành nghề trọng điểm đạt chuẩn của khu vực và quốc tế, là trung tâm hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín của Việt Nam.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Nhà trường

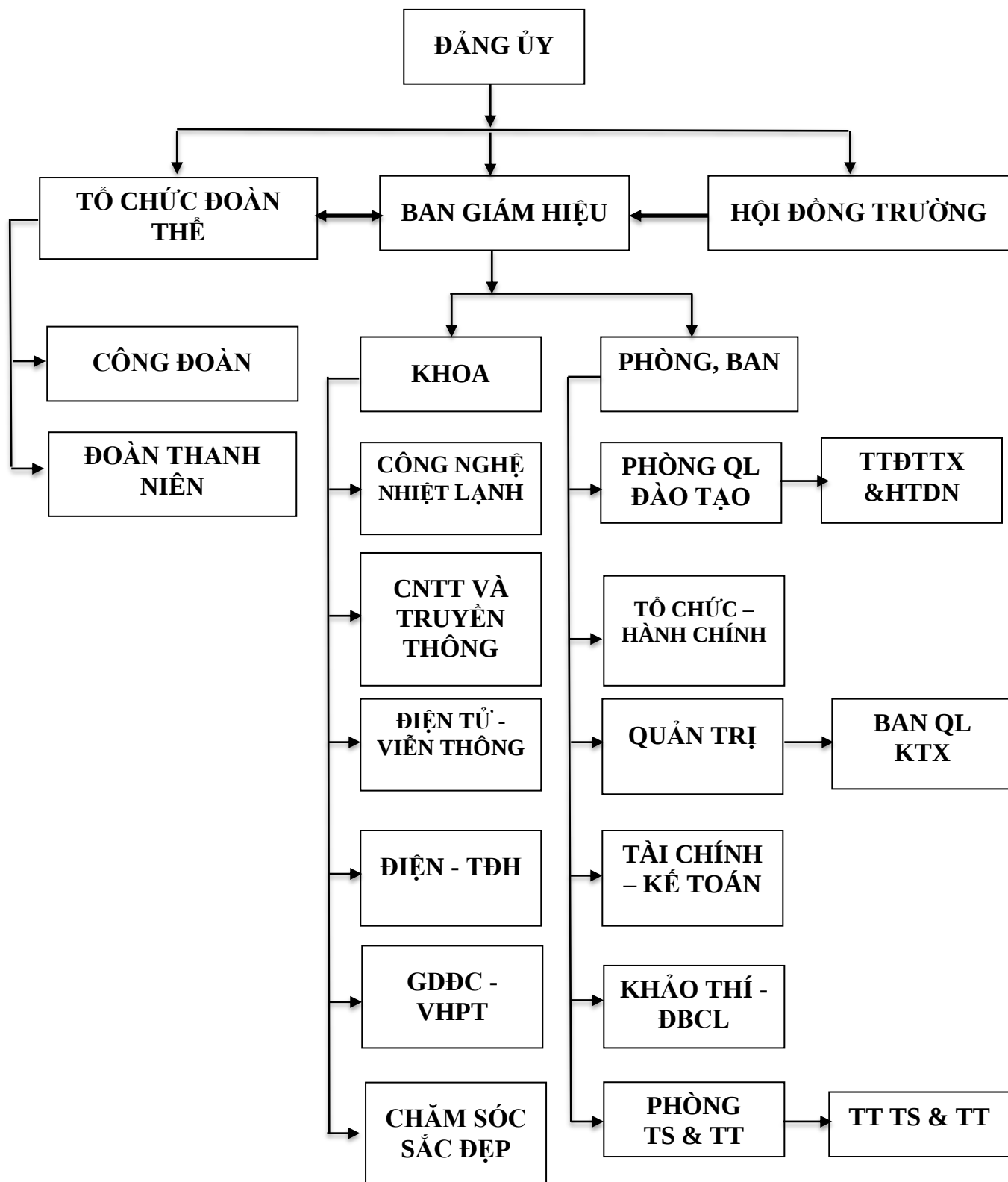
3.1. Sơ đồ tổ chức của Trường

Cơ cấu tổ chức bộ máy hiện tại theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng - Điện tử Điện lạnh Hà Nội, gồm:

1. Hội đồng trường.
2. Ban giám hiệu: Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng.
3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:
 - + Phòng Quản lý đào tạo
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính
 - + Phòng Quản trị
 - + Phòng Tài chính - Kế toán
 - + Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
 - + Phòng Tuyển sinh và Truyền thông
4. Các khoa trực thuộc trường:
 - + Khoa Công nghệ nhiệt lạnh
 - + Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông
 - + Khoa Điện tử - Viễn thông
 - + Khoa Điện – Tự động hóa
 - + Khoa Giáo dục đại cương – Văn hóa phổ thông
 - + Khoa Chăm sóc sắc đẹp

Cơ cấu tổ chức của Trường hiện nay được mô tả trên sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong Nhà trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chức danh
Hội đồng trường	Phạm Tiến Dũng	1977	Thạc sĩ	Chủ tịch HĐT
Ban giám hiệu	Trần Xuân Ngọc	1975	Tiến sĩ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	1975	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Thị Hằng Nga	1975	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên				
Đảng bộ	Phạm Tiến Dũng	1977	Thạc sĩ	Bí thư Đảng ủy
Chi bộ số 1	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	1975	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ số 2	Nguyễn Thị Hằng Nga	1975	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ số 3	Nguyễn Thị Tươi	1982	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ số 4	Phạm Trường Sinh	1978	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Chi bộ số 5	Đặng Quang Hùng	1977	Thạc sĩ	Bí thư chi bộ
Công đoàn	Nguyễn Đức Thắng	1970	Cử nhân	Chủ tịch CĐ
Đoàn TNCSHCM	Đỗ Ngọc Đạt	1992	Cử nhân	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM
Trưởng các phòng chức năng				
Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Đăng Lãng	1976	Tiến sĩ	Phó Phụ trách
Phòng Tổ chức – Hành chính	Nguyễn Thị Lan Anh	1977	Cử nhân	Phó Phụ trách
Phòng Quản trị	Lại Đức Thanh	1973	Kỹ sư	Trưởng phòng
Phòng Tài chính – Kế toán	Trần Thị Hoa	1981	Thạc sĩ	Phụ trách kế toán

Cao đẳng	01	01	02
Trung cấp	-	-	-
Công nhân bậc 5/7 trở lên	-	-	-
Trình độ khác	-	-	-

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Nhà trường

TT	Tên ngành/ nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ thông tin	6480201	50	Cao đẳng
2	Quản trị mạng máy tính	6480209	18	Cao đẳng
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	35	Cao đẳng
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	75	Cao đẳng
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	35	Cao đẳng
6	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	6510312	18	Cao đẳng
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	175	Cao đẳng
8	Điện tử công nghiệp	6520225	18	Cao đẳng
9	Điện công nghiệp	6520227	35	Cao đẳng
10	Tự động hóa công nghiệp	6520264	35	Cao đẳng
11	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	25	Cao đẳng
12	Thiết kế đồ họa	5210402	35	Trung cấp
13	Công nghệ thông tin	5480201	50	Trung cấp
14	Thiết kế trang Web	5480214	18	Trung cấp
15	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5510303	50	Trung cấp

16	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	100	Trung cấp
17	Điện công nghiệp	5520227	35	Trung cấp
18	Tiếng Đức	5220210	35	Trung cấp
19	Công nghệ thông tin	5480201	75	Trung cấp
20	Chăm sóc sắc đẹp	5810404	55	Trung cấp
21	Hàn		18	Sơ cấp
22	Công nghệ ô tô		18	Sơ cấp
23	Điện lạnh		30	Sơ cấp
24	Điện công nghiệp		18	Sơ cấp
25	Điện dân dụng		18	Sơ cấp
26	Điện tử dân dụng		30	Sơ cấp
27	Điện – nước		18	Sơ cấp
28	Tiếng Đức		20	Sơ cấp
29	Tiếng Anh		20	Sơ cấp
30	Trang điểm thẩm mỹ		20	Sơ cấp
31	Vẽ móng nghệ thuật		20	Sơ cấp
32	Chăm sóc da		20	Sơ cấp

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 868081 ngày 07/3/2014 của UBND Thành phố Hà Nội, Quyết định 2054/QĐ-UBND ngày 16/04/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thu hồi 4.072m² đất của Trường để thực hiện dự án xây dựng đường nối từ Bảo tàng dân tộc học đến đường 32. Năm 2017, Nhà trường tiếp tục thực hiện Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi thêm 1.067,2 m² đất của Trường để thực hiện dự án xây dựng đường nối từ ngõ 86 phố Chùa Hà đến đường Nguyễn Văn Huyền kéo dài. Do đó, diện tích đất quản lý, sử dụng của Trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đất được giao quản lý, sử dụng: 8.569 m², trong đó

+ Diện tích xây dựng: 2.850 m² (đạt mật độ xây dựng 33.26 %)

+ Diện tích cây xanh, lưu không và đường giao thông: 5.719 m²

5.2. Diện tích hạng mục và công trình:

Căn cứ Văn bản số 423/UBND-QLĐT ngày 16/4/2018 đã được chủ tịch UBND Quận Cầu Giấy về việc chấp thuận tổng mặt bằng dự án xây dựng nhà học đa năng và phòng thực hành trường cao đẳng điện tử điện lạnh Hà Nội, do đó hiện trạng cơ sở vật chất (hạ tầng) như sau:

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Đã xây dựng (m ²)	Thời gian hoàn thành	Đang xây dựng	
					Tổng diện tích (m ²)	Thời gian hoàn thành
1	Khu hành chính, làm việc (nhà A-2 Tầng)	95	95	1993	0	
2	Khu hiệu bộ, hành chính, y tế (nhà B-4 Tầng)	309	309	2009	0	
3	Khu giảng đường, thực hành (nhà H)	807	807	2003	0	
4	Khu nhà phòng thực hành cơ khí	290	290	2017	0	
5	Ký túc xá, nhà ăn (nhà K)	621	621	2012	0	
6	Phòng giới thiệu dạy nghề	179	179	1993	0	
7	Khu giảng đường, thực hành (nhà học đa năng và phòng thực hành-5 Tầng)	600	0	0	600	2025
8	Nhà cầu	10	0	0	10	2025
9	Khác (liệt kê các				0	

	hạng mục công trình khác nếu có)					
--	----------------------------------	--	--	--	--	--

5.3 Thư viện:

- Thư viện của trường với tổng diện tích: 100 m²
- Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 2.764 đầu /21.208 cuốn (bản)
- Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 1.626 đầu/15.007 cuốn (bản)

5.4. Tổng số máy tính của trường:

Tổng số máy tính của trường: 278 máy

- Số lượng máy tính dung cho văn phòng làm việc: 68 máy
- Số lượng máy tính dùng cho HSSV học tập: 210 máy

5.5. Tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nguồn thu	Năm				
		2019	2020	2021	2022	2023
1	Thu từ ngân sách	28.709	10.934	3.917	8.426	13.218
	<i>Thường xuyên</i>	10.332	7.976	3.199	1.955	4.428
	<i>Không thường xuyên</i>	18.377	2.958	717.6	6.471	8.790
2	Thu sự nghiệp	6.593	6.539	5.877	8.750	7.341
3	Thu dịch vụ	2.700	2.312	2.092	1.492	2.945
Tổng thu		26.609	38.002	19.775	11.886	18.668
Tổng chi		18.040	31.696	14.754	11.487	12.608

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA/ ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Lịch sử phát triển và những thành tích đạt được của Khoa Công nghệ nhiệt lạnh

Tên khoa: Khoa Công nghệ nhiệt lạnh

Địa điểm: Địa điểm văn phòng khoa Công nghệ Nhiệt Lạnh: phòng B402, nhà B, Trường cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội, Số 10, đường Nguyễn Văn Huyền, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 024 37673896, máy lẻ 113

Email: khoacnnl@dtcl.edu.vn

Năm thành lập đơn vị: 2004

❖ **Nghề đào tạo:**

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh được Nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo các nghề:

- Hệ cao đẳng gồm các nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật cơ khí
- Hệ Trung cấp: nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.
- Hệ sơ cấp: Điện lạnh; Hàn; Công nghệ ô tô,...
- Hệ ngắn hạn theo đơn đặt hàng với tất cả các lĩnh vực nghề nghiệp mà khoa có đào tạo các hệ trên.

❖ **Chức năng, nhiệm vụ chính:**

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo quy định của Hiệu trưởng, gồm các công việc cụ thể sau:

- Tổ chức đào tạo: các hệ, các loại hình của các nghề, các lĩnh vực khoa đảm nhận.
- Hệ cao đẳng gồm các nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật cơ khí
- Hệ Trung cấp: nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.
- Hệ sơ cấp: Điện lạnh; Hàn; Công nghệ ô tô,...
- Hệ ngắn hạn theo đơn đặt hàng với tất cả các lĩnh vực nghề nghiệp mà khoa có đào tạo các hệ trên.
- Đào tạo các công nhân có tay nghề kỹ thuật bậc cao, đảm bảo đủ trình độ có thể vận hành, sửa chữa hệ thống lạnh tại các khu công nghiệp, công trường, nhà máy, tòa nhà lớn hiện nay.
- Tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ (thi đua dạy tốt, học tốt,...)
- Tổ chức nghiên cứu khoa học
- Tổ chức, sắp xếp cho các nhà giáo được tham gia học tập cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tổ chức thực tập cho nhà giáo và học sinh, sinh viên nhằm cập nhật công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Tổ chức hướng dẫn sinh viên làm đồ án tốt nghiệp có sản phẩm ứng dụng hiệu quả.

❖ Lịch sử phát triển đơn vị và một số thành tích nổi bật

Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh, tiền thân là Ban Điện lạnh được thành lập từ năm 1992. Với 32 năm xây dựng và phát triển khoa, tập thể giáo viên các thế hệ không ngừng nỗ lực phấn đấu, để đào tạo ra những người có năng lực kỹ thuật cho các ngành nghề: nghề Máy lạnh và Điều hòa không khí; nghề Công nghệ kỹ thuật Cơ khí; nghề Hàn, nghề công nghệ ô tô,... góp phần vào sự phát triển chung của trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội ngày nay.

- Tổng số: 11 viên chức, lao động là giảng viên.
- 100% giảng viên của khoa đều có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên.
- 100% giảng viên thuộc khoa đã có thời gian công tác từ 1 năm trở lên đều được đánh giá đạt kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 theo quy định chung của Tổng cục dạy nghề.

Trong đó:

- + Thạc sĩ: 03 người
- + Kỹ sư: 08 người
- Khoa có 2 tổ bộ môn trực thuộc khoa:
 - + Tổ bộ môn Cơ khí gồm 05 nhà giáo
 - + Tổ bộ môn Nhiệt lạnh gồm 06 nhà giáo
- Lượng sinh viên hàng năm nhập học tại khoa nhập học với 200 sinh viên hệ cao đẳng và hơn 400 học viên hệ sơ cấp, ngắn hạn.
- Cơ sở vật chất phục vụ công tác gồm có 10 nhà xưởng, phòng thực hành
- Tổ chức Đảng, đoàn thể: khoa Công nghệ Nhiệt lạnh thuộc chi bộ số 5. Chi bộ số 5 thực hiện lãnh đạo 02 khoa, gồm có: Khoa Công nghệ Nhiệt Lạnh và khoa Điện-Tự động hóa. Có tổ Công đoàn Nhiệt lạnh thuộc khoa Công nghệ Nhiệt lạnh.

Từ những năm thành lập đến nay, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đã đóng góp đáng kể cho thủ đô và cả nước nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo nhiều thế hệ Học sinh – sinh viên (HSSV) tốt nghiệp ra trường trở thành công nhân lành nghề, kỹ thuật viên giỏi, kỹ sư thành thạo và giỏi tay nghề làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, các cơ quan – tổ chức trong và ngoài nước. HSSV sau khi tốt nghiệp ra

trường làm việc đều nhận được sự hài lòng của các doanh nghiệp về kiến thức, kỹ năng, tác phong công nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

Từ năm 2019 Khoa có một số ngành nghề được Bộ LĐTB&XH phê duyệt nghề trọng điểm cấp Asean: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

Quá trình hình thành và phát triển cho đến nay, Cán bộ, nhà giáo, VCLĐ trong Khoa Công nghệ nhiệt lạnh luôn hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhiều năm liền cán bộ, nhà giáo và tập thể Khoa đạt được các thành tích cao trong giảng dạy: Nhà giáo dạy giỏi cấp Thành phố, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Khen thưởng tập thể của Thành phố với bằng khen, cờ thi đua,...

Ngoài những thành tích trong hoạt động giảng dạy, cán bộ, nhà giáo và VCLĐ trong Khoa luôn tích cực học tập nâng cao trình độ và tham gia nghiên cứu đề tài nghiên cứu khoa học đều đạt kết quả Khá, Tốt, Xuất sắc... Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, Khoa đã có những đề xuất, tham mưu với Nhà trường nhiều những giải pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả khi nghiên cứu, áp dụng các đề tài vào thực tế và đem lại hiệu quả thiết thực cho đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong Nhà trường. Những năm học gần đây ngoài công tác nghiên cứu khoa học, các nhà giáo tham gia đào tạo giảng viên nguồn của Công ty Daikin, được cập nhật kiến thức mới nhất về công nghệ kỹ thuật trong lĩnh vực điều hòa không khí; trong đó có 07 nhà giáo được đào tạo cập nhật là giảng viên ủy quyền của công ty Daikin Việt Nam; có 04 nhà giáo tham gia tập huấn, đào tạo giảng viên nguồn của Dự án Làm mát xanh quốc gia (dự án GCI3) do Cục Biến đổi khí hậu - Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ) tổ chức; 02 nhà giáo được đào tạo cập nhật kiến thức, kỹ năng về An toàn trong sử dụng môi chất lạnh tự nhiên; 01 nhà giáo được cử đi học tập cập nhật lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp tại Cộng hòa liên bang Đức và 01 nhà giáo được mời làm chuyên gia trong nước về đào tạo, giảng dạy về An toàn trong sử dụng môi chất lạnh tự nhiên.

Khoa CNNL phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước tổ chức đào tạo, sát hạch các nghề ngắn hạn đáp ứng theo nhu cầu của doanh nghiệp, cụ thể:

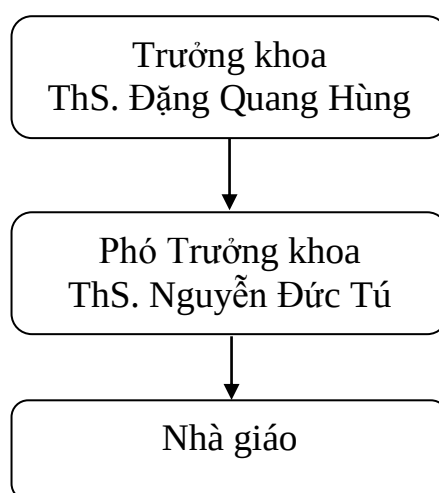
TT	Nghề đào tạo/sát hạch	Số lượng học viên
1	Nghề Hàn	451
2	Đào tạo kỹ thuật viên cho Công ty Daikin	134

3	Đào tạo kỹ thuật viên thuộc trung tâm dữ liệu Viettel	40
4	Điện lạnh, cơ khí, điện	20
5	Đào tạo, tập huấn về An toàn trong sử dụng các môi chất lạnh tự nhiên	45

Phong trào thi đua Dạy tốt – Học tốt đã thu hút được 100% nhà giáo tham gia Hội giảng các cấp và tham gia luyện thi học sinh giỏi tay nghề cho HSSV các cấp đạt những kết quả cao: Năm học 2023 – 2024 có 01 nhà giáo đạt giải Nhất, 01 nhà giáo đạt giải Nhì, 01 nhà giáo đạt giải Ba và 01 nhà giáo đạt giải Khuyến khích Hội giảng cấp trường; 01 nhà giáo đạt giải Ba hội giảng cấp thành phố và năm 2024 tham gia Hội giảng toàn quốc. Năm học 2022 – 2023 Khoa có 9/9 SV tham gia thi tay nghề giỏi cấp trường và đạt: 02 giải Nhất, 02 giải Nhì, 02 giải Ba, 03 giải Khuyến khích và năm học 2023 – 2024 Khoa có 02 sinh viên tham gia thi học sinh giỏi tay nghề cấp Thành phố, kết quả: 01 đạt giải Ba và 01 đạt giải Khuyến khích.

Các năm học 2017 – 2018 và năm học 2018 - 2019 Khoa được UBND Thành phố Hà Nội danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc; Năm 2010-2014 được tặng Bằng khen và tặng cờ thi đua trong các năm học 2019 – 2020 và năm học 2022 - 2023, năm học 2019 – 2020 được UBND Thành phố Hà Nội khen tặng tập thể lao động xuất sắc trong năm học. Năm 2019 Khoa được Bộ LĐTBXH tặng Bằng khen Đạt giải Ba hội thi Thiết bị đào tạo tự làm Toàn quốc năm 2019. Năm 2020 Khoa được UBND Thành phố Hà Nội tặng Bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015- 2020”. Năm học 2023 – 2024 Khoa CNL được UBND Thành phố Hà Nội tặng cờ thi đua.

2.2. Cơ cấu tổ chức



2.3. Các chương trình đào tạo được giao phụ trách

STT	Tên chương trình đào tạo	Ghi chú
1	CTĐT trình độ Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	
2	CTĐT trình độ Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật cơ khí	
3	CTĐT trình độ Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	
4	CTĐT trình độ Sơ cấp Công nghệ ô tô	
5	CTĐT trình độ Sơ cấp Điện lạnh	
6	CTĐT trình độ Sơ cấp Hàn	

2.4. Cơ sở vật chất

Khoa được Nhà trường giao quản lý và sử dụng 10 phòng/xưởng thực hành nhằm phục vụ giảng dạy cơ bản và chuyên môn sâu cho các ngành nghề, cụ thể:

- + Phòng thực hành Cơ khí,
- + Phòng thực hành Hàn,
- + Phòng thực hành Lạnh cơ bản
- + Phòng thực hành Máy lạnh dân dụng
- + Phòng thực hành Điều hòa không khí cục bộ
- + Phòng thực hành Máy lạnh công nghiệp
- + Phòng thực hành Điều hòa không trung tâm & ô tô
- + Phòng thực hành Máy lạnh công nghệ mới
- + Phòng thực hành Hàn nâng cao
- + Phòng thực hành gia công trên máy CNC.

2.5. Kinh phí đầu tư cho đào tạo

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần kinh phí. Ngoài kinh phí cấp hàng năm cho đào tạo, nhà trường còn có nguồn thu từ học phí và dịch vụ khác. Hàng năm trên cơ sở dự toán chi cho hoạt động đào tạo và nguồn ngân sách nhà nước cấp, để có các nguồn thu khác đáp ứng cho hoạt động đào tạo, nhà trường đã nghiên cứu xác

định định mức chi tối thiểu cho một người học. Theo báo cáo quyết toán các năm, tổng số chi cho đào tạo như sau:

Năm 2021: 2.822 Triệu đồng

Năm 2022: 3.990 Triệu đồng

Năm 2023: 4.250 Triệu đồng

Năm 2024: 5.512 Triệu đồng

- Nguồn thu phục vụ cho đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong các năm

Năm	Ngân sách cấp: (ĐVT: Tr đồng)	Học phí (ĐVT: Tr đồng)	Dịch vụ khác bổ sung	Tổng nguồn thu nghề ML và ĐHKK	Bình quân/1HSSV (ĐVT: Tr đồng)
2021		2.540		2.540	6.482
2022		3.848		3.848	7.473
2023	819	3.862		4.681	8.002
2024	2.879	3.453		6.332	10.975

- Theo báo cáo tài chính các năm các năm, tổng số chi cho đào tạo (*1.3.04- Báo cáo tài chính các năm 2021, 2022, 2023*) như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng số chi cho đào tạo	2.822	3.990	4.250	5.512
2	Số học sinh bình quân	392	515	585	577
3	Chi bình quân/HS/năm	7,2	7,75	7,26	9,55

- Đối với riêng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ Cao đẳng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
-------	----------	---------------------	---------------------	---------------------

1	Tổng số chi cho đào tạo	3.990	4.250	5.512
2	Số học sinh bình quân	515	585	577
3	Chi bình quân/HS/năm	7,75	7,26	9,55

Năm 2021 - 2022: Mức thu bình quân 1 HSSV: 6,5 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 7,75 đồng

Năm 2022 - 2023: Mức thu bình quân 1 HSSV: 7,47 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 7,26 đồng

Năm 2023 - 2024: Mức thu bình quân 1 HSSV: 10,98 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 9,55 đồng

Như vậy, qua biểu số liệu trên, Nguồn thu bình quân cho 1 HS của nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK, trình độ Cao đẳng của Trường luôn lớn hơn mức chi cho mỗi học sinh. Như vậy, Nhà trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng là ngành, nghề mà người hành nghề chuyên lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí như: Hệ thống máy lạnh trong các kho lạnh, hệ thống máy lạnh thương nghiệp, máy kem, máy đá, tủ lạnh; hệ thống điều hòa không khí trung tâm, điều hòa không khí cục bộ... đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất, an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thường được bố trí làm việc ở các cơ sở, các công ty dịch vụ chuyên ngành, siêu thị, các nhà máy bia, chế biến sữa, bảo quản thủy hải sản; các nhà máy chế tạo thiết bị máy lạnh, điều hòa không khí, các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí.

Những nhiệm vụ chính của ngành, nghề là: lắp đặt hệ thống máy lạnh công

nghiệp; lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp; lắp đặt hệ thống điều hoà không khí trung tâm; lắp đặt hệ thống điều hoà không khí Chiller; lắp đặt vận hành hệ thống VRV/VRF; bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hoà ô tô; lắp đặt hệ thống điều hoà không khí cục bộ; vận hành hệ thống máy lạnh; vận hành hệ thống điều hoà không khí trung tâm; bảo trì - bảo dưỡng hệ thống lạnh; sửa chữa hệ thống lạnh; nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; tổ chức lao động; giao tiếp với khách hàng.

Môi trường làm việc của ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí thường có độ cao thay đổi, tiếp xúc với các thiết bị điện, thiết bị áp lực đòi hỏi độ tập trung và kỹ năng chuyên ngành cao.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2498 giờ (tương đương 88 tín chỉ).

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các quy định, tiêu chuẩn về bản vẽ kỹ thuật trong nghề;
- Trình bày được những nội dung cơ bản về tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ trong thực hiện các công việc của ngành, nghề;
- Trình bày được phương pháp, quy trình thực hiện xanh hóa trong thực hiện các công việc của nghề;
- Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Mô tả được các loại trang thiết bị, dụng cụ và phân tích được chức năng của từng thiết bị, dụng cụ trong nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí;
- Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hoà không khí cục bộ, điều hoà không khí trung tâm đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hoà không khí Chiller, VRV/VRF;
- Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hoà không khí ô tô;
- Trình bày được phương pháp và quy trình bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Phân tích được các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các hệ thống máy lạnh và điều hoà không khí;
- Phân tích được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong các hệ thống lạnh;

- Xác định được phương pháp cập nhật các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề;
- Trình bày được nguyên lý làm việc, cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị chính được sử dụng trong nghề;
- Trình bày được phương pháp tính toán phụ tải lạnh, chọn, thiết kế lắp đặt sơ bộ được hệ thống điện - lạnh của máy lạnh, điều hòa không khí có năng suất lạnh nhỏ;
- Trình bày được các quy định trong nghiệm thu bàn giao công việc;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2.Kỹ năng

- Đọc được các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa trong hệ thống lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm, điều hòa ô tô...;
- Lựa chọn, sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị chính trong nghề;
- Giám sát và tổ chức thực hiện được công tác an toàn trong lĩnh vực của ngành, nghề;
- Lắp đặt, vận hành thành thạo các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Lắp đặt, vận hành thành thạo các hệ thống điều hòa không khí cục bộ, điều hòa không khí trung tâm đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Bảo trì, bảo dưỡng thành thạo các hệ thống lạnh, hệ thống điều hòa ô tô, lắp đặt vận hành hệ thống VRV/VRF đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;
- Kiểm tra được các thông số kỹ thuật hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào;
- Sửa chữa thành thạo các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh;
- Sửa chữa được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong hệ thống lạnh;
- Tính toán được phụ tải lạnh, chọn, thiết kế, lắp đặt sơ bộ được hệ thống điện lạnh của máy lạnh, điều hòa không khí có năng suất lạnh nhỏ;
- Đánh giá được tác động môi trường của môi chất lạnh và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khi thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;
- Phân loại được rác thải trong công nghiệp;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ;

- Vận hành hệ thống máy lạnh;

- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lạnh;

- Sửa chữa hệ thống lạnh;

- Bảo hành hệ thống lạnh;

- Sửa chữa mạch điện điều khiển cho hệ thống lạnh;

- Lắp đặt hệ thống lạnh công nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí Chiller;

- Lắp đặt vận hành hệ thống VRV/VRF;

- Vận hành hệ thống điều hòa không khí trung tâm;

- Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hòa ô tô.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: **30**

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **88** tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **435** giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **2063** giờ

- Khối lượng lý thuyết: **647** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1750** giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/Thí nghiệm	Thi/ Kiể m tra
I	Các MH/MĐ chung	19	435	157	255	23
CĐ.MH01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
CĐ.MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
CĐ.MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
CĐ.MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
CĐ.MH05	Tin học	3	75	15	58	2
CĐ.MH06	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
II	Các MH/MĐ chuyên môn	69	2063	490	1495	78
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	19	408	177	203	28
CĐ.MH07	Kỹ năng giao tiếp	2	30	28	0	2
ML6.MĐ08	Vẽ kỹ thuật và Autocad	3	60	30	26	4
ML6.MĐ09	Cơ kỹ thuật	2	48	16	28	4
ML6.MĐ10	Máy điện và khí cụ điện	2	48	15	29	4
ML6.MĐ11	Điện cơ bản	2	48	15	29	4
ML6.MH12	Nhiệt kỹ thuật	2	30	28	0	2
ML6.MĐ13	Thực tập cơ khí	4	96	30	62	4
ML6.MĐ14	Điện tử cơ bản	2	48	15	29	4
II.2	MH/MĐ chuyên môn	48	1607	297	1264	46
ML6.MH15	Tiếng Anh chuyên	3	45	43	0	2

	ngành					
ML6.MĐ16	Kỹ thuật Nhiệt - Lạnh cơ bản	3	76	16	56	4
ML6.MĐ17	Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	3	76	16	56	4
ML6.MĐ18	Điều khiển, giám sát hệ thống lạnh	3	60	30	26	4
ML6.MĐ19	Điều hòa không khí ô tô	2	48	16	28	4
ML6.MĐ20	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	3	60	30	26	4
ML6.MĐ21	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ	3	76	16	56	4
ML6.MĐ22	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm	4	80	44	30	6
ML6.MĐ23	Thiết kế, lắp đặt hệ thống điều hòa không khí	3	60	30	28	2
ML6.MĐ24	Thiết kế hệ thống lạnh	2	30	26	0	4
ML6.MĐ25	Sửa chữa mạch điều hòa	2	48	15	29	4
ML6.MĐ26	Gia công ống gió	2	48	15	29	4
ML6.MĐ27	Thực tập trải nghiệm kết hợp sản xuất	4	240	0	240	0
ML6.MĐ28	Thực tập tốt nghiệp	6	360	0	360	0
ML6.MĐ29	Đồ án chuyên ngành	5	300	0	300	0
II.3	<i>MH/MĐ tự chọn (chọn 1 trong 3 mô đun sau)</i>	2	48	16	28	4
ML6.MĐ30	Thiết bị nhiệt dân dụng	2	48	16	28	4
ML6.MĐ31	Chuyên đề máy lạnh và điều hòa không khí công nghệ mới	2	60	14	45	1
ML6.MH32	Quản trị doanh nghiệp	2	30	29	0	1

	Tổng cộng:	88	2498	647	1750	101
--	-------------------	-----------	-------------	------------	-------------	------------

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc được thực hiện theo các thông tư:

- Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBOXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;
- Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBOXH ngày 16/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;
- Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBOXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật;
- Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBOXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;
- Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBOXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học;
- Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBOXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế đào tạo theo luật giáo dục nghề nghiệp. Nội quy, quy chế của trường, phân lớp và làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm và các sự kiện của Nhà trường	Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng mềm. Nâng cao năng lực giao tiếp, làm việc nhóm. Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề.
3	Tham quan các cơ sở	Tập trung	Theo kế	Nhận thức đầy đủ về

	sản xuất	nhóm	hoạch	nghề, tìm kiếm cơ hội việc làm.
4	Đọc và tra cứu sách, tài liệu thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu bổ sung các kiến thức chuyên môn. Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên internet.
5	Tham gia các khóa tập huấn về kỹ năng mềm	Tập trung	Ngoài thời gian học tập	Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng mềm. Nâng cao năng lực giao tiếp, làm việc nhóm. Kỹ năng trả lời phỏng vấn khi xin việc làm.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.
- Người học sau khi được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành.

4.5. Các chú ý khác: Không

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đặt vấn đề

Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là một hoạt động không thể thiếu trong hoạt động dạy nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thì chất lượng nguồn nhân lực là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất. Các cơ sở dạy nghề hằng năm cung cấp một tỷ lệ lớn cho nguồn lao động được đào tạo của Quốc gia. Để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao thì cần phải có các yếu tố đầu vào và các điều kiện đảm bảo trong quá trình đào tạo như: cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập đáp ứng được nhu cầu dạy và học; nội dung chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp, đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn và có trình độ tay nghề cao,...

Trong thời gian vừa qua, các cơ sở dạy nghề đã quan tâm đến chất lượng đào tạo, tổ chức xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề gắn liền với các yêu cầu của doanh nghiệp, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ sở vật chất – hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở dạy nghề cũng đã và đang được tăng cường, đổi mới đáng kể; đội ngũ cán bộ, nhà giáo được đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ; tuy nhiên các hoạt động nói trên phần nào còn mang tính chủ quan và chưa mang lại những kết quả rõ rệt trong việc nâng cao năng lực dạy nghề. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do chưa theo định hướng, yêu cầu của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn có tính khoa học về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

Vì vậy, để đảm bảo và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo tại Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chương trình đào tạo theo công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục GDNN về hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 8/6/2017 ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

Căn cứ công văn số 1323/TCGDNN-KĐCL ngày 23/6/2021 của Tổng cục GDNN về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN năm 2021

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024.

Căn cứ Kế hoạch số 290/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội về Kế hoạch thực hiện Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Tuân thủ các quy định hiện hành về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, đánh giá toàn bộ hoạt động theo hệ thống tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, VCLĐ và HSSV trong Nhà trường về công tác tự đánh giá; đánh giá mức độ, hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân, bộ phận, xem xét thực trạng, chất lượng của chương trình đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu chất lượng cho thời gian tiếp theo.

Duy trì việc rà soát thường xuyên toàn bộ hoạt động của Trường, của chương trình đào tạo so với các tiêu chuẩn có liên quan trong bộ tiêu chí để kịp

thời có những giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường hàng năm.

Là cơ sở để tiến hành đăng ký đánh giá ngoài.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của chương trình đào tạo, có sự tham gia của tất cả các bộ phận và cá nhân liên quan.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo minh bạch, khách quan, trung thực trong quá trình tự đánh giá.

- Các thông tin, phân tích đánh giá cần rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng của Khoa Điện tử - Viễn thông.

- Các nội dung đánh giá có dẫn minh chứng phù hợp để chứng minh.

- Ngôn ngữ mô tả dễ hiểu, văn phong rõ ràng, mạch lạc. Không có lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ Trường, được cập nhật vào dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công trong bộ Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phục vụ quá trình tự đánh giá của đơn vị.

- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của đơn vị và tìm những chứng cứ để chứng minh nội hàm tiêu chuẩn được phân công.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các thành viên trong đơn vị, cán bộ quản lý, nhà giáo, người học và người sử dụng lao động.

- Mô tả, làm rõ thực trạng của đơn vị, phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi cơ quan có thẩm quyền.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT T	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
1	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1- Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	4/6
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một	2	0

TT T	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN <i>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</i>	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
	người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.		
2	<i>Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo</i>	14	14/14
2	Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	<i>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i>	16	16/16
	Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

TT T	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN <i>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</i>	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	<i>Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình</i>	24	22/24
	Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất,	2	2

TT T	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN <i>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</i>	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
	đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
	Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	<i>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</i>	16	12/16
	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực	2	2

TT T	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN <i>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</i>	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
	hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	0
	Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	<i>Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học</i>	8	8/8
	Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
	Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp,	2	2

TT T	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN <i>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</i>	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
	thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.		
	Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	<i>Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng</i>	16	16/16
	Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
	Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2

TT T	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN <i>(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</i>	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
	Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí là nghề truyền thống, thế mạnh của trường trong nhiều năm, vì vậy luôn được nhiều sinh viên lựa chọn theo học. Có được kết quả đó là do:

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí luôn gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Mặt khác, trường luôn rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo trên cơ sở khảo sát nhu cầu sử dụng lao động từ các doanh nghiệp lĩnh vực nhiệt lạnh.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được nhà trường giao, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng năm có sáng tạo, linh hoạt, khắc phục những bất cập, khó khăn; phối hợp có hiệu quả với các đơn vị trong trường để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là nhiệm vụ đào tạo nghề cho học sinh, sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Trường đã xây dựng cụ thể định mức chi phí đào tạo cho từng nghề cụ thể trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Đảm bảo đủ nguồn thu hợp pháp hàng năm để thực hiện nhiệm vụ đào tạo.

**** Những điểm mạnh:***

Trường có xây dựng định mức chi phí đào tạo cho người học; có đủ nguồn thu hợp pháp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

**** Những tồn tại: Không có***

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Từ 2024 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội và địa phương, của ngành, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động nghiên cứu khoa học, thiết kế, chế tạo các mô hình thiết bị đào tạo phục vụ công tác giảng dạy thực hành;

Tiếp tục phối hợp với các phòng chức năng xác định định mức chi tối thiểu cho một người học học chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1.1	2
Tiêu chuẩn 1.2	2
Tiêu chuẩn 1.3	2

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động,

Mục tiêu của Nhà trường được quy định rõ trong chiến lược phát triển trường giai đoạn 2023 – 2030: “*Mục tiêu của Nhà trường đến năm 2030 là Xây dựng Trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh Hà Nội trở thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, trường học thông minh với hệ thống quản trị tiên tiến, có nhiều ngành nghề trọng điểm đạt chuẩn của quốc gia, khu vực và quốc tế, là trung tâm hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín của Việt Nam*” (1.1.01 – Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 - 2030).

Mục tiêu của trường phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Trường được quy định trong Quyết định phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (1.1.02 – Quyết định số 4827/QĐ-

UBND ngày 26/9/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội); được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (**1.1.03 – Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội**). Cụ thể:

Chức năng của trường: Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội có chức năng tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực của thành phố Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu các ngành nghề ở trình độ cao đẳng và ở các trình độ thấp hơn thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; kỹ thuật máy lạnh, điều hòa không khí; công nghệ ô tô; tự động hóa công nghiệp,... và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật. Kèm theo chức năng là 16 nhiệm vụ được UBND Thành phố Hà Nội giao.

Trường cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội được quy hoạch trong mạng lưới trường cao đẳng trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp một số lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực lao động qua đào tạo của Thành phố Hà Nội: Đào tạo nguồn nhân lực đủ về số lượng, có chất lượng và kỹ thuật, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo phù hợp, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, chất lượng đào tạo một số nghề đạt trình độ khu vực ASEAN và thế giới; hình thành đội ngũ lành nghề, nâng cao năng lực cạnh tranh; phổ cập nghề cho người lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội.

Định hướng phát triển ngành nghề cũng như các yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của khu vực đồng bằng Bắc bộ bao gồm Hà Nội và các tỉnh lân cận được thể hiện tại các Quyết định của Thủ tướng chính phủ: *Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*; *Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*). Trong đó xác định “đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp đạt 80 - 85%, trong đó lao động trong lĩnh vực Công nghệ, dịch vụ đạt 85 - 90% qua đào tạo. Định hướng Ưu tiên phát triển theo chiều sâu đối với công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin; Giải pháp chủ yếu là “Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết giữa phát triển nguồn nhân lực với ứng dụng khoa học - công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất để tăng năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm”.

Căn cứ giấy phép đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của trường được phép tổ chức đào tạo nghề liên thông các cấp trình độ theo quy định của luật Giáo dục nghề nghiệp: Trung cấp – Cao đẳng. Mục tiêu đào tạo được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo. Cụ thể mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí: “Chương trình đào tạo “Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí” nhằm đào tạo nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực nhiệt lạnh. Đào tạo trình độ cao đẳng ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp; được trang bị kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành về Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; có khả năng tự đào tạo nâng cao trình độ cho mình”. Mục tiêu cụ thể quy định kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng *(1.1.04 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo)*.

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí là một trong những nghề trọng điểm cấp độ khu vực Asean đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt đào tạo với 05 nghề trọng điểm ch Nhà trường *(1.1.06 - Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ LĐTBXH về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025)*. Do đó nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí luôn có nhu cầu cao về nguồn nhân lực từ thị trường lao động trong các lĩnh vực nhiệt lạnh do sự gia tăng nhanh chóng về công nghệ trên thị trường, đặc biệt nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề cao do yêu cầu về chất lượng bảo dưỡng và sửa chữa. Số liệu khảo sát một số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí như sau: Năm 2021 trường thực hiện khảo sát 12 doanh nghiệp, 12/12 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng; Năm 2022 trường thực hiện khảo sát 13 doanh nghiệp, 13/13 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng. Năm 2023 trường thực hiện khảo sát 14 doanh nghiệp, 14/14 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng. Năm 2024 trường thực hiện khảo sát 15 doanh nghiệp, 15/15 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng. *(1.01.07 – Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022,*

2023,2024; **1.01.08** – *Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023, 2024).*

Từ những phân tích trên, trường đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Trường và nhu cầu thị trường lao động.

Mục tiêu của CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí nói riêng và các ngành đào tạo của nhà trường được công bố trên website của Nhà trường theo địa chỉ www.dttl.edu.vn và được thông qua công tác tuyên truyền tuyển sinh hàng năm (**1.1.09 – Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024).**

Nội dung rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ chương trình đào tạo:

Năm 2017, căn cứ hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, nhà trường đã tổ chức triển khai xây dựng các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở kế thừa bộ chương trình đang sử dụng. Quá trình xây dựng, trường đã thực hiện xác định mục tiêu của chương trình đào tạo; sắp xếp lại nội dung, thời lượng, thứ tự thực hiện các môn học, mô-đun...(1.1.05 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo).*

Trong quá trình thực hiện từ năm học 2017 – 2018, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đã giao nhiệm vụ cho các giáo viên giảng dạy đề xuất các vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh trong chương trình đào tạo. Căn cứ thông tư 21/2018/TT-BLĐTBXH về tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo chất lượng cao, năm 2020, nhà trường đã triển khai tổng rà soát toàn bộ các chương trình đào tạo sau 3 năm thực hiện đào tạo theo bộ chương trình mới trình độ trung cấp, cao đẳng. Khoa đã thực hiện rà soát, điều chỉnh mục tiêu, thời gian đào tạo, cập nhật một số nội dung chuyên môn trong một số môn học, mô-đun phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và cập nhật công nghệ mới trong lĩnh vực nhiệt lạnh theo các tiêu chí quy định tại thông tư 21/2018/TT-BLĐTBXH (**1.1.09 – Bộ chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí điều chỉnh năm 2020, năm 2022, kèm theo hồ sơ thực hiện quá trình rà soát, điều chỉnh).**

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội, Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cho Khoa Công nghệ nhiệt lạnh và các đơn vị có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí là các phòng chức năng phối hợp và một số khoa chuyên môn như: Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện tử - viễn thông, Khoa Điện – Tự động hóa, Khoa Giáo dục đại cương và VHPT,... ***(1.1.03 – Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội).***

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Khoa Công nghệ nhiệt lạnh và các Khoa, các đơn vị liên quan, Phòng Quản lý Đào tạo đã phối hợp với Khoa Công nghệ nhiệt lạnh xây dựng tiến độ, khối lượng của các khóa học, của từng hệ đào tạo theo từng học kỳ, từng năm học, đã phân chia, giao nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo các khóa, các hệ của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cho các khoa, các đơn vị liên quan theo đúng chức năng, nhiệm vụ ***(1.2.01 – Các Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm của Nhà trường).***

Các nhiệm vụ cơ bản mà Khoa Công nghệ nhiệt lạnh được nhà trường giao, thực hiện và đã hoàn thành như sau:

Năm học 2021 - 2022:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đối với khóa 46, 48,49 đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ, nội dung chương trình, quản lý giáo viên và chất lượng đào tạo của khoa dần đi vào ổn định và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện;
- 100% nhà giáo cơ hữu dạy đủ và vượt giờ.
- 100% nhà giáo tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp trường
- Tham gia thi giáo viên dạy giỏi các cấp toàn quốc : 01
- Tham gia thi tay nghề thành phố:0
- Tham gia thi thiết bị đào tạo tự làm Thành phố Hà Nội:0

Kết quả xếp loại thi đua của đơn vị: Tập thể lao động tiên tiến

Năm học 2022 - 2023:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đối với khóa 47, 48, 49 đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ, nội dung chương trình, quản lý giáo viên và chất lượng đào tạo của khoa dần đi vào ổn định và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện;

- 100% nhà giáo cơ hữu dạy đủ và vượt giờ.

- 100% nhà giáo cơ hữu dạy đủ và vượt giờ.

- Tham gia thi giáo viên dạy giỏi các cấp:

11 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 01 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường

- Tham gia thi tay nghề thành phố:0

- Tham gia thi thiết bị đào tạo tự làm Thành phố Hà Nội:0

Kết quả xếp loại thi đua của đơn vị: Tập thể xuất sắc trong phong trào thi đua

Năm học 2023 - 2024:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đối với khóa 48, 49, 50 đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ, nội dung chương trình, quản lý giáo viên và chất lượng đào tạo của khoa dần đi vào ổn định và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện;

- 100% nhà giáo cơ hữu dạy đủ và vượt giờ.

- 100% nhà giáo cơ hữu dạy đủ và vượt giờ.

- Tham gia thi giáo viên dạy giỏi các cấp:

10 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 06 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường, 01 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp thành phố đạt giải ba,

- Tham gia thi tay nghề thành phố:0

- Tham gia thi thiết bị đào tạo tự làm Thành phố Hà Nội:0

Kết quả xếp loại thi đua của đơn vị: Tập thể xuất sắc trong phong trào thi đua

(1.2.02 - Báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024; 1.2.04- Các Quyết định công nhận đánh giá, xếp loại viên chức các năm học 2021-2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024; 1.2.05 – Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua các năm học 2021-2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học.

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần kinh phí. Ngoài kinh phí cấp hàng năm cho đào tạo, nhà trường còn có nguồn thu từ học phí và dịch vụ khác. Hàng năm trên cơ sở dự toán chi cho hoạt động đào tạo và nguồn ngân sách nhà nước cấp, để có các nguồn thu khác đáp ứng cho hoạt động đào tạo, nhà trường đã nghiên cứu xác định định mức chi tối thiểu cho một người học **(1.3.01 – Văn bản về mức chi tối thiểu đối với các nghề đào tạo của trường)**. Từ đó có cơ sở xây dựng mức thu cho phù hợp; Quyết định này qui định mức thu học phí các năm học 2021 - 2022, 2022 – 2023, 2023 – 2024 **(1.3.02 – Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024)**. Năm 2024, nhà trường ra quyết định mức thu học phí năm học 2024-2025 cho phù hợp với quy định mới của nhà nước. Mức thu được xây dựng trên cơ sở xác định chi phí đào tạo bình quân cho 1 học sinh **(chi phí Giáo viên, chi phí vật tư, tiêu hao điện năng và các chi phí khác)** sau khi trừ đi chi phí bình quân 1 học sinh từ nguồn ngân sách cấp và dịch vụ khác.

- Để thực hiện chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, ngoài nguồn thu từ ngân sách cấp, còn có nguồn thu từ học phí và dịch vụ khác bổ sung. Cụ thể: Nguồn thu phục vụ cho đào tạo nghề Máy lạnh và điều hòa không khí trong 4 năm **(1.3.03 – Tổng hợp nguồn kinh phí nghề máy lạnh và điều hòa không khí)**:
- Nguồn thu phục vụ cho đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong các năm

Năm	Ngân sách cấp: (ĐVT: Tr đồng)	Học phí (ĐVT: Tr đồng)	Dịch vụ khác bổ sung	Tổng nguồn thu nghề ML và ĐHKK	Bình quân/1HSSV (ĐVT: Tr đồng)
2021		2.540		2.540	6.482
2022		3.848		3.848	7.473

2023	819	3.862		4.681	8.002
2024	2.879	3.453		6.332	10.975

Theo báo cáo quyết toán các năm, tổng số chi cho đào tạo *(1.3.04- Báo cáo tài chính các năm 2021, 2022, 2023)* như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng số chi cho đào tạo	2.822	3.990	4.250	5.512
2	Số học sinh bình quân	392	515	585	577
3	Chi bình quân/HS/năm	7,2	7,75	7,26	9,55

- Đối với riêng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ Cao đẳng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số chi cho đào tạo	3.990	4.250	5.512
2	Số học sinh bình quân	515	585	577
3	Chi bình quân/HS/năm	7,75	7,26	9,55

Năm 2021 - 2022: Mức thu bình quân 1 HSSV: 6,5 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 7,75 đồng

Năm 2022 - 2023: Mức thu bình quân 1 HSSV: 7,47 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 7,26 đồng

Năm 2023 - 2024: Mức thu bình quân 1 HSSV: 10,98 đồng

Mức chi bình quân 1 HSSV: 9,55 đồng

Như vậy, qua biểu số liệu trên, Nguồn thu bình quân cho 1 HS của nghề Máy lạnh và ĐHKK, trình độ Cao đẳng của Trường luôn lớn hơn mức chi cho

mỗi học sinh. Như vậy, Nhà trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

(1.3.02 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.3.04 – Báo cáo tài chính các năm 2021, 2022, 2023).

Kết luận: Nhà trường đã có nghiên cứu để xác định mức chi tối thiểu cho một người học làm cơ sở xác định mức thu, để đảm bảo nguồn kinh phí để đảm bảo được chất lượng của chương trình đào tạo. Để thực hiện chương trình đào tạo, ngoài nguồn thu từ nguồn ngân sách hàng năm, nhà trường còn có nguồn thu từ học phí của người học và có các hoạt động dịch vụ để tạo nguồn thu bổ sung cho hoạt động đào tạo.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 02 điểm.

TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đào tạo để khẳng định thương hiệu của nhà trường với người học và Xã hội. Vì vậy hoạt động đào tạo luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Quá trình thực hiện, thường xuyên kiểm tra, giám sát để kịp thời khắc phục những khuyết điểm, tồn tại. Trường khái quát những điểm chính trong tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí như sau:

Thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy định tại thông tư 07/2019/TT-BLĐTBXH và thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH; số học sinh đăng ký vào học nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong các năm 2018 – 2021 so với chỉ tiêu đăng ký trong giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp chưa được cao.

Tổ chức quá trình đào tạo; thi, kiểm tra; cấp phát văn bằng chứng chỉ của trường cũng như nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đều được tuân theo quy định tại các thông tư: Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 quy định việc tổ chức thực hiện CTĐT trình độ TC, CĐ theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy

định về danh mục hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ; Thông tư số 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

Các nhà giáo của Khoa Công nghệ nhiệt lạnh thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; Nhiều môn học, mô-đun chuyên môn nghề có sử dụng các phần mềm, thiết bị đa phương tiện trong hoạt động dạy và học. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của trường.

Khoa thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; Hàng năm 100% học sinh, sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực nhiệt lạnh.

** Những điểm mạnh:*

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có 100% mô-đun chuyên môn có sử dụng phần mềm dạy học.

100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.

** Những tồn tại:*

Số lượng thiết bị, vật tư chưa đầy đủ theo đúng quy định.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường căn cứ vào nhu cầu người học, điều kiện thực tế của nhà trường để điều chỉnh quy mô tuyển sinh cho phù hợp; Mở rộng đối tượng tuyển sinh; tăng số lượng đào tạo sơ cấp để đáp ứng nhu cầu của người học; Đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo bên cạnh tổ chức đào tạo theo niên chế, nhà trường giao phòng chức năng tham mưu xây dựng quy chế tuyển sinh, quy chế tổ chức đào tạo để tổ chức theo phương thức tín chỉ hoặc tích lũy mô-đun.

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh tích cực triển khai công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời, đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy học và quản lý, sử dụng hiệu quả; Triệt để áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Nhà trường và Khoa tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đào tạo và nghiệp vụ quản lý đào tạo.

Tích cực mở rộng quan hệ doanh nghiệp, gắn kết đào tạo với nội dung, công việc của doanh nghiệp để nhà giáo và người học có điều kiện tiếp cận với công việc thực tế tại doanh nghiệp và các công nghệ mới.

Điểm đánh giá tiêu chí 2.

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	12
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các thông tư 07/2019/TT– BLĐTBXH; 05/2021/TT – BLĐTBXH để phù hợp với tình hình thực tế tuyển sinh của Trường, Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội đã ban hành Quy chế tuyển sinh hàng năm, trong đó quy định rõ đối tượng tuyển sinh, hình thức xét tuyển, các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh, thủ tục và hồ sơ đăng ký học nghề, đảm bảo tuân thủ đúng quy chế của Bộ LĐTBXH, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh cũng như các đặc điểm riêng của Trường để áp dụng cho toàn trường, trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (**2.1.01 - Quy chế tuyển sinh của nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024 kèm theo quyết định ban hành**).

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh (2.1.02 – *Kế hoạch tuyển sinh của Trường năm 2021,2022, 2023, 2024; Thông báo tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023, 2024*), thành lập hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh gồm ban thư ký, ban tư vấn tuyển truyền tuyển sinh. Hội đồng Tuyển sinh họp phân công nhiệm vụ cho các ban giúp việc và thực hiện Tuyển sinh trong năm học (2.1.03 – *Quyết thành lập hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh năm 2021,2022, 2023, 2024*). Căn cứ vào báo cáo kết quả tuyển sinh (2.1.04 – *Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2021,2022, 2023, 2024*), hồ sơ trúng tuyển và hồ sơ nhập học, nhà trường lập danh sách nhập học và ban hành quyết định phân lớp (2.1.05 – *Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm 2021,2022, 2023, 2024; 2.1.06- Quyết định danh sách trúng tuyển năm 2021,2022, 2023, 2024; 2.1.07- Quyết định thành lập lớp năm 2021,2022, 2023, 2024*).

Mọi thông tin về công tác tuyển sinh được đăng tải trên trang Web của Trường, trên các kênh thông tin đại chúng khác (2.1.02 – *Kế hoạch tuyển sinh của Trường năm 2021,2022, 2023, 2024; Thông báo tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023; 2024; 2.1.08 – Hồ sơ tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023; 2024*).

Tổng hợp chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm nhà trường phân bổ cho nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và kết quả tuyển sinh, cụ thể như sau:

Năm học	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Chỉ tiêu	175	175	175
Kết quả	142	184	164
Tỷ lệ%	81%	105%	94%

(2.1.07- *Quyết định thành lập lớp năm học 2021 - 2022, 2022 -2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025 – nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK*).

Đối chiếu các số liệu trên với hướng dẫn tại công văn 454/ CV- TCGDNN về chỉ tiêu tuyển sinh, thì trường chưa đảm bảo kết quả tuyển sinh đạt 80% trong 3 năm liên tục.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Nhà trường tự đánh giá không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào quyết định thành lập lớp Hiệu trưởng đã phê duyệt, Phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo. Việc triển khai tổ chức đào tạo theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/03/2017 quy định việc tổ chức thực hiện CTĐT trình độ TC, CĐ theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30/03/2022 quy định việc tổ chức đào tạo trình độ TC, CĐ theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô –đun hoặc tín chỉ và Thông tư số 23/2018/TT-BLĐT BXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về danh mục hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ.

Căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo xây dựng đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh lập kế hoạch phân công giảng dạy cho các giáo viên trong khoa theo thời khoá biểu của Phòng Quản lý đào tạo theo từng học kỳ, từng môn học/mô–đun theo các giờ học lý thuyết, thực hành và tích hợp với thời gian, thời lượng giảng dạy; địa điểm giảng dạy phù hợp với MH/MĐ (***2.2.01- Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.02-Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.03- Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025***). Cụ thể: các môn học lý thuyết bố trí học tại các phòng học lý thuyết có trang bị đầy đủ các điều kiện ánh sáng, quạt mát, màn hình/máy chiếu. Đối với mô–đun tổ chức đào tạo tại các phòng thực hành chuyên môn nghề, có đầy đủ các điều kiện trang thiết bị, vật tư vật liệu thực hành theo yêu cầu quy định trong từng mô–đun, từng bài tích hợp, thực hành; các phòng học có lắp Camera theo dõi việc thực hiện giảng dạy. Mỗi nhà giáo đều được phân công giảng dạy MH/MĐ trước thời gian giảng dạy tiến hành chuẩn bị: hồ sơ giảng dạy (*Căn cứ vào hướng dẫn tại thông tư số 23/2018/TT- BLĐT BXH ngày 06/12/2018 quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*);

(2.2.03- *Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025; 2.2.04 - Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025. 2.2.05-Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025).*

Số lượng các lớp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong các năm học như sau:

Số lượng các lớp nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong các năm học như sau:

Năm 2021-2022: Tổ chức đào tạo các lớp:

K46 :46KTML1, 46KTML2, 46KTML3, 46KTML4, 46LTML

K47 :47KTML1, 47KTML2, 47KTML3

K48: 48KTML1, 48KTML2, 48LTML

Năm 2022-2023: Tổ chức đào tạo các lớp:

K47 :47KTML1, 47KTML2, 47KTML3

K48: 48KTML1, 48KTML2, 48LTML

K49: 49KTML1, 49KTML2, 49LTML

Năm 2023-2024: Tổ chức đào tạo các lớp

K48: 48KTML1, 48KTML2, 48LTML

K49: 49KTML1, 49KTML2, 49LTML

K50: 50KTML1, 50KTML2, 50LTML

Năm 2024-2025: Tổ chức đào tạo các lớp

K49: 49KTML1, 49KTML2

K50: 50KTML1, 50KTML2, 50LTML

K51: 51KTML1, 51KTML2, 51LTML

Khoa kết hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí - ĐBCL thực hiện thanh, kiểm tra công tác dự giờ đột xuất; thanh kiểm tra công tác đào tạo, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà giáo và người học (2.2.06- *Kế hoạch thanh, kiểm tra nội bộ các năm học 2021 - 2022, 2022- 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.07 – Báo cáo kết quả; biên bản công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025).*

Cuối mỗi năm học, mỗi khóa học, Phòng Quản lý Đào tạo làm báo cáo tổng kết để rà soát và đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, từ đó xây dựng

phương hướng hành động khắc phục các mặt tồn tại (*2.2.08 – Các báo cáo đánh giá sơ kết học kỳ, tổng kết năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024*).

Hàng năm theo kế hoạch của trường, khoa đều tổ chức lấy ý kiến của nhà giáo và người học nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí về việc thực hiện các hoạt động dạy và học, hoạt động của Nhà trường (*2.2.09-Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đã thực hiện đúng thời lượng, thời gian, phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn.

Theo quy định tại thông tư 03/2017/TTBLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ lao động thương binh xã hội, chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được thiết kế đảm bảo tỷ lệ lý thuyết và thực hành: Chương trình cao đẳng có số lượng 78 tín chỉ, tỷ lệ phân bổ thời gian 466 giờ lý thuyết/1576 giờ thực hành là xấp xỉ 30/70; mặt khác các nội dung chuyên môn trong chương trình đào tạo đều được thiết kế theo các mô-đun tích hợp giữa nội dung kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp, do đó tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích hợp (*1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo*).

Để phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm của người học, trong quá trình giảng dạy nhà giáo của khoa đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực hướng tới người học: phương pháp nêu vấn đề; phương pháp thảo luận nhóm; giao bài tập áp dụng để trang bị kiến thức chuyên môn đồng thời kết hợp rèn luyện năng lực thực hành thông qua thao

tác làm mẫu. Đồng thời phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của trang thiết bị dạy học như: máy chiếu, mô hình học cụ, phần mềm dạy học. Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí là nghề trọng điểm Khu vực vì vậy các thiết bị đào tạo được đầu tư tương đối đủ và đồng bộ, người học thực hành trên các thiết bị thật; Sắp xếp, bố trí phòng học theo hướng dạy tích hợp, tích hợp giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành tại phòng học. Các bài tập thực hành đều chia nhóm để người học luyện tập. Các cá nhân trong nhóm độc lập với nhiệm vụ được giao, đồng thời có sự liên kết nhóm để hoàn thiện bài tập (2.2.05- *Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025*).

Nhà trường, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí – ĐBCL và Khoa cũng thường xuyên tổ chức thực hiện việc dự giờ chuyên môn, tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, tổ chức hội thi kỹ năng tay nghề nhà giáo cấp trường theo quy định. Có biên bản nhận xét đánh giá giờ dự thể hiện rõ giáo viên thực hiện nhiều phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm của người học (2.3.01 – *Hồ sơ dự giờ dự giờ nhà giáo Khoa Công nghệ nhiệt lạnh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025; 2.3.02- Hồ sơ hội giảng các cấp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.3.03- Các báo cáo đánh giá kết quả hội giảng năm 2021, 2022, 2023*).

Quá trình thực tập tại doanh nghiệp, nhà trường cũng triệt để áp dụng phương pháp thực tập nhóm để người học rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức các công việc theo nhóm sản xuất, giúp người học rèn luyện đầy đủ các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và kỹ năng quản lý, qua đó phát huy tính độc lập, sáng tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn của người học (2.3.04-*Kế hoạch thực tập năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.05-Hợp đồng tiếp nhận sinh viên trải nghiệm thực tập tại các Doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.06-Quyết định cử HS đi thực tập tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.07-Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.08-Đề cương thực tập, phiếu TTTN của HSSV, báo cáo của giáo viên hướng dẫn HSSV đi TTTN*). Kết thúc quá trình thực hành, thực tập đều có sự đánh giá của Doanh nghiệp theo đúng quy định (2.3.09-*Sổ theo dõi thực tập tại doanh nghiệp*).

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học, Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Markmen để quản lý trong công tác đào tạo. Phần mềm được ứng dụng trong các hệ Cao đẳng, Trung cấp. Các chức năng chính như trong công tác tuyển sinh, xét tuyển, phân lớp, quản lý học sinh – sinh viên, quản lý chương trình đào tạo, quản lý thời khóa biểu, tiến độ giảng dạy, quản lý điểm, bằng cấp ...

Nhà giáo của khoa chú trọng việc ứng dụng công nghệ và ứng dụng các phần mềm hỗ trợ soạn giáo án, bài giảng, giáo trình, bài giảng điện tử; dựng video clip thực hành. Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trên 50% các MH/MĐ chuyên môn sử dụng thiết bị, phần mềm ứng dụng, phần mềm mô phỏng *(2.3.10-Danh sách MH/MĐ sử dụng phần mềm mô phỏng, các phần mềm dạy học và phần mềm quản lý đào tạo Markmen)*

Trình độ	Năm học	Tổng số MH/MĐ chuyên môn trong Chương trình đào tạo	Số MH,MĐ chuyên môn sử dụng phần mềm ứng dụng	Tỉ lệ %
Cao đẳng	2021 – 2022	24	24	100%
	2022 – 2023	24	24	100%
	2023 – 2024	24	24	100%
	2024 – 2025	24	24	100%
Trung cấp	2021 – 2022	17	17	100%
	2022 – 2023	17	17	100%
	2023 – 2024	17	17	100%
	2024 – 2025	17	17	100%

Toàn bộ chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đều được cập nhật lên thư viện điện tử của trường.

Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức

chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học”. Kết quả:

TT	Đối tượng	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	CBQL, Giáo viên	2022	Số phiếu: 37	0	0	6	10	20
			Tỷ lệ: 100 %			16,67%	27,78%	55,56%
		2023	Số phiếu: 36	0	0	4	16	16
			Tỷ lệ: 100 %			11,11%	44,44%	44,44%
		2024	Số phiếu: 36	0	0	6	120	70
			Tỷ lệ: 100 %			3,06%	61,22%	35,71%
2	HSSV	2021	Số phiếu: 196	0	0	23	84	44
			Tỷ lệ: 100 %			15,23%	55,63%	29,14%
		2022	Số phiếu: 151	0	0	10	210	10
			Tỷ lệ: 100 %			4,35%	91,30%	4,35%
		2023	Số phiếu: 230	0	0	0	18	19
			Tỷ lệ: 100 %				48,65%	51,35%

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trình độ trung cấp người học có 600 giờ thực tập trải nghiệm kết hợp sản xuất và thực tập tốt nghiệp (chương trình trung cấp), trình độ cao đẳng có 960 giờ thực tập trải nghiệm kết hợp sản xuất và thực tập tốt nghiệp (chương trình cao đẳng) thực tập tại doanh nghiệp. Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo; căn cứ vào các biên bản, hợp đồng đã có với doanh nghiệp Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh phối hợp xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập cho sinh viên. Sau khi có kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp, Hiệu trưởng nhà trường sẽ ra quyết định cử học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp (có danh sách kèm theo). Kèm theo quyết định cử học sinh, sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp là quyết định cử giáo viên đi hướng dẫn học sinh, sinh viên tại doanh nghiệp. Căn cứ nội dung chương trình đào tạo, giáo viên xây dựng đề cương thực hành, thực tập doanh nghiệp, hướng dẫn học sinh, sinh viên. Đối với học sinh hệ trung cấp thời gian thực tập được bố trí sau khi kết thúc học các môn học, mô-đun chuyên môn nghề, trước khi thi tốt nghiệp. Đối với sinh viên hệ cao đẳng, thời gian thực tập được bố trí hai đợt: Đợt 1 thực tập trải nghiệm kết hợp sản xuất (vào năm thứ hai của chương trình cao đẳng); đợt 2 sau khi đã hoàn thành toàn bộ nội dung học tập, trước khi tốt nghiệp (năm cuối) *(1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 2.3.08- Đề cương thực tập, phiếu TTTN của HSSV, báo cáo của giáo viên hướng dẫn HSSV đi TTTN).*

Trong các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đã liên kết với các doanh nghiệp để các sinh viên của khoa đến thực tập, đạt 100% *(1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 2.3.04-Kế hoạch thực tập năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.05-Hợp đồng tiếp nhận sinh viên trải nghiệm thực tập tại các Doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.06-Quyết định cử HS đi thực tập tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.07-Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2021, 2022, 2023, 2024).*

Kết thúc các đợt thực tập học sinh, sinh viên làm báo cáo quá trình thực tập có nhận xét của quản lý phân xưởng các công ty về nhà trường làm cơ sở đánh giá điểm cho học sinh, sinh viên *(2.3.08-Đề cương thực tập, phiếu TTTN*

của HSSV, báo cáo của giáo viên hướng dẫn HSSV đi TTTN; 2.3.09-Sổ theo dõi thực tập tại doanh nghiệp).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện.

Căn cứ vào các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo trong đó có đầy đủ các nội dung: Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập theo hướng dẫn tại Thông tư số: 09/2017/TT/BLĐTBXH ban hành ngày 13/3/2017 của Bộ LĐTBXH về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định Số 146/QĐ-CĐĐTĐL ngày 12/4/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (áp dụng cho năm học 2021 – 2022 và các năm trước đó); Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo trong đó có đầy đủ các nội dung: Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập theo hướng dẫn tại Thông tư số: 04/2022/TT/BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp kèm theo Quyết định Số 292/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (áp dụng từ năm học 2022 – 2023) (**2.5.01- Các quy chế đào tạo**). Sau khi kết thúc từng môn học, mô-đun và sau khi kết thúc khóa học, theo kế hoạch đào tạo của trường; Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí – ĐBCL phối hợp với Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đã tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập theo quy định.

Thi kết thúc môn học, mô-đun.

Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ do giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện, số giờ được quy định cụ thể trong chương trình

môn học, mô-đun và được quy định trong Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Nhà trường ban hành: Quyết định Số 146/QĐ-CĐĐTĐL ngày 12/4/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Quyết định Số 292/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội; *(2.5.01- Các quy chế đào tạo).*

- Tổ chức kiểm tra, thi hết môn học, mô-đun được thực hiện theo kế hoạch đào tạo hàng kì, hàng năm. Đơn vị đầu mối tổ chức thi là Phòng Khảo thí - ĐBCL phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo và Khoa Công nghệ nhiệt lạnh; nội dung thi gồm phần thi lý thuyết và phần thi thực hành, tích hợp *(2.2.01-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.02-Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.02 – Lịch thi học kỳ các năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.03-Quy trình về tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun, ...)*. Đề thi kết thúc MH/MĐ có nội dung, yêu cầu cụ thể, có đáp án, thang điểm chấm rõ ràng và có ký xác nhận của khoa chuyên môn. Để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan trước, trong và sau khi thi, đối với thi kết thúc MH/MĐ Nhà trường bố trí 02 giáo viên coi thi, chấm thi theo quy định. Phần mềm Quản lý đào tạo của Nhà trường được thiết kế, xây dựng, tính toán cơ sở dữ liệu theo các quy định hiện hành về GDNN, điểm thi kết thúc các MH/MĐ được nhập vào phần mềm Quản lý đào tạo, tự động tổng kết môn, tổng kết học kỳ, tổng kết năm học, đánh giá xếp loại học tập cho HSSV. Giáo viên hoàn thành và ký bảng theo dõi, đánh giá kết quả học tập của HSSV; trình trưởng đơn vị ký duyệt, sau đó nộp về Phòng Khảo thí - ĐBCL theo đề tổ chức thi theo đúng quy định, quy trình *(2.5.04 – Hồ sơ thi kết thúc MĐ/MH năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025)*.

Hình thức kiểm tra, thi: Đối với nội dung lý thuyết, Trường áp dụng hình thức thi viết (kết hợp trắc nghiệm và tự luận), thi vấn đáp, thi trắc nghiệm; Đối với thi thực hành, tích hợp sinh viên làm bài tập thực hành, bài tập tích hợp, bài tập lớn, bảo vệ đồ án mô-đun,... *(2.5.05 – Đề thi kết thúc MH/MĐ)*.

Tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp: Theo quy chế đào tạo, đầu năm học Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp cho các khóa đào tạo tốt nghiệp trong năm học. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các ủy viên; Hội đồng tổ chức họp xét và công nhận HSSV đủ điều kiện được công nhận tốt nghiệp của HSSV theo danh sách đề nghị của Phòng Khảo thí - ĐBCL này là do Phòng Quản lý đào tạo

phụ trách căn cứ kết quả học tập và rèn luyện toàn khóa của học sinh, sinh viên (2.5.06- Các Quyết định thành lập hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.07- Biên bản họp hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025);

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV đảm bảo đúng nguyên tắc theo thang điểm 100 trên cơ sở bốn nội dung: Ý thức, thái độ và kết quả học tập; Ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường; Ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể của khoa (2.5.08 – Kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025).

Căn cứ vào Quyết định công nhận tốt nghiệp, nhà trường thông báo công khai cho HSSV trên trang Web. Bộ phận in sao văn bằng, chứng chỉ sẽ căn cứ vào danh sách công nhận tốt nghiệp để in văn bằng và tổng hợp bảng kết quả học tập toàn khóa cho từng học sinh sinh viên. Đúng thời gian quy định sẽ thực hiện cấp phát bằng theo đúng quy định (2.5.09 - Sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng; 2.5.10 – Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024).

Hàng năm nhà trường đều tổ chức kiểm tra các hoạt động về tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng chứng chỉ để từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo (2.5.11 – Hồ sơ kiểm tra của trường về các hoạt động về tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng chứng chỉ).

Để cụ thể hơn các bước thực hiện và đơn vị thực hiện, cụ thể hóa biểu mẫu thực hiện, Nhà trường ban hành bộ quy trình đảm bảo chất lượng, trong đó có quy trình tổ chức thi kết thúc MĐ/MH; quy trình xét và công nhận tốt nghiệp, quy trình đánh giá kết quả học tập, quy trình cấp văn bằng chứng chỉ (2.5.12 - Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp).

Trình độ	Năm học	Số SV tốt nghiệp nghề KTML&ĐHKK	Ghi chú
Cao đẳng	2021 – 2022	112	

	2022 – 2023	121	
	2023 – 2024	69	
Cao đẳng liên thông	2021 – 2022	0	Do không tuyển sinh được
	2022 – 2023	6	
	2023 – 2024	9	
Trung cấp	2021 – 2022	23	
	2022 – 2023	13	
	2023 – 2024	0	Do không tuyển sinh được

Hồ sơ học sinh, sinh viên từ hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ dữ liệu học tập cá nhân được Nhà trường lưu trữ đầy đủ theo quy định, đảm bảo bảo khoa học, chính xác, tiện tra cứu.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường luôn thực hiện đúng quy chế đào tạo của BLĐTBXH về công tác thanh kiểm tra hoạt động dạy và học. Quy định về việc kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo được thể hiện trong quy chế đào tạo của trường. Đầu năm học hằng năm Phòng Khảo thí - ĐBCL tham mưu xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ trình lãnh đạo trường phê duyệt **(2.50.01- Các quy chế đào tạo; 1.11.03 - Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ các năm học: 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025).**

Hàng tháng, Phòng Khảo thí - ĐBCL căn cứ vào kế hoạch thanh, kiểm tra nội bộ năm học hằng năm đã xây dựng triển khai thực hiện trong các tháng tháng để kiểm tra, giám sát. Căn cứ vào tiến độ đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo lập thời khoá biểu theo tuần. Hàng ngày, hàng tuần bộ phận thanh, kiểm tra thuộc Phòng Khảo thí - ĐBCL kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, công

tác chuẩn bị và thực hiện giờ giảng của giáo viên, tổ chức học tập cho học sinh, sinh viên trên lớp lý thuyết và phòng học thực hành đối với các lớp học tại trường. Ngoài việc kiểm tra thường xuyên, việc kiểm tra hồ sơ giảng dạy của các nhà giáo được thực hiện tại các khoa chuyên môn và qua hoạt động thanh, kiểm được thực hiện theo kế hoạch đã công khai từ đầu năm học.

Cụ thể:

Năm học 2021 – 2022: Thực hiện theo Kế hoạch số 281/KH-CĐĐTĐL ngày 11/10/2021 về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2021 – 2022.

Số cuộc kiểm tra: 05

Các nội dung kiểm tra: Tổ chức thực hiện kiểm tra hồ sơ, sổ sách của nhà giáo; hồ sơ quản lý hoạt động thực hiện kế hoạch đào tạo. Thanh tra, kiểm tra hồ sơ tuyển sinh, nhập học các hệ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm 2022. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy trình sửa chữa trang thiết bị trong Nhà trường.

Năm học 2022 – 2023: Thực hiện theo Kế hoạch số 312/KH-CĐĐTĐL ngày 21/9/2022 về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2022 – 2023.

Số cuộc kiểm tra: 05

Các nội dung kiểm tra: Tổ chức thực hiện kiểm tra hồ sơ, sổ sách của nhà giáo; hồ sơ quản lý hoạt động thực hiện kế hoạch đào tạo. Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, tình hình sử dụng trang thiết bị, vật tư trong quá trình giảng dạy và sau giảng dạy của một số mô đun/môn học thuộc các khoa. Thanh tra, kiểm tra hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức, lao động hàng tháng và năm học 2021 – 2022.

Năm học 2023 – 2024: Thực hiện theo Kế hoạch số 350/KH-CĐĐTĐL ngày 28/9/2023 về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2023 – 2024.

Số cuộc kiểm tra: 02

Các nội dung kiểm tra: Tổ chức thực hiện kiểm tra hồ sơ, sổ sách của nhà giáo; hồ sơ quản lý hoạt động thực hiện kế hoạch đào tạo của. Thanh tra, kiểm tra hồ sơ tuyển sinh, nhập học, quản lý đào tạo các lớp đào tạo sơ cấp, thường xuyên năm 2023.

Năm học 2024 – 2025: Thực hiện theo Kế hoạch số 336/KH-CĐĐTĐL ngày 05/8/2024 về Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2024 – 2025.

Số cuộc kiểm tra: 04

Các nội dung kiểm tra: Tổ chức thực hiện kiểm tra hồ sơ tổ chức thi; kiểm tra hồ sơ, sổ sách của nhà giáo; hồ sơ quản lý hoạt động thực hiện kế hoạch đào tạo của; công tác quản lý, tình hình sử dụng trang thiết bị, dụng cụ, vật tư trong quá trình giảng dạy và sau giảng dạy. Thanh tra, kiểm tra hồ sơ tuyển sinh, nhập học, quản lý đào tạo các lớp đào tạo sơ cấp, thường xuyên năm 2024.

Công tác tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học được nhà trường thực hiện đúng theo kế hoạch, khách quan, chính xác, đảm bảo đúng quy định cụ thể là hàng tháng Phòng Khảo thí - ĐBCL báo cáo bằng văn bản gửi lãnh đạo nhà trường, đề xuất kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo (**2.6.01 - Các biên bản kiểm tra năm học 2021 - 2022, 2022- 2023, 2023-2024, 2024 - 2025; 2.6.02 - Hồ sơ dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy; 2.6.03-Các báo cáo công tác kiểm tra năm học 2021 - 2022, 2022- 2023, 2023-2024, 2024 - 2025**).

Hàng năm, sau các hoạt động kiểm tra theo kế hoạch, đơn vị đầu mối là Phòng Khảo thí - ĐBCL đều có các báo cáo kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học. báo cáo gồm các nội dung:

1. Mục đích, yêu cầu của hoạt động kiểm tra giám sát dạy và học.
2. Kết quả thực hiện các nội dung kiểm tra.
3. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, nguyên nhân của hoạt động dạy và học thông qua công tác kiểm tra.
4. Kiến nghị, đề xuất các giải pháp cải tiến, khắc phục các tồn tại trong hoạt động dạy và học.

(2.6.03 - Các báo cáo công tác kiểm tra năm học 2021 - 2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024 - 2025).

Căn cứ kết quả của công tác thanh tra, kiểm tra trên các mặt hoạt động dạy và học của nhà trường, hàng tháng trong các cuộc họp giao ban, Ban giám hiệu nhà trường đã có những đánh giá và chấn chỉnh những mặt còn tồn tại, yếu kém trong hoạt động dạy và học. Trên cơ sở đó, Ban giám hiệu nhà trường đã đề ra kế hoạch công tác cho tháng tiếp theo để kịp thời khắc phục những điểm tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng dạy và học (**2.6.04- Biên bản họp giao ban hàng tháng năm 2021, 2022. 2023, 2024**). Từ những nội dung trong các cuộc họp của các khoa đã truyền tải thông tin của ban giám hiệu đồng thời góp ý, nhắc nhở, chấn chỉnh những giáo viên chưa làm tốt nghiệp vụ giảng dạy, quản lý học sinh sinh viên để những tồn tại trong hoạt động đào tạo của nhà trường. Từ đó Khoa đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cũng

nhu chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (**2.6.05-Biên bản họp, báo cáo của các khoa năm 2021, 2022, 2023**).

Kết quả cho thấy, qua các đợt kiểm tra, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh kịp thời có các kế hoạch điều chỉnh hoạt động dạy và học phù hợp, đảm bảo kế hoạch, nội dung chương trình được thực hiện đầy đủ.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm.**

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2008 đến năm 2017, Trường tổ chức đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng cho đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và cấp bằng theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm 2019 đến nay, Trường đã tổ chức đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng cho đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp Trên cơ sở các quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Trường đã ban hành quy định hướng dẫn đào tạo liên thông phù hợp với điều kiện của từng khoa chuyên môn.

Căn cứ các quy định, Giấy chứng nhận đăng ký động giáo dục nghề nghiệp. Trường và Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đã xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng và tổ chức tuyển sinh đào tạo từ năm học 2018 – 2019 theo quy định tại thông tư 07/2019/TT-BLĐTĐBXH và thông tư 05/2021/TT-BLĐTĐBXH. Trường đã ban hành quy định về đào tạo liên thông. Trường đã xây dựng 04 chương trình đào tạo liên thông cho các ngành đã được cấp phép. Nhà trường đã có quy chế tổ chức đào tạo liên thông, hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo đúng quy định. Trong những năm gần đây, căn cứ vào các văn bản cho phép đào tạo liên thông ở các cấp trình độ, nhà trường đã lập kế hoạch và thông báo tuyển sinh rộng rãi việc liên thông từ trung cấp lên cao đẳng; tổ chức đào tạo liên thông đúng theo các quy định hiện hành. Các số liệu cụ thể như sau:

Trình độ	Năm học	Số SV tốt nghiệp nghề	Ghi chú
----------	---------	-----------------------	---------

		KTML&ĐHKK	
Cao đẳng liên thông	2021 – 2022	0	Do không tuyển sinh được
	2022 – 2023	6	
	2023 – 2024	9	

(2.05.01- Các quy chế đào tạo; 1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 2.1.07- Quyết định thành lập lớp năm học 2021 - 2022, 2022 -2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025 – nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK; 2.5.09- Sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng; 2.5.10 – Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024;).

Như vậy, công tác tổ chức đào tạo liên thông nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội đã thực hiện theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 2 điểm.**

TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Hiện tại, Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có tổng số 11 nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề. Tất cả các nhà giáo thuộc biên chế của Khoa Công nghệ nhiệt lạnh, đều là nhà giáo cơ hữu giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. 100% nhà giáo, cán bộ quản lý của khoa đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ; Khoa có đủ số lượng nhà giáo giảng dạy các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đáp ứng yêu cầu giảng dạy; Tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi đều đạt chỉ tiêu quy định (nhỏ hơn 1/25)

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh và các cá nhân đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Hàng năm đều có trên 50% nhà giáo tham gia các hoạt động như:

Hội giảng nhà giáo giỏi các cấp; nghiên cứu khoa học; tự làm thiết bị đào tạo, đánh giá kỹ năng nhà giáo,....

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức nghiệp vụ thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và chuyên môn, lý luận chính trị; hàng năm 100% nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đều tham gia thực tập tại các doanh nghiệp lĩnh vực nhiệt lạnh.

** Những điểm mạnh*

100% nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại TT 08/ 2017 TT – BLĐTBXH

Tỷ lệ nhà giáo/người quy đổi đạt yêu cầu so với quy định (*nhỏ hơn 1/25*)

** Điểm tồn tại:* Không có

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Nhà trường tiếp tục đào tạo bồi dưỡng các nhà giáo của Khoa để trình độ ngoại ngữ thông thạo, nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển trường thành Trường trọng điểm, tiếp cận trình độ khu vực và Quốc tế.

Khoa thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn và trao đổi phương pháp giảng dạy trong từng nội dung chuyên môn; đẩy mạnh áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Năm học 2021 – 2022:

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí tại Khoa Công nghệ nhiệt lạnh theo kế hoạch đào tạo của năm học: 37 người. Trong đó:

Nhà giáo cơ hữu dạy toàn thời gian: 33 nhà giáo giảng dạy các môn học chung; môn học, mô-đun cơ sở/chuyên ngành chuyên môn.

Nhà giáo kiêm nhiệm: 04 Người

Nhà giáo thỉnh giảng: 0 người.

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ: 0 người; Thạc sỹ: 25 người; Đại học: 11 người; Cao đẳng: 0 người; trình độ khác: 0 người.

Nghệ vụ sư phạm: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn/tổng/ số: 37/37 người

Số liệu bao gồm 100% nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng

Trình độ Ngoại ngữ: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số: 37/37 người

Trình độ tin học: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số: 37/37 người

Kỹ năng nghề: 27/27 nhà giáo dạy chuyên môn đạt kỹ năng nghề bậc 3 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí (Giáo viên môn chung: 10).

Năm học 2022 – 2023:

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí tại Khoa Công nghệ nhiệt lạnh theo kế hoạch đào tạo của năm học: 36 người. Trong đó:

Nhà giáo cơ hữu dạy toàn thời gian: 30 nhà giáo giảng dạy các môn học chung; môn học, mô-đun cơ sở/chuyên ngành chuyên môn.

Nhà giáo kiêm nhiệm: 06 Người

Nhà giáo thỉnh giảng: 0 người.

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ: 0 người; Thạc sỹ: 25 người; Đại học: 11 người; Cao đẳng: 0 người; trình độ khác: 0 người.

Nghệ vụ sư phạm: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn/tổng/ số: 36/36 người

Số liệu bao gồm 100% nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng

Trình độ Ngoại ngữ: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số: 36/36 người

Trình độ tin học: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số: 36/36 người

Kỹ năng nghề: 25/25 nhà giáo dạy chuyên môn đạt kỹ năng nghề bậc 3 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí (Giáo viên môn chung: 11).

Năm học 2023 – 2024:

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí tại Khoa Công nghệ nhiệt lạnh theo kế hoạch đào tạo của năm học: 36 người. Trong đó:

Nhà giáo cơ hữu dạy toàn thời gian: 29 nhà giáo giảng dạy các môn học chung; môn học, mô-đun cơ sở/chuyên ngành chuyên môn.

Nhà giáo kiêm nhiệm: 06 Người

Nhà giáo thỉnh giảng: 01 người.

Trình độ chuyên môn:

Tiến sỹ: 01 người; Thạc sỹ: 25 người; Đại học: 10 người; Cao đẳng: 0 người; trình độ khác: 0 người.

Nghịệp vụ sư phạm: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn/tổng/ số: 37/37 người

Số liệu bao gồm 100% nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng

Trình độ Ngoại ngữ: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số: 37/37 người

Trình độ tin học: Số lượng nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn /tổng số: 37/37 người

Kỹ năng nghề: 24/24 nhà giáo dạy chuyên môn đạt kỹ năng nghề bậc 3 nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí (Giáo viên môn chung: 12).

100% nhà giáo giảng dạy ở trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hoà không khí đều đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

(3.1.01– Danh sách trích ngang các nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm học 2021 – 2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.03-Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025)

-Năm 2021 -2022 có: 37 nhà giáo tham gia giảng dạy

-Năm 2022 -2023 có: 36 nhà giáo tham gia giảng dạy

-Năm 2023 -2024 có: 36 nhà giáo tham gia giảng dạy

Nội dung khảo sát: 100% nhà giáo cơ hữu và nhà giáo thỉnh giảng của trường tham gia giảng dạy (bao gồm cả nhà giáo giảng dạy các môn học chung, các môn chuyên môn ngành/ngành) đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Đối tượng	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo viên	2021 - 2022	Số phiếu: 37	0	0	0	16	21
			Tỷ lệ: 100 %				43,24%	56,76%
		2022 -	Số phiếu: 36	0	0	5	13	18

	2023	Tỷ lệ: 100 %			13,89%	36,11%	50,00%
	2023 -	Số phiếu: 36	0	0	2	18	16
	2024	Tỷ lệ: 100 %			5,56%	50,00%	44,44%

Trường nhận định: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đúng theo Quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ luật Luật Lao động; luật viên chức; Căn cứ vào Thông tư số 07/2017/TT- BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động trong hệ thống các quy định, quy chế của Nhà trường như Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo GDNN, Quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Trường. Nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Nhà trường đã ban hành.

* Quyền hạn của giảng viên:

- Chấp hành các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường;
- Thực hiện quy định về chế độ làm việc đối với chức danh giảng viên do Bộ trưởng Bộ lao động- Thương binh và xã hội ban hành.
- Được bố trí giảng dạy theo ngành nghề đào tạo, được lựa chọn phương pháp, phương tiện giảng dạy nhằm phát huy năng lực cá nhân, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc.
- Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ.
- Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy theo kế hoạch và điều kiện của nhà trường.

* Nhiệm vụ, quyền của cán bộ quản lý, người lao động: Cán bộ quản lý, người lao động làm công tác quản lý, phục vụ trong Trường có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ, chức trách được phân công; được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật và trong hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động (**1.1.03 - Quy chế tổ chức, hoạt động của trường; 3.2.01- Quy định chế độ làm việc của nhà giáo**).

Căn cứ chế độ làm việc của nhà giáo, khoa phân công nhiệm vụ cho từng nhà giáo phù hợp với năng lực cá nhân và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị:

Nhiệm vụ giảng dạy:

100% nhà giáo Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đều được phân công giảng dạy. Trong những năm gần đây, do số học sinh, sinh viên đăng ký học nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đông do vậy các nhà giáo của khoa đều giảng dạy đạt và vượt giờ tiêu chuẩn (**2.2.03- Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.04-Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025**).

Ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy đối với toàn thể giáo viên trong đơn vị còn thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ cụ thể: Thực hiện công tác giáo viên chủ nhiệm, quản lý tài sản cơ sở vật chất, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tuyển sinh, huấn luyện học sinh giỏi nghề các cấp, tham gia hội giảng giáo viên các cấp, hội thi thiết bị dạy nghề tự làm, nghiên cứu khoa học, tham gia NCKH/SKKN, xây dựng chương trình, giáo trình, chuyển giao công nghệ, thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp...); Hàng năm Khoa đã xây dựng kế hoạch hội giảng các cấp, Kế hoạch ôn luyện học sinh giỏi tay nghề các cấp, ... (**3.2.02. – Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025; 3.2.03 – Quyết định quản lý phòng thực hành năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025; 3.2.04 - Quyết định cử nhà giáo đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ có danh sách kèm theo năm 2021, 2022, 2023, 2024; 3.2.05 – Hồ sơ luyện thi học sinh tay nghề giỏi; 3.2.06 - Quyết định tham gia hội thi thiết bị tự làm, 3.2.07- Hồ sơ nghiên cứu khoa học các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024; 3.2.08 – Quyết định nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp; 3.2.09 - Bảng thanh toán vượt giờ nhà giáo năm học, 2021 -2022, 2022 – 2023, 2023-2024; 3.2.10 - Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của đội ngũ nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023-2024; 3.2.11 – Danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy các năm học, 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024; 2.3.02 – Kế**

hoạch hội giảng; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024 ; 2.3.03 - Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024; 3.2.12 -Các văn bản giao nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh cho nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024)

Kết thúc năm học nhà trường có văn bản hướng dẫn khoa chuyên môn tổ chức họp đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo theo căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH (sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH) để xếp loại nhiệm vụ nhà giáo. Kết quả xếp loại nhà giáo của khoa CNL như sau:

TT	Năm học	Nhà giáo đạt chuẩn			Nhà giáo không đạt chuẩn	Ghi chú
		A	B	C		
1	2021 – 2022	11			0	
2	2022 – 2023	10			0	
3	2023 - 2024	10			0	

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện nhận xét, chức đánh giá, phân loại nhà giáo; xếp loại thi đua năm học theo đúng các văn bản quy định hiện hành. Cụ thể:

TT	Năm học	KQ Đánh giá, phân loại viên chức				KQ xếp loại thi đua NH (LĐTT)
		HTXS	HTTNV	HTNV	Không HTNV	
1	2021 – 2022	2	9			11
2	2022 – 2023	2	8			10
3	2023 - 2024	2	8			10

(3.2.13 – Kết quả xếp loại nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024; 3.2.14 - Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 -2024).

Trên cơ sở hoạt động chuyên môn của đơn vị cuối năm khoa thực hiện báo cáo tổng kết và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho những năm tiếp theo và căn cứ vào báo cáo tổng kết của khoa nhà trường tổ chức tổng kết năm học để

đánh giá, tổng kết những việc đã làm được những mặt còn tồn tại hạn chế đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo (**1.2.02 - Báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp.

Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo của Nhà trường từng học kỳ, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh thực hiện phân công giáo viên giảng dạy các môn học, mô-đun các lớp cao đẳng các khóa (bao gồm CĐ và CĐLT) đảm bảo không bị chồng chéo hoặc trùng giáo viên. *Các số liệu cụ thể thống kê theo từng năm học như sau:*

- Năm học 2021 – 2022: có 13 lớp cao đẳng các khóa
Tổng số môn học mô-đun giảng dạy theo kế hoạch: 98
Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 37 nhà giáo.
- Năm học 2022 – 2023: có 10 lớp cao đẳng các khóa
Tổng số môn học mô-đun giảng dạy theo kế hoạch: 48
Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 36 nhà giáo.
- Năm học 2023 – 2024: có 8 lớp cao đẳng các khóa
Tổng số môn học mô-đun giảng dạy theo kế hoạch: 85
Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 36 nhà giáo.
- Năm học 2024 – 2025: có 8 lớp cao đẳng các khóa
Tổng số môn học mô-đun giảng dạy theo kế hoạch: 83
Số nhà giáo được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 31 nhà giáo.

Năm học 2021 - 2022: 37 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 11 lớp với tổng số giờ 22.341,79h + 120,6 giờ thỉnh giảng = 22.461,79 (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 33 nhà giáo cơ hữu là 19.851.66h giờ.; số giờ hợp đồng của 4 nhà giáo thỉnh giảng là 120.6h.

Năm học 2022 - 2023: 36 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 09 lớp với tổng số giờ 24.804,459h (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 36 nhà giáo cơ hữu là 18.398,750.h giờ.; số giờ hợp đồng của 0 nhà giáo thỉnh giảng là 0h.

Năm học 2023 - 2024: 36 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 09 lớp với tổng số giờ 20.854,7h (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 35 nhà giáo cơ hữu là 16.543,8h giờ.; số giờ hợp đồng của 01 nhà giáo thỉnh giảng là 57,6h.

Năm học 2024 - 2025: 31 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 08 lớp với tổng số giờ 18.138,9.h (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 30 nhà giáo cơ hữu là 15.029h giờ.; số giờ hợp đồng của

(2.2.01 - Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.02 - Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.03 - Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.04 – Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025; 3.2.11 – Danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy các năm học, 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024; 3.2.10 - Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của đội ngũ nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023-2024).

Đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Tỷ lệ số người học/lớp:

Biên chế số lớp theo quyết định mở lớp của Hiệu trưởng nhà trường đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí các năm học như sau:

- Năm học 2021 – 2022: Tổng số 13 lớp cao đẳng chính quy. Tổng số hs: 353 HSSV

- Năm học 2022 – 2023: Tổng số 10 lớp cao đẳng chính quy. Tổng số hs: 336 HSSV

- Năm học 2023 – 2024: Tổng số 8 lớp cao đẳng chính quy. Tổng số hs: 363 HSSV

- Năm học 2024 – 2025: Tổng số 08 lớp cao đẳng chính quy. Tổng số hs: 378 HSSV

Đảm bảo số lượng HSSV/lớp học theo môn học, mô-đun đảm bảo số lượng theo quy định.

(2.1.07 - Quyết định thành lập lớp năm học 2021 - 2022, 2022 -2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025 – nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK)

Trường đảm bảo số người học trên lớp trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo quy định tại thông tư 07/2017 TT-BLĐTBXH (35sv trên lớp lý thuyết; 18sv trên ca thực tập).

Tỷ lệ quy đổi nhà giáo /người học

Năm học	Tổng số HSSV quy đổi	Tổng số Giáo viên quy đổi	Tỷ lệ SV quy đổi / GV quy đổi (%)
2021 - 2022	293	13.62	21.5
2022 - 2023	256	12.37	20.06
2023 - 2024	313	13.38	25.16
2024 - 2025	329	13.38	24.16

(3.3.01 – Bảng tính quy đổi nhà giáo/người học các năm học các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024).

Căn cứ nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ (tỷ lệ quy định: học sinh quy đổi/ nhà giáo quy đổi 25/1), tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đảm bảo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Nhằm đổi mới phương pháp dạy học và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhanh chóng tạo được uy tín đối với xã hội và thương hiệu của nhà trường, một trong những giải pháp cơ bản mang tính nội sinh là đẩy mạnh các hoạt động NCKH, tích cực tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm, huấn luyện học sinh giỏi của đội ngũ nhà giáo theo hướng thiết thực và hiệu quả. Hàng năm căn cứ vào kế hoạch của trường, khoa triển khai đến các giáo viên tự đề xuất nội dung đề tài nghiên cứu khoa học, kế hoạch cá nhân tham gia hội giảng, làm thiết bị tự làm.

Các số liệu cụ thể như sau:

Các số liệu cụ thể như sau:

Các số liệu cụ thể như sau:

+ Năm học 2021 - 2022: 11 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 01 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường, 01 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp thành phố đạt giải nhì.

+ Năm học 2022 - 2023: 11 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 09 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường.

+ Năm học 2023-2024: 10 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 06 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường, 01 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp thành phố đạt giải ba.

+ Năm học 2024 -2025: 10 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 07 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường.

Năm học	Hội giảng các cấp				NCKH các cấp		Hội thi thiết bị tự làm các cấp	
	Khoa	Trường	Thành phố	Toàn quốc	Trường	Thành phố	Thành phố	Toàn quốc
2021 - 2022	00	00	00	01				
2022 - 2023	11	06	00					
2023 - 2024	10	06	01					
2024 - 2025	10	06	00	01				

(2.3.02 – Kế hoạch hội giảng; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024 ; 2.3.03 - Quyết định

công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024; 3.2.07- Hồ sơ nghiên cứu khoa học các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024; 3.2.10 – Hồ sơ thiết bị tự làm của nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024; 3.3.02 – Quyết định khen thưởng, giấy khen thi thiết bị tự làm thành phố, toàn quốc năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Từ năm 2021 - 2022, có trên 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn nghề Điện tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp, cụ thể như bảng tổng hợp sau:

Nội dung	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
<i>Số nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường</i>	0 (do dịch Covid)	01	06	06
<i>Số nhà giáo tham gia Hội giảng cấp thành phố</i>	00	01	01	0
<i>Số nhà giáo tham gia Hội giảng cấp toàn quốc</i>	01(ba)	0	00	01 (kk)
<i>Sáng kiến kinh nghiệm</i>	0	0	0	0
<i>Số giáo viên tham gia NCKH/SKKN</i>	0	6	11	10 (đề tài đang thực hiện chưa nghiệm thu)
<i>Số nhà giáo tham gia thi thiết bị tự làm cấp thành phố</i>	0	0	0	0

<i>Số nhà giáo tham gia thi thiết bị tự làm cấp toàn quốc</i>	00	00	00	00
<i>Tổng cộng nhà giáo tham gia Hội giảng, NCKH/SKKN, thiết bị tự làm các cấp</i>	1	8	18	16
<i>Tổng số nhà giáo</i>	11	10	10	10
<i>Tỉ lệ (%)</i>	9%	80%	180%	170%

Qua đó cho thấy, tỉ lệ giáo viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn chuyên ngành nghề tham gia nghiên cứu khoa học... đạt tỉ lệ cao. Năm học 2021 - 2022 là 109 %, năm học 2022 – 2023 là 180 %, năm học 2023 – 2024 là 170 %

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, nhà giáo, người lao động là công tác được Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường quan tâm, đặc biệt là đội ngũ nhà giáo. Nhà trường luôn xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo; BGH Trường đã xây dựng chương trình học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao,... mang tính dài hạn, được tiến hành theo giai đoạn.

Hàng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch cho cán bộ, nhà giáo của Khoa CNL tham gia các khóa học tập, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và chuyên môn; thông báo đến từng đơn vị trong nhà Trường để cán bộ, nhà giáo đăng ký; các giáo viên tham gia các lớp tập huấn đều được công nhận hoàn thành khóa học và có báo cáo gửi về Phòng TC - HC qua giấy chứng nhận, tài liệu, hình ảnh thông qua khóa học đào tạo, bồi dưỡng. Cụ thể:

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK năm 2021, trong danh sách đăng ký tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng có 17 lượt nhà giáo. Cụ thể:

- Lớp cập nhật kiến thức chuyển đổi số: 02 người;
- Lớp bồi dưỡng giảng viên lý thuyết hạng III: 11 người;
- Lớp Cơ khí chính xác: 02 người;
- Lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học số: 01 người
- Lớp Cao cấp LLCT: 01 người

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK năm 2022, trong danh sách đăng ký tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng có 12 nhà giáo. Cụ thể:

- Lớp tập huấn về sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lạnh sử dụng môi chất lạnh dễ cháy: 02 người;
- Lớp tập huấn công tác Tự đánh giá và Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng: 10 người.

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK năm 2023, trong danh sách đăng ký tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng có 08 nhà giáo. Cụ thể:

- Khóa đào tạo máy điều hòa thương mại SA năm 2023 do Công ty CP Daikin Việt Nam tổ chức: 01 người;
- Khóa sát hạch GEN 2 do Công ty Daikin Việt Nam tổ chức: 04 người;
- Lớp An toàn trong sử dụng môi chất lạnh tự nhiên: 01 người;
- Lớp tập huấn công tác Tự đánh giá và Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng: 02 người.

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK năm 2024, trong danh sách đăng ký tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng có 13 nhà giáo. Cụ thể:

- Lớp tập huấn xây dựng chương trình, giáo trình; chuyển đổi số: 02 người
- Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN: 01 người
- Lớp bồi dưỡng đào tạo chuyển đổi số toàn diện trong trường học và kỹ thuật xây dựng bài giảng điện tử đặc biệt theo phương thức trực tuyến, từ xa: 04 người
- Lớp bồi dưỡng ứng dụng công nghệ AI nâng cao: 05 người
- Lớp Trung cấp LLCT: 01 người

(3.5.01 – Kế hoạch đào, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023, 2024 kèm theo danh sách nhà giáo đăng ký tham gia).

Trong 4 năm qua Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo của khoa CNL với kết quả cụ thể như sau:

- Năm 2021, Trường đã tổ chức cho 17 lượt nhà giáo được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.
- Năm 2022, Trường đã tổ chức cho 12 lượt viên chức được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.
- Năm 2023, Trường đã tổ chức cho 08 lượt viên chức được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.
- Năm 2024, Trường đã tổ chức cho 13 lượt viên chức được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

(3.5.02 - Danh sách kèm theo QĐ cử người đi đào tạo, bồi dưỡng; 3.5.03 - Chứng nhận, chứng chỉ, bằng cấp của người được đào tạo, bồi dưỡng hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; 3.5.04 - Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường năm 2021, 2022, 2023, 2024)

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nhà giáo, chiến lược tuyển dụng nhà giáo trên cơ sở định hướng phát triển của Trường; ngoài ra quy chế Chi tiêu nội bộ hàng năm có thay đổi, bổ sung và điều chỉnh tăng mức hỗ trợ để động viên nhà giáo tham gia học tập nâng cao trình độ nhằm phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý của trường. Hàng năm, trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi về công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo nhằm thu thập ý kiến khách quan làm căn cứ trong việc điều chỉnh nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong toàn Trường.

(2.2.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Tóm lại, trong 04 năm qua Trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo hàng năm, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác cho đội ngũ nhà giáo của trường.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3 : 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, việc bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất Trường thực hiện theo Thông tư số [07/2017/TT-BLĐTBXH](#) ngày 10/3/2017 Hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp. Từ đó Nhà trường đã xây dựng văn bản quy định về chế độ làm việc của nhà giáo, trong đó quy định về hoạt động thực tập doanh nghiệp và cơ quan chuyên môn của các nhà giáo **(3.2.01 - Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo)**.

Căn cứ kế hoạch giảng dạy, Khoa chuyên môn và nhà giáo chủ động xây dựng kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo gửi về Phòng Quản lý đào tạo, nay chuyển về Phòng TC - HC. Nhà trường có công văn, quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại các doanh nghiệp, phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường. Nội dung thực tập tại doanh nghiệp cập nhật kiến thức, quy trình công nghệ mới; thiết bị máy móc mới tại doanh nghiệp; tìm hiểu cách thức tổ chức sản xuất, hoạt động của doanh nghiệp nơi giáo viên thực tập. Đây là cơ hội tốt giúp cho đội ngũ giáo viên có cơ hội học hỏi, tiếp cận với kỹ thuật công nghệ mới, trao đổi kiến thức, thâm nhập vào thực tế sản xuất của ngành nghề ngoài xã hội để bổ sung kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy.

Kết quả nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn chuyên ngành được đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp như sau:

Kết quả nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn chuyên ngành được đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp như sau:

Năm học 2021 – 2022: 11/11 nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đã tham gia thực tập 04 tuần tại doanh nghiệp theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

Năm học 2022 – 2023: 10/10 nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đã tham gia thực tập 04 tuần tại doanh nghiệp theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

Năm học 2023 – 2024: 10/10 nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đã tham gia thực tập 04 tuần tại doanh nghiệp theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

Nội dung thực tập:

- Cập nhật công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực nhiệt lạnh.
- Tìm hiểu mô hình quản lý doanh nghiệp, quy trình an toàn vệ sinh lao động
- Rèn luyện kỹ năng cố vấn dịch vụ xưởng dịch vụ
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề tại các doanh nghiệp
- Cập nhật công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực nhiệt lạnh.

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề tại các doanh nghiệp

(2.2.01– Kế hoạch đào tạo các khóa năm học 2020 -2021, 2021- 2022, 2022-2023, 2024 - 2025; 2.2.03-Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025 3.6.01 – Kế hoạch thực tập của các nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; 3.6.02 – Bảng tổng hợp các nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 3.2.08 - Quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp; 3.6.03 - Báo cáo kết quả thực tập nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp).

Hàng năm, trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi về công tác thực tập thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động nhằm thu thập ý kiến khách quan làm căn cứ trong việc điều chỉnh, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo trong toàn Trường

(2.2.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Như vậy, hàng năm 100% nhà giáo Khoa Công nghệ nhiệt lạnh được đi trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp để cập nhập kiến thức và công nghệ.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ vào Điều lệ trường cao đẳng quy định về chuẩn chức danh cán bộ quản lý; Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Nhà trường đã bổ nhiệm cán bộ quản lý cho Khoa Công nghệ nhiệt lạnh là 02 đồng chí, 01 đồng chí Trưởng khoa và 01 đồng chí Phó Trưởng khoa theo đúng quy định *(1.1.03-Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội)*. 100% Đội ngũ lãnh đạo và nhân viên của Khoa CNNL đều đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện phát triển của Khoa trong từng giai đoạn. Cụ thể:

Trình độ chuyên môn: 2/2 Thạc sĩ kỹ thuật, Thạc sĩ quản lý ,chuyên ngành

Nghệ vụ sư phạm: 2/2 Sư phạm dạy nghề

Trình độ ngoại ngữ: 2/2 B1

Trình độ tin học: 2/2 B

Kỹ năng nghề: 4/4 đạt kỹ năng nghề bậc 3 nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh

(3.7.01 - Danh sách trích ngang hồ sơ cán bộ quản lý Khoa Công nghệ nhiệt lạnh)

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh không có nhân viên nghiệp vụ.

Để quản lý Hồ sơ đội ngũ cán bộ, nhà giáo của Khoa, Nhà trường giao cho Phòng TC - HC thực hiện việc lưu trữ hồ sơ. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý sau khi được bổ nhiệm sẽ được cập nhật, bổ sung để lưu trữ theo quy định **(3.7.02 - Hồ sơ đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo Khoa CNNL)**.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Đội ngũ cán bộ quản lý Khoa Công nghệ nhiệt lạnh Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội được giao thực hiện nhiệm vụ dưới hình thức kiêm nhiệm và được xây dựng dựa vào quy trình đề bạt, bổ nhiệm, trường đã căn cứ vào năng lực, phẩm chất và các tiêu chuẩn theo quy định, được tập thể đơn vị tín nhiệm **(3.8.01. Hồ sơ bổ nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa CNNL)**. Qua thực tiễn việc thực hiện các nhiệm vụ nhà trường giao có thể đánh giá các đồng chí cán bộ quản lý và giáo viên của khoa luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt theo Điều lệ trường cao đẳng, Luật giáo dục nghề nghiệp và Quy chế tổ chức hoạt động của Trường để hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Trên cơ sở Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị đội ngũ cán bộ quản lý của khoa thực hiện chức năng nhiệm vụ, cụ thể:

Các khoa có chức năng, nhiệm vụ chung như sau:

(1) Quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học thuộc khoa, bộ môn theo phân cấp của hiệu trưởng; quản lý, chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của các trung tâm trực thuộc khoa;

(2) Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập, các hoạt động khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bao gồm:

- Phân công nhà giáo đảm nhiệm các môn học, mô đun thuộc khoa quản lý; phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo trong việc tổ chức các hoạt động thi giáo viên giỏi, thi tay nghề, thiết bị dạy học tự làm ...

- Xây dựng chương trình đào tạo; biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo, học liệu của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo và hình thức đào tạo thuộc khoa, bộ môn mình quản lý hoặc do hiệu trưởng giao.

- Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo.

- Tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

(3) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến ngành, nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa, bộ môn;

(4) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo; ngành, nghề đào tạo và cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo;

(5) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người, lao động thuộc khoa, bộ môn;

(6) Tổ chức đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động trong khoa, bộ môn và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của nhà trường;

(7) Tổ chức đánh giá kỹ năng thuộc lĩnh vực đào tạo của Khoa cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp theo nhu cầu;

(8) Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp của học sinh, sinh viên đối với các lĩnh vực đào tạo của Khoa;

(9) Phối hợp với Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông và các đơn vị liên quan tổ chức tuyển sinh;

(10) Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; khai thác và sử dụng một số cơ sở vật chất để triển khai các hoạt động dịch vụ đào tạo theo quy định; đề xuất, xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của khoa, bộ môn;

(11) Thực hiện chế độ báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định của Hiệu trưởng.

Ngoài các nhiệm vụ chung, **Khoa Công nghệ nhiệt lạnh** còn có những nhiệm vụ riêng sau:

(1) Tổ chức đào tạo các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, thường xuyên các nghề thuộc lĩnh vực: Điện lạnh, máy lạnh và điều hòa không khí; phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để tổ chức các chương trình đào tạo quốc tế, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội (phục vụ cho thị trường nước ngoài, xuất khẩu lao động...);

(2) Quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các mô đun, môn học thuộc lĩnh vực: Điện lạnh, máy lạnh và điều hòa không khí theo đúng chương trình, kế hoạch của Trường.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

(1.1.03-Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội)

- Hàng năm căn cứ vào quy định đánh giá, phân loại CC, VC, NLĐ của Nhà trường, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh tổ chức bình xét và đánh giá, xếp loại VC, NLĐ theo quy định, tự nhận xét, đánh giá ưu nhược điểm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ trình lên Hội đồng xét thi đua khen thưởng Nhà trường. Kết quả xếp loại của tập thể đơn vị và các cá nhân cán bộ quản lý, nhà giáo năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024 như sau:

+ Năm học 2021 - 2022: Tập thể lao động tiên tiến, Trưởng khoa Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Phó khoa Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ,

+ Năm học 2022 - 2023: Tập thể đạt cờ thi đua của UBND Thành phố Hà Nội, Trưởng khoa Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Phó Trưởng khoa Hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ Năm học 2023 - 2024: Tập thể đạt cờ thi đua của UBND Thành phố Hà Nội, Trưởng khoa Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Phó Trưởng khoa Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

(3.8.02 - Hướng dẫn về việc đánh giá xếp loại, viên chức lao động hợp đồng lao động năm 2021, 2022, 2023 ; 3.8.02.- Quy trình đánh giá xếp loại viên chức; 3.2.13 – Kết quả xếp loại nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024; 3.2.14 - Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 -2024).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên khoa tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 02 điểm.

TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được xây dựng, thẩm định, ban hành, đưa vào sử dụng từ năm học 2017 - 2018 theo đúng hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Chương trình thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có tổng số 24 môn học, mô-đun cơ sở và chuyên môn nghề. Tất cả các môn học và mô-đun đều có đủ giáo trình do nhà giáo của trường tự biên soạn biên soạn. Các giáo trình sau khi biên soạn đều được hội đồng thẩm định theo quy

trình hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, được Hiệu trưởng nhà trường ký quyết định ban hành và đưa vào sử dụng từ năm 2017 đến nay. Các bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đều thể hiện được các yêu cầu: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực và đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Năm 2020, nhà trường thực hiện rà soát, bổ sung nội dung chương trình đào tạo Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trên cơ sở các tiêu chí chương trình đào tạo chất lượng cao quy định tại thông tư 21/2018/TT-BLĐTBXH. Hiện nay các bộ giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đang được rà soát, điều chỉnh theo nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo.

** Những điểm mạnh*

Trường có đủ các bộ chương trình, giáo trình cho 100% các môn học, mô-đun.

Hàng năm các bộ chương trình, giáo trình đều được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo các quy định tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

** Điểm tồn tại*

Giáo trình biên soạn ở mức lưu hành nội bộ.

Hiện nay nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ cao đẳng của trường đang đào tạo chưa thực hiện liên kết với các trường Đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Năm học 2024- 2025, Khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình, giáo trình cho phù hợp với yêu cầu cập nhật công nghệ mới và phương pháp đào tạo tích cực đảm bảo các quy định.

Tiếp tục lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình cho các năm tiếp theo

Nhà trường và Khoa nghiên cứu các văn bản và có kế hoạch liên kết hợp tác đào tạo với các trường Đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân trong những năm tới để hợp tác đào tạo liên thông nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ cao đẳng lên đại học.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	22
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Xây dựng chương trình đào tạo:

Công tác xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/04/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng

12 năm 2018 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và Thông tư quy định về các môn học chung. Để cụ thể hóa những nội dung liên quan đến công tác xây dựng chương trình đào tạo.

Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng giao cho Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với Khoa Công nghệ nhiệt lạnh về việc rà soát, chỉnh sửa, điều chỉnh, biên soạn chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ cao đẳng. Căn cứ thông tư Trường Trường đã tổ chức triển khai thực hiện như sau:

- Trường đã thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn, điều chỉnh các chương trình và giáo trình; Ban thư ký giúp việc để quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động xây dựng chương trình đào tạo của Nhà trường; các tiểu ban xây dựng đối với toàn bộ các chương trình đào tạo. Thành viên Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo là những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, am hiểu và có kinh nghiệm về phát triển chương trình; có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý trong các lĩnh vực nghề nghiệp trường đào tạo. Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn có nhiệm vụ lập kế hoạch triển khai thực hiện và dự toán các nội dung công việc; chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị và cá nhân triển khai thực hiện; tổ chức hội thảo khoa học, nghiệm thu đánh giá chương trình đào nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng. Về thành lập Ban biên soạn Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng, Ban biên soạn gồm có 15 thành viên theo danh sách đính kèm, trong đó có 01 thành viên đến từ Doanh nghiệp *(4.1.01 – Quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình, giáo trình; Hội đồng thẩm định)*

- Lập kế hoạch xây dựng các chương trình đào tạo; Các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn đã họp để xác định mục tiêu của các chương trình, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Trong quá trình xây dựng bám sát Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, quy định chuẩn đầu ra các ngành/ngành của nhà trường *(4.1.02 – Các bộ chuẩn đầu ra kèm theo QĐ ban hành; 4.1.03 – Kế hoạch xây dựng chương trình, Biên bản họp của các ban chủ nhiệm/tổ biên soạn).*

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của Trường được tổ chức xây dựng đúng theo hướng dẫn như: Xây dựng chương trình, giáo trình; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về chương trình, giáo trình; Hoàn chỉnh dự thảo chương trình, giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. *(4.1.03 – Kế hoạch xây dựng chương trình, Biên bản họp của các ban chủ nhiệm/tổ biên soạn; 4.1.04 – Các Biên bản tổ chức hội thảo; các phiếu đóng góp ý kiến của các chuyên gia đối với các chương trình đào tạo).*

Sau khi Tổ biên soạn hoàn thành xây dựng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT. Tại các cuộc họp của Hội đồng để thẩm định CTĐT, các ý kiến đóng góp, các biên bản trong quá trình biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo đều được ghi lại đầy đủ.

Hội đồng thẩm định gồm 11 thành viên bao gồm là các Trưởng khoa, các giảng viên lâu năm, có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thuộc các trường dạy nghề; 01 thành viên là chuyên viên Vụ đào tạo chính quy - Tổng cục GDNN; 02 thành viên thuộc khối doanh nghiệp.

Vai trò của cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của các đơn vị sử dụng lao động tham gia quá trình xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo thể hiện rõ nét nhất trong biên bản thẩm định chương trình đào tạo. Biên bản thẩm định sẽ ghi lại đầy đủ các ý kiến của các thành viên Hội đồng trong đó có các thành viên đến từ các cơ quan quản lý GDNN và đến từ khối doanh nghiệp.

Ngoài ý kiến đóng góp trong các phiên họp Hội đồng thẩm định, ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp sử dụng lao động còn được thể hiện qua các phiếu đánh giá và phiếu phản biện.

(4.1.05 – Biên bản họp Hội đồng thẩm định kèm các phiếu phản biện)

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng. Quá trình xây dựng, khoa đã kế thừa nội dung chương trình đào tạo sử dụng trước năm 2017; tuân thủ hướng dẫn xây dựng chương trình theo mẫu tại phụ lục 1 thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH; tuân thủ quy định về thời gian đào tạo; số lượng tín chỉ trong chương trình đào tạo. Cụ thể:

+ Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng:

- Thời gian đào tạo: Là thời gian người học tích lũy đủ các mô-đun, tín chỉ được quy định trong chương trình

- Số lượng môn học, mô-đun: 29

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 78 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 450 giờ

- Khối lượng các môn học, mô-đun chuyên môn: 1667 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 466 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1576 giờ

Các chương trình đào tạo sau khi xây dựng đã được Hội đồng thẩm định đóng góp ý kiến tại hội thảo do trường tổ chức. Các thành viên Hội đồng thẩm định đã gửi văn bản đến các tổ biên soạn để làm cơ sở tiếp thu, chỉnh sửa. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng nhà trường đã ra các quyết định ban hành để chương trình được kịp thời đưa vào sử dụng từ năm học 2017 – 2018. *(1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo).*

Đánh giá, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo:

❖ **Năm 2020:**

Căn cứ các Thông tư Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đã ban hành, Nhà trường thực hiện rà soát, chỉnh sửa, cập nhật bổ sung CTĐT. Cụ thể:

+ Nhà trường ban hành các Kế hoạch số 245/KH-CĐĐTĐL ngày 27/11/2019 rà soát, chỉnh sửa các CTĐT đã ban hành năm 2017; Thành lập các Ban chủ nhiệm CTĐT, Ban chủ nhiệm CTĐT tiến hành họp và triển khai xây dựng theo đúng kế hoạch *(4.1.06-Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2); 4.1.07 - Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo).*

+ Trường ban hành kế hoạch thẩm định - kế hoạch số 246/KH-CĐĐTĐL ngày 27/11/2019 thẩm định các CTĐT thay đổi; thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo. Tại cuộc họp của Hội đồng để thẩm định xây dựng chương trình đào tạo, các ý kiến đóng góp, các biên bản trong quá trình biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo đều được ghi lại đầy đủ; có phiếu thẩm định chương trình *(4.1.07 - Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội*

đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.1.08-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định).

+ Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo hợp, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành chương trình đào tạo theo Quyết định số 78/QĐ-CDĐTDL ngày 18/5/2020 đối với các CTĐT rà soát, chỉnh sửa của CTĐT năm 2017.

Nội dung năm 2020 điều chỉnh so với CTĐT 2017 như sau: Nhà trường đã tiến hành tổng rà soát toàn bộ chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ trung cấp, cao đẳng trên cơ sở căn cứ hướng dẫn tại các văn bản: Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH. Cụ thể nội dung điều chỉnh:

+ *Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng:*

- *Thời gian đào tạo:* Là thời gian người học tích lũy đủ các mô đun, tín chỉ được quy định trong chương trình

- Số lượng môn học, mô đun: 28
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 88 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, môđun chuyên môn: 2179 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 504 giờ;
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2022 giờ

- Bổ sung môn Kỹ năng giao tiếp 2 tín chỉ

- Thay đổi tín chỉ môn Thực tập trải nghiệm thực tế nghề nghiệp 4 tín chỉ, môn thực tập tốt nghiệp 6 tín chỉ

- Tăng tín chỉ môn Điện cơ bản từ 2 lên 3 tín chỉ
- Đổi tên môn Vẽ kỹ thuật thành môn VKT và Autocad
- Giảm 1 tín chỉ môn HTML dân dụng và thương nghiệp
- Tăng 1 tín chỉ môn Hệ thống điều hòa không khí trung tâm
- Tăng 1 tín chỉ môn Sửa chữa mạch điều hòa
- Môn Quản trị doanh nghiệp đổi lên thành môn bắt buộc
- Đổi môn Gia công ông gió thành môn Gia công, lắp đặt đường ống

(4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành)

❖ **Năm 2022:** Nhà trường thực hiện rà soát, chỉnh sửa, cập nhật bổ sung CTĐT.

+ Nhà trường ban hành kế hoạch 202/KH-CĐĐTĐL ngày 08/6/2022 về việc rà soát, điều chỉnh chuẩn chương trình đào tạo; Thành lập các Ban chủ nhiệm CTĐT Quyết định số 196A/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 29/6/2022. Ban chủ nhiệm CTĐT tiến hành họp và triển khai xây dựng theo đúng kế hoạch. **(4.1.06- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2); 4.1.07 - Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo).**

+ Trường thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo theo Quyết định số 228/QĐ-CĐĐTĐL ngày 28/7/2022. Tại cuộc họp của Hội đồng để thẩm định xây dựng chương trình đào tạo, các ý kiến đóng góp, các biên bản trong quá trình biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo đều được ghi lại đầy đủ; có phiếu thẩm định chương trình **(4.1.07 - Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.1.08-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định).**

+ Hội đồng thẩm định, nghiệm thu chương trình đào tạo họp, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành lại chương trình đào tạo theo Quyết định số 259/QĐ-CĐ ĐTĐL ngày 26/8/2022 (điều chỉnh lại 06 CTĐT trình độ Cao đẳng; các CTĐT khác giữ nguyên so với năm 2020)

Nội dung năm 2022 điều chỉnh so với CTĐT 2020 như sau:

+ *Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng:*

- *Thời gian đào tạo:* Là thời gian người học tích lũy đủ các mô đun, tín chỉ được quy định trong chương trình

- Số lượng môn học, mô đun: 30
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 88 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, môđun chuyên môn: 2063 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 647 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1750 giờ
- Vẽ kỹ thuật và AutoCAD: Giữ nguyên tín chỉ, giảm giờ
- Gia công ống gió chuyển từ tự chọn lên chuyên môn nghề

- Cơ sở kĩ thuật Nhiệt lạnh và điều hòa không khí đổi tên Nhiệt Kỹ thuật
- Điều khiển, giám sát hệ thống lạnh giảm từ 76 giờ còn 60 giờ
- Điện cơ bản giảm từ 76 giờ còn 48 giờ
- Hệ thống Điều hòa không khí cục bộ giảm từ 108 giờ còn 76 giờ
- Thiết kế, lắp đặt hệ thống máy lạnh: điều chỉnh từ 4 tín lên 5 tín
- Sửa chữa mạch điều hòa : giảm từ 3 tín chỉ còn 2 tín chỉ
- Chuyên đề máy lạnh và điều hòa không khí công nghệ mới: tăng từ 48 giờ lên 60 giờ

(4.1.9-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành).

Sau mỗi lần xây dựng, rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo, Nhà trường đều có báo cáo kết quả việc thực hiện. Trong Báo cáo có nội dung "Hoạt động xây dựng, rà soát, hiệu chỉnh các chương trình đào tạo được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành, đáp ứng cơ bản đúng theo kế hoạch đề ra" ***(4.1.10 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo sau cập nhật, điều chỉnh năm 2020, 2022).***

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá: Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Quá trình xây dựng, chuyển đổi, cập nhật CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường được xây dựng đảm bảo các thành phần tham gia vào quá trình xây dựng và thẩm định theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Nhà trường thành lập Ban xây dựng chương trình; Hội đồng thẩm định nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2017, chỉnh sửa năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2) gồm có 15 thành viên. Trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo, Ban chủ nhiệm đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của 100% nhà giáo của khoa chuyên môn, chuyên gia, đại diện doanh nghiệp góp ý vào nội dung của CTĐT.

100% nhà giáo cơ hữu đã giảng dạy chuyên môn tham gia vào quá trình xây dựng, góp ý hoặc thẩm định chương trình đào tạo; ít nhất 1/3 nhà giáo tham gia vào quá trình thẩm định CTĐT; mỗi ngành có 01 cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp (Sở lao động Thương binh & Xã hội thành phố Hà Nội), 01 nhà giáo ở đơn vị giáo dục khác và ít nhất 01 cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động tham gia vào quá trình thẩm định, đánh giá CTĐT. Cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Quốc Thi	Công ty cổ phần nhiệt lạnh ACE	Ủy viên

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2017 và năm 2020 gồm có 11 thành viên theo danh sách đính kèm, trong đó có 01 thành viên đến từ Sở lao động Thương binh & Xã hội thành phố Hà Nội và 01 thành viên đến từ Doanh nghiệp và 02 nhà giáo đến từ cơ sở giáo dục khác.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Ngọc Chuyên	Tổng Giám đốc Công ty Tân Hải Anh	Ủy viên
2	Lê Minh Nguyệt	Chuyên viên Sở LĐTB&XH Hà Nội	Ủy viên
3	Phạm Thế Văn	Khoa Điện điện tử, tổ điện lạnh CD công nghiệp Hà Nội	Ủy viên
4	Đỗ Duy An	Giảng viên Nhiệt lạnh, Đại học Đông Á	Ủy viên

Quá trình biên soạn, thẩm định CTĐT đều thực hiện theo quy trình và có đầy đủ các biên bản họp thẩm định, bản nhận xét đánh giá thẩm định và có quyết định phê duyệt ban hành CTĐT (**4.1.01 – Quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình, giáo trình; Hội đồng thẩm định; 4.1.03 – Kế hoạch xây dựng chương trình, Biên bản họp của các ban chủ nhiệm/tổ biên soạn; 4.1.04 – Các Biên bản tổ chức hội thảo; các phiếu đóng góp ý kiến của các chuyên gia đối với các chương trình đào tạo; 4.1.05 – Biên bản họp Hội đồng thẩm định kèm các phiếu phản biện; 1.1.05 - Quyết định ban hành chương**

trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.06-Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2); 4.1.07 - Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.1.08-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; 4.1.110 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo sau cập nhật, điều chỉnh năm 2020, 2022).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và doanh nghiệp về nội dung “Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động” đánh giá với các mức (Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng). Kết quả trên 90% ý kiến đánh giá ở mức hài lòng trở lên:

TT	Đối tượng khảo sát	Năm học khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	CBQL, GV	2020-2021	Số phiếu: 37	0	0	1	15	21
			Tỷ lệ: 100 %			2,70%	40,54%	56,76%
		2021-2022	Số phiếu: 36	0	0	3	16	17
			Tỷ lệ: 100 %			8,33%	44,44%	47,22%
		2022-2023	Số phiếu: 36	0	0	2	14	20
			Tỷ lệ: 100 %			5,56%	38,89%	55,56%
2	Doanh nghiệp	2021	Số phiếu: 12	0	0	0	9	3
			Tỷ lệ: 100 %			0	75%	25%
		2022	Số phiếu: 13	0	0	0	11	2
			Tỷ lệ: 100 %			0	84,61%	15,39%
		2023	Số phiếu: 14	0	0	0	12	2
			Tỷ lệ: 100 %			0	85,71%	14,29%
		2024	Số phiếu: 15	0	0	0	14	1
			Tỷ lệ: 100 %			0	93.33%	6.67%

(1.1.07-Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.1.08-Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.2.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đồng thời khi xây dựng chương trình, trường đã căn cứ vào chuẩn đầu ra của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được xây dựng theo quy định tại thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 Ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành liên quan đến nhiệt, lạnh. Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của Trường thể hiện đầy đủ về khối lượng kiến thức như: kiến thức các môn học chung, kiến thức các môn học, mô-đun kỹ thuật cơ sở, kiến thức các môn học, mô-đun chuyên ngành cần đạt được của người học khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo có đầy đủ các yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH. Cụ thể: Trong đó lượng kiến thức được phân bổ: Tổng

số môn học là 30 môn (2498 giờ); 6 Môn học chung (435 giờ), 8 môn học, môn cơ sở ngành (408 giờ); môn học chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp (1607 giờ). Khối lượng kiến thức tối thiểu 2498 giờ (88 tín chỉ), thời gian học tập 2 năm 6 tháng, tỷ lệ thực hành nghề chiếm 69%; Yêu cầu về năng lực như: kiến thức về chính trị, pháp luật, giáo dục quốc phòng - An ninh, kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Hiểu được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của hệ thống lạnh, các tiêu chuẩn của bản vẽ, nhận biết và hiểu được các ký hiệu dùng trong bản vẽ, tra cứu được thiết bị qua các ký tự, ký số và đọc, hiểu được các bản vẽ về điện lạnh, phân tích được tính chất, cấu tạo, nguyên lý hoạt động, ứng dụng của hệ thống lạnh, đặc biệt là các hệ thống lạnh chuyên dùng trong lĩnh vực công nghiệp nhiệt lạnh và một số thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực nhiệt lạnh. Sử dụng, ứng dụng được một số thuật ngữ tiếng Anh giao tiếp và chuyên ngành tin học. Vận hành được các thiết bị nhiệt lạnh trong các Nhà máy. Lắp đặt, kết nối các thiết bị, bảo trì, sửa chữa được các thiết bị nhiệt lạnh theo yêu cầu công việc. Sửa chữa, thay thế được các vi mạch trong hệ thống thiết bị lạnh; nhằm đáp ứng yêu cầu công việc sửa chữa hay cải tiến chế độ làm việc của thiết bị lạnh công nghiệp.. Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ, giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế sản xuất, kinh doanh; có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động.

(4.1.02 – Các bộ chuẩn đầu ra kèm theo QĐ ban hành; 1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành).

Ngoài ra, còn được thực hiện qua các buổi họp chuyên môn với sự tham gia của cán bộ quản lý, giáo viên nhằm rà soát cải tiến chương trình, giáo trình đào tạo; Trường thực hiện khảo sát ý kiến của cán bộ, giáo viên, người học và doanh nghiệp về chương trình đào tạo *(1.1.07-Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023,2024; 1.1.08-Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.2.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024).*

Đối chiếu với các quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp cũng như chương trình môn học, chương trình mô-đun chi tiết của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được xây dựng theo đúng mẫu quy định tại Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Vì vậy Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học, xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; quy định khối lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt được của từng công việc trong mỗi nghề, thể hiện rõ phương pháp và hình thức đào tạo trong từng môn học, mô-đun để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp:

Về phân bổ thời gian:

Chương trình quy định rõ thời gian thực học toàn khóa, trong đó, chương trình Cao đẳng bao gồm:

- Số lượng môn học, mô-đun: 30
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 88 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô-đun chuyên môn: 2063 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 647 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1750 giờ

Thời gian học tập của từng môn học mô-đun trong chương trình cũng được phân bổ rất cụ thể theo 3 nội dung. Tổng số trong chương trình:

Trình tự thực hiện các môn học, mô-đun:

Các môn học, mô-đun được phân bổ theo trình tự quy định tại phụ lục 01 kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, tại mục 3. Nội dung chương trình được sắp xếp theo thứ tự:

I. Các môn học chung: Gồm 6 môn học chung

II. Các môn học, mô-đun chuyên môn.

II.1. Các môn học/mô-đun cơ sở: 08 môn học, mô-đun.

II.2. Các môn học/mô-đun chuyên môn: 15 môn học, mô-đun.

II.3. Các môn học/mô-đun tự chọn: 01 môn học, mô-đun.

Nội dung chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của Nhà trường đã được ban hành đều thể hiện rõ sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học đảm bảo không vi phạm điều kiện tiên quyết thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. Trình tự thực hiện các mô-đun, môn học được quy định rất rõ trong từng Chương trình chi tiết môn học trong mục "Vị trí môn học/mô-đun" thể hiện rất rõ môn học/mô-đun được được bố trí song song hoặc học trước, học sau môn học/mô-đun nào trong CTĐT (**1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.09- Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành**).

Nhà trường, đơn vị đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Chương trình đào tạo đảm bảo được khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp” (**2.2.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

TT	Đối tượng	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo viên, CBQL	2021	Số phiếu: 37	0	0	2	15	20
		-2022	Tỷ lệ: 100 %			5,41%	40,54%	54,05%
		2022	Số phiếu: 36	0	0	4	17	17
		-2023	Tỷ lệ: 100 %			10,53%	44,74%	44,74%
		2023	Số phiếu: 36	0	0	1	14	21
		-2024	Tỷ lệ: 100 %			2,78%	38,89%	58,33%
2	HSSV	2020-	Số phiếu: 196	0	0	10	97	44

		2021	Tỷ lệ: 100 %			6,62%	64,24%	29,14%
		2021-2022	Số phiếu: 151	0	0	10	180	40
			Tỷ lệ: 100 %			4,35%	78,26%	17,39%
		2022-2023	Số phiếu: 230	0	0	7	91	152
			Tỷ lệ: 100 %			2,80%	36,40%	60,80%

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Yêu cầu về cơ sở vật chất trong chương trình đào tạo:

Cơ sở vật chất là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình đào tạo. Nhà trường đặc biệt quan tâm đến trang thiết bị phục vụ đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Hàng năm, Phòng Quản trị phối hợp với Khoa Công nghệ nhiệt lạnh, Phòng quản lý đào tạo kiểm tra trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, đáp ứng được nhu cầu học tập của người học đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo.

Căn cứ mẫu quy định tại phụ lục 02, phụ lục 03 kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, tại mục IV. Điều kiện thực hiện môn học/mô-đun có quy định rõ các nội dung: Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng; trang thiết bị máy móc; học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu; các điều kiện khác. Căn cứ vào các nội dung quy định, đối với từng môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đều thể hiện được những yêu cầu về cơ sở vật chất cụ thể:

Trong nội dung chi tiết của chương trình đào tạo đã nêu rõ những yêu cầu về điều kiện để thực hiện chương trình đối với từng mô-đun/môn học đảm bảo cho việc triển khai thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng. Cụ thể, đối với mỗi mô-đun/môn học, trong Mục IV – Điều kiện thực hiện mô-đun/môn học có:

- Yêu cầu về phòng học chuyên môn hoá/nhà xưởng

- Yêu cầu về trang thiết bị, máy móc
- Yêu cầu về học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
- Yêu cầu về giáo viên.
- Các yêu cầu khác tùy theo điều kiện đặc thù của mô-đun/môn học

(1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành).

Các yêu cầu về điều kiện thực hiện trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của Trường cũng phù hợp với yêu cầu về định mức thiết bị nghề và định mức vật tư nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ Cao đẳng ban hành theo Thông tư số 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về định mức kinh tế, kỹ thuật cho nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Trong chương trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có 24 mô-đun chuyên ngành có sử dụng cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng được tiêu chuẩn giảng dạy được thể hiện ở mục số IV của chương trình đào tạo bao gồm yêu cầu về vật tư, trang thiết bị dạy học đào tạo phục vụ giảng dạy của môn đôn đó.

Trong đó có 24 mô-đun sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng, đảm bảo trên 100% các mô-đun/môn học chuyên môn ngành, nghề có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng như: Phần mềm mô phỏng hệ thống lạnh điều hoà không khí, Phần mềm mô phỏng mạch điện....

Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đối tượng liên quan khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đã thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT *(1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; 4.5.01–Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo*

hiện có của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; **4.5.02-** Bảng tổng hợp danh mục thiết bị nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK còn thiếu so với TT; **4.5.03-**Bảng tổng hợp dự trù vật tư giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí các năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024; **4.5.04** – Danh sách tổng hợp các phần mềm mô phỏng phục giảng dạy nghề nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK).

Căn cứ vào số giờ thực tế phân bổ cho từng môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo; căn cứ vào vị trí, tính chất của từng mô học mô-đun (các môn học chung; môn học/mô-đun cơ sở; môn học/mô-đun chuyên môn nghề) Khoa sẽ tính toán, dự kiến số lượng nhà giáo phù hợp (theo chuyên ngành đào tạo của nhà giáo) để xây dựng kế hoạch giáo viên cho từng học kỳ, năm học (**2.2.03- Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.04 - Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025**).

Nhà trường khảo sát lấy ý kiến của bộ phận giáo viên giảng dạy trong khoa, chuyên gia trong lĩnh vực này để biết được mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đối với CTĐT (**2.2.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

TT	Đối tượng	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo viên, CBQL	2021 - 2022	Số phiếu: 37	0	0	2	12	23
			Tỷ lệ: 100 %			5,41%	32,43%	62,16%
		2022 - 2023	Số phiếu: 36	0	0	3	15	18
			Tỷ lệ: 100 %			8,33%	41,67%	50,00%
		2023 - 2024	Số phiếu: 36	0	0	1	11	24
			Tỷ lệ: 100 %			2,78%	30,56%	66,67%

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

- Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, nội dung và phương pháp đánh giá được quy định cụ thể tại mục V trong các chương trình môn học, mô-đun chi tiết. Trong đó:

Nội dung đánh giá bao gồm: Kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Phương pháp đánh giá: Thực hiện đánh giá theo quá trình. Kết thúc các nội dung chương đối với các môn lý thuyết; bài đối với các mô-đun thực hành, trong chương trình đào tạo đều có quy định số giờ kiểm tra/thi. Kết thúc môn học/mô-đun, trong chương trình đào tạo đều có quy định thời gian thi/kiểm tra.

Hình thức thi/kiểm tra: Đối với nội dung đánh giá năng lực kiến thức của người học, chương trình quy định hình thức thi/kiểm tra viết hoặc vấn đáp. Các bài thi viết kết hợp cả phương pháp trắc nghiệm và tự luận. Đối với nội dung thi thực hành, yêu cầu người học hoàn thành một sản phẩm theo nội dung đã luyện tập trong bài học; hoàn thành sản phẩm tổng hợp đối với bài thi kết thúc mô-đun. Nội dung bài thi, trong thang điểm, ngoài nội dung đánh giá về kiến thức, kỹ năng còn quy định điểm đánh giá năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học. Các nội dung đánh giá về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học đều dựa trên mục tiêu của từng bài học, mục tiêu của từng môn học/mô-đun làm cơ sở xác định năng lực của người học sau khi học xong môn học, mô-đun.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập toàn khóa của HSSV để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định .

(1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; 4.6.01 – Đề thi kết thúc MH/MĐ).

Nhà trường, đơn vị đã thực hiện việc lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (4.3.02 - Hồ sơ

khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021; 2.2.08 - Hồ sơ khảo sát HSSV)

TT	Đối tượng	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo viên, CBQL	2021 - 2022	Số phiếu: 37	0	0	1	13	23
			Tỷ lệ: 100 %			2,70%	35,14%	62,16%
		2022 - 2023	Số phiếu: 36	0	0	2	16	18
			Tỷ lệ: 100 %			5,56%	44,44%	50,00%
		2023 - 2024	Số phiếu: 36	0	0	1	8	27
			Tỷ lệ: 100 %			2,78%	22,22%	75,00%
2	HSSV	2021 - 2022	Số phiếu: 196	0	0	6	102	43
			Tỷ lệ: 100 %			3,97%	67,55%	28,48%
		2022 - 2023	Số phiếu: 151	0	0	10	168	52
			Tỷ lệ: 100 %			4,35%	73,04%	22,61%
		2023 - 2024	Số phiếu: 230	0	0	4	97	149
			Tỷ lệ: 100 %			1,60%	38,80%	59,60%

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc đào tạo gắn với nhu cầu xã hội luôn được lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo Khoa Công nghệ nhiệt lạnh rất quan tâm. Vì thế chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được xây dựng trên cơ sở thu thập thông tin thị trường lao động thành phố Hà Nội, thông tin tuyển dụng của đơn vị sử dụng lao động, thông qua các hoạt động gắn kết với doanh nghiệp về

nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp, các hội thảo tiếp xúc giữa nhà trường với các nhà tuyển dụng (4.7.01 - Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 4.7.02-Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. 4.7.03-Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; 4.7.04 - Đề cương định hướng Quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội; 4.7.05 - Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023,2024). Từ đó, nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động, của doanh nghiệp, để xây dựng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cho phù hợp.

Ngoài ra, hàng năm trường đều tổ chức cho nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tham gia đi thực tế, thực tập tại doanh nghiệp để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cũng như tiếp cận các thay đổi, phát triển trong lĩnh vực nhiệt lạnh để điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp (4.7.06 - Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo hàng năm; 3.2.08 - Quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại Doanh nghiệp; 4.7.06 - Báo cáo kết quả thực tập tại Doanh nghiệp; 1.1.05- Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo).

- Bộ chương trình gồm nhiều môn học, mô-đun có nội dung chuyên môn được chuyên sâu đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất như: Hệ thống điều hòa không khí Chiler, hệ thống VRV/VRF, Hệ thống máy lạnh công nghiệp, Điều hòa không khí ô tô, Hệ thống điều hòa trung tâm, Hệ thống điều hòa không khí cục bộ, Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp, Chuyên đề

máy lạnh và điều hòa không khí công nghệ mới, thiết kế lắp đặt hệ thống điều hòa không khí,....

- Nhà trường sẽ tiếp tục mời nhiều CBGV, các chuyên gia ngoài trường và khảo sát lấy ý kiến của HSSV đã tốt nghiệp khi tham gia xây dựng biên soạn, xây dựng giáo trình đào tạo nghề phù hợp với thực tế sản xuất của các cơ quan doanh nghiệp, dịch vụ, thị trường sử dụng lao động.

(4.1.04 - Các Biên bản tổ chức hội thảo; các phiếu đóng góp ý kiến của các chuyên gia đối với các chương trình đào tạo; 4.1.05-Biên bản họp Hội đồng thẩm định kèm các phiếu phản biện 2.2.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Theo qui định về điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo của nhà trường. Hàng năm, Phòng Quản lý đào tạo và các khoa chịu trách nhiệm rà soát bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường nhằm phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo cho các nghề của Trường phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp và tuân thủ đúng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2017 và tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh vào năm 2019 *(4.1.06- Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2)).*

Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đối tượng liên quan khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đã đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ trong giai đoạn hiện nay *(4.1.06-Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2); 4.1.07 - Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.1.08-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; 4.1.10 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo sau cập nhật, điều chỉnh năm 2020, 2022).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích nhận .

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học; Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ lao động thương binh & Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng trong GDNN; Chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp trình độ Cao đẳng của Nhà trường được xây dựng, theo các Thông tư, hướng dẫn nên bảo đảm tính liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được xây dựng định hướng liên thông giữa 2 cấp trình độ trung cấp và cao đẳng nhằm tạo điều kiện cho học sinh trung cấp dễ dàng học tiếp lên trình độ cao đẳng mà không bị trùng, bị khuyết nội dung chương trình học.

Chương trình cao đẳng đều có phần chuyên môn được xây dựng theo hình thức 2 trong 1, gồm 1 phần đào tạo chung cho cả trình độ trung cấp và cao đẳng và một phần nâng cao giành riêng cho trình độ cao đẳng. Cụ thể:

Chương trình Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí điều chỉnh năm 2020, ngoài các môn học chung theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh xã hội; các môn học mô-đun chuyên môn gồm 20 MH/MĐ thuộc chương trình trung cấp; 04 chương trình MH/MĐ nâng cao giành riêng cho trình độ cao đẳng. Như vậy để hoàn thành chương trình cao đẳng, người học sẽ phải hoàn thành tổng số 30 MH/MĐ (bao gồm cả các môn học chung, các môn học, mô-đun chuyên môn nghề).

Chương trình Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí điều chỉnh năm 2022, ngoài các môn học chung theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh xã hội; các môn học mô-đun chuyên môn gồm 20 MH/MĐ thuộc chương trình trung cấp; 06 chương trình MH/MĐ nâng cao giành riêng cho trình độ cao đẳng. Như vậy để hoàn thành chương trình cao đẳng, người học sẽ phải hoàn thành tổng số 32 MH/MĐ (bao gồm cả các môn học chung, các môn học, mô-đun chuyên môn nghề) **(4.1.06-Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo**

năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2); 4.1.07 - Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo; 4.1.08-Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; 4.1.110 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo sau cập nhật, điều chỉnh năm 2020, 2022; 4.8.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng liên thông nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí các năm và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo).

Công tác tổ chức đào tạo liên thông từ Trung cấp lên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của Nhà trường hàng năm thực hiện theo đúng quy chế, tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo, lập kế hoạch, bố trí giáo viên, tổ chức đào tạo cho phù hợp với tình hình, nhu cầu thực tế, bảo đảm đúng thời gian, tiến độ và nội dung chương trình đã xây dựng (*2.1.02 – Kế hoạch tuyển sinh của Trường năm 2021,2022, 2023, 2024; Thông báo tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023; 4.8.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng liên thông nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí các năm và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 2.5.10-Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024*).

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để đào tạo liên thông. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có hình thức đào tạo liên thông từ cao đẳng lên Đại học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh có 100% giáo trình cho các môn học, mô-đun để phục vụ cho quá trình giảng dạy cũng như học tập của giáo viên và học sinh trong khoa của các hệ đào tạo trung cấp, cao đẳng và hệ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng. Năm 2017 thực hiện sự chỉ đạo của nhà trường, căn cứ vào bộ chương trình đã xây dựng của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí,

Khoa đã tổ chức biên soạn hoàn thành các bộ giáo trình theo hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT- BLĐTB XH. Bộ giáo trình gồm:

Năm 2017: Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng có 06 giáo trình các môn học chung và 23 Giáo trình MH/MĐ chuyên môn, gồm MH/MĐ cơ sở và MĐ chuyên môn.

Năm 2020, trên cơ sở rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo lần 1, Phòng QLĐT và khoa Công nghệ nhiệt lạnh tổ chức rà soát, chỉnh sửa các giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trên cơ sở bộ chương trình đã được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Cụ thể năm 2020: Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng có 06 giáo trình các môn học chung và 22 Giáo trình MH/MĐ chuyên môn, gồm MH/MĐ cơ sở và MĐ chuyên môn.

Năm 2022, trên cơ sở rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo lần 2, Phòng QLĐT và khoa Công nghệ nhiệt lạnh tổ chức rà soát, chỉnh sửa các giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trên cơ sở bộ chương trình đã được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Cụ thể năm 2022: Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng có 06 giáo trình các môn học chung và 24 Giáo trình MH/MĐ chuyên môn, gồm MH/MĐ cơ sở và MĐ chuyên môn.

Như vậy 100% giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng đều do tiểu ban biên soạn của trường xây dựng. Trường không sử dụng các giáo trình lựa chọn của các trường bạn *(1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; 4.9.01-Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo; 4.9.02- Danh mục giáo trình của nghề KTML&ĐHKK; 4.9.03- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề KTML&ĐHKK; 4.9.04- Quyết định số 87/QĐ-CĐĐTĐL ngày 6/4/2019 về việc sử dụng các chương trình và tài liệu giảng dạy môn học chung trình độ cao đẳng, trung cấp).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình, Nhà trường tiến hành kiểm tra, rà soát, điều chỉnh, biên soạn giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo được ban hành. Tất cả giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn thẩm định, ban hành theo đúng quy định của thông tư (**4.10.01 - Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình đào tạo tại trường Cao đẳng Điện tử- Điện lạnh**). Cụ thể: Trường ban hành kế hoạch biên soạn giáo trình, thành lập ban chủ nhiệm giáo trình để triển khai thực hiện và xin ý kiến các chuyên gia đóng góp cho dự thảo của giáo trình (**4.10.02- Kế hoạch biên soạn giáo trình các năm; 4.10.03 - Hồ sơ xây dựng/lựa chọn giáo trình các năm**); Sau đó ban hành kế hoạch thẩm định, nghiệm thu giáo trình. Hội đồng thẩm định các giáo trình đào tạo số thành viên trong mỗi hội đồng thẩm định đảm bảo có ít nhất 7 thành viên là giảng viên trực tiếp giảng dạy, là cán bộ quản lý, các chuyên gia có kinh nghiệm từ các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ... tất cả đều có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm trong giảng dạy, quản lý hoạt động sản xuất có liên quan đến ngành nghề xây dựng chương trình đào tạo tương ứng (**4.10.04- Kế hoạch thẩm định giáo trình các năm; 4.10.05 - Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình các năm; 4.10.06 – Hồ sơ thẩm định giáo trình các năm**). Sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện giáo trình theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng đã có Quyết định ban hành giáo trình nội bộ đưa vào sử dụng trong giảng dạy và học tập (**1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; 4.9.01-Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo; 4.9.02- Danh mục giáo trình của nghề KTML&ĐHKK; 4.9.03- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề KTML&ĐHKK**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo. Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Mô tả, phân tích, nhận định

Các giáo trình của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng được xây dựng theo mẫu tại phụ lục 05 (giáo trình môn học/mô-đun) kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trong từng môn đun có yêu cầu về

kiến thức cần nắm được, kỹ năng vận dụng, phương pháp giảng dạy, bài tập liên hệ, bài tập nhóm và hướng dẫn tự học, giúp học sinh vận dụng kiến thức trong bài học được tốt hơn. Trong từng chương/bài đều chỉ rõ mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm mà người học cần đạt được.

Trên cơ sở mục tiêu đề ra, nội dung giáo trình ở từng chương, bài trong mô-đun, môn học được cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng và phù hợp với mục tiêu đề ra. Tất cả các giáo trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đều được xây dựng, ban hành đảm bảo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong CTĐT, nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô-đun/môn học trong chương trình đào tạo. Giáo trình được đưa vào sử dụng phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập của Nhà trường; đã cụ thể hóa nội dung, kiến thức và yêu cầu của môn học qua từng bài học. Tại mỗi bài học của hệ thống giáo trình đều thể hiện mục đích, yêu cầu, kiến thức cần đạt được cũng như hệ thống các câu hỏi ôn tập mà HSSV cần đạt được sau khi kết thúc môn học, mô-đun. Nhà trường giao cho Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với Khoa Công nghệ nhiệt lạnh thực hiện công tác xây dựng, biên soạn giáo trình và các đơn vị rà soát, chỉnh sửa, biên soạn giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo khi có sự chỉnh sửa *(1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; 4.9.01-Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo; 4.9.02- Danh mục giáo trình của nghề KTML&ĐHKK; 4.9.03- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề KTML&ĐHKK; 4.10.03 - Hồ sơ xây dựng/lựa chọn giáo trình các năm; 4.10.06 – Hồ sơ thẩm định giáo trình các năm)*.

Hàng năm, trường đã tiến hành khảo sát xin ý kiến của nhà giáo về Giáo trình, trong đó có nội dung “Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng đảm bảo mục tiêu của từng chương, bài trong mỗi mô-đun/môn học. Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực”. *(2.2.09-Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024)*.

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo viên, CBQL	2021-	Số phiếu: 37	0	0	9	8	20
		2022	Tỷ lệ: 100 %			24,32 %	21,62 %	54,05 %
		2022-	Số phiếu: 36	0	0	1	19	16
		2023	Tỷ lệ: 100 %			2,78%	52,78 %	44,44 %
		2023-	Số phiếu: 36	0	0	1	12	23
		2024	Tỷ lệ: 100 %			2,78%	33,33 %	63,89 %
2	HSSV	2021-	Số phiếu: 196	0	0	3	89	59
		2022	Tỷ lệ: 100 %			1,99%	58,94 %	39,07 %
		2022-	Số phiếu: 151	0	0	4	172	54
		2023	Tỷ lệ: 100 %			1,74%	74,78 %	23,48 %
		2023-	Số phiếu: 230	0	0	4	98	148
		2024	Tỷ lệ: 100 %			1,60%	39,20 %	59,20 %

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo, phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi chuyển đổi chương trình theo Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2017, Nhà trường đã thực hiện rà soát chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, chương trình môn học của các hệ đào tạo, các ngành/ngành đang đào tạo tại trường. Các CTĐT được rà soát và điều chỉnh vào các năm 2020, 2022. CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và điều chỉnh có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo. Bên cạnh đó giáo trình đào tạo nghề Kỹ thuật

máy lạnh và điều hòa không khí cũng được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật để đảm bảo, phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Việc đào tạo gắn với nhu cầu tuyển dụng của Doanh nghiệp luôn được lãnh đạo Nhà trường và lãnh đạo Khoa Công nghệ nhiệt lạnh quan tâm. Vì thế, trước khi ban hành Chương trình đào tạo và giáo trình của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí thì Khoa đã sắp xếp tổ chức các buổi hội nghị đóng góp ý kiến về giáo trình đào tạo; đặc biệt chú trọng các ý kiến của các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động, bởi đây là những người trực tiếp sử dụng “sản phẩm” đào tạo của Khoa.

Giáo trình được xây dựng dựa trên chương trình đào tạo và sự khảo sát trong thực tế về công nghệ, khoa học và sản xuất kinh doanh dịch vụ. Bộ giáo trình gồm nhiều môn học, mô-đun có nội dung chuyên môn được chuyên sâu đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất. Định kỳ hằng năm nhà trường đều có cập nhật, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với thực tiễn cũng như đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Các ý kiến của các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động sẽ rất sát với thực tế, đồng thời giúp cho Khoa định hướng đúng về công tác xây dựng giáo trình có nội dung phù hợp với thực tế và công nghệ trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ (4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; 4.9.01-Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo; 4.9.02- Danh mục giáo trình của nghề KTML&ĐHKK; 4.9.03- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề KTML&ĐHKK; 4.10.03 - Hồ sơ xây dựng/lựa chọn giáo trình các năm; 4.10.06 – Hồ sơ thẩm định giáo trình các năm).

Hàng năm, nhà trường cũng thực hiện thu thập ý kiến đánh giá, góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, cựu HSSV đã đi làm về chất lượng đào tạo, trong đó có nội dung đánh giá sự phù hợp của CTĐT, giáo trình phù hợp với thực tiễn và cập nhật những tri thức mới của khoa học, công nghệ. Đa số ý kiến đánh giá nhận xét mức độ phù hợp của các giáo trình nhà trường nói chung và giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí nói riêng đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở thời điểm hiện nay (2.2.09-Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024).

TT	Đối	Năm khảo sát	Mức đánh giá
----	-----	--------------	--------------

	tượng khảo sát			1	2	3	4	5
1	Giáo viên, CBQL	2021-	Số phiếu: 37	0	0	5	13	19
		2022	Tỷ lệ: 100 %			13,51%	35,14%	51,35%
		2022-	Số phiếu: 36	0	0	2	14	20
		2023	Tỷ lệ: 100 %			5,56%	38,89%	55,56%
		2023-	Số phiếu: 36	0	0	1	15	20
		2024	Tỷ lệ: 100 %			2,78%	41,67%	55,56%
2	HSSV	2021-	Số phiếu: 196	0	0	1	91	59
		2022	Tỷ lệ: 100 %			0,66%	60,26%	39,07%
		2022-	Số phiếu: 151	0	0	2	174	54
		2023	Tỷ lệ: 100 %			0,87%	75,65%	23,48%
		2023-	Số phiếu: 230	0	0	4	95	151
		2024	Tỷ lệ: 100 %			1,60%	38,00%	60,40%

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của trường được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt ngành, nghề trọng điểm khu vực; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Theo đó nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí là nghề được lựa chọn đầu tư đáp ứng chuẩn khu vực (nghề trọng điểm khu vực), vì vậy được ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và an toàn lao động và nguồn ngân sách của Bộ hàng năm.

Hệ thống phòng học, phòng thực hành của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đảm bảo quy chuẩn xây dựng và đáp ứng được yêu cầu đào tạo cả về quy mô và các điều kiện học tập.

Hệ thống thiết bị đào tạo được đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại; đáp ứng được danh mục, chủng loại thiết bị theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về danh mục, chủng loại thiết bị tối thiểu theo phụ lục

13B thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội; đáp ứng được tiêu chuẩn thiết bị; đáp ứng yêu cầu và quy mô đào tạo.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí theo 04 phòng học chuyên môn hóa để phù hợp với các môn học, mô-đun và khai thác có hiệu quả, đúng công năng của thiết bị. Tại các phòng thực hành chuyên môn hóa, thiết bị được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh được xây dựng và quy hoạch hợp lý dựa trên mặt bằng tổng thể của trường. Khoa có đầy đủ hệ thống các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, hệ thống các công trình phụ trợ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và học sinh. Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng ngày một khang trang sạch đẹp, đáp ứng công tác đào tạo của nghề.

Hệ thống thư viện sử dụng chung với thư viện của trường, đáp ứng các tiêu chuẩn thư viện, có thư viện điện tử; đảm bảo số đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, học tập của nhà giáo và học sinh, sinh viên..

** Những điểm mạnh:*

Hệ thống phòng học, phòng thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được đầu tư theo các tiêu chuẩn tiếp cận trình độ khu vực, đảm bảo các tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Danh mục thiết bị về số lượng và chủng loại đáp ứng đủ theo phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội;

Hệ thống thiết bị được bố trí, sắp xếp thành các phòng học thực hành chuyên môn theo tiêu chuẩn 5S.

Trường có thư viện điện tử; các bộ chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo được cập nhật đầy đủ trên thư viện điện tử thuận tiện cho việc tra cứu, tham khảo.

** Những tồn tại:*

Số lượng thiết bị của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí chưa đáp ứng quy định tại phụ lục 13B thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội;

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Từ năm học 20244 - 2025, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh sẽ tiến hành rà soát và đề nghị Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng sự thay đổi cập nhật của chương trình đào tạo.

Khoa tiếp tục duy trì và thực hiện triệt để việc bố trí, sắp xếp và sử dụng dụng cụ, thiết bị tại các phòng học thực hành chuyên môn theo tiêu chuẩn 5S.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	00
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Mặt bằng khuôn viên của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội hiện nay được xây dựng trên khu đất có diện tích 8.569 m², được xây dựng thành các tòa nhà từ 1 đến 6 tầng và một số công trình phụ trợ, có đủ các khu vực phục vụ cho công tác đào tạo, cơ bản đáp ứng đủ hệ thống giảng đường, phòng học, ký túc xá sinh viên, theo quy định của bộ tiêu chuẩn.

Trường có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xây dựng đáp ứng yêu cầu làm việc và giảng dạy và học tập. Hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước được trang bị đầy đủ, hiện đại, các phòng học được đảm bảo ngăn cách không bị ảnh hưởng tiếng ồn,

có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất bảo đảm các yêu cầu an toàn, hệ thống chiếu sáng, thông gió và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường (**5.1.01 - Bảng thống kê số liệu về diện tích khu đất toàn Trường, diện tích các công trình xây dựng, cây xanh, sân chơi, đường giao thông nội bộ của Trường; 5.1.02- Bản vẽ mặt bằng quy hoạch - Định vị công trình tỷ lệ 1/500; 5.1.03 - Hồ sơ hoàn công các công trình của trường**).

Nghề nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của trường là nghề được lựa chọn quy hoạch đầu tư tiếp cận trình độ khu vực, nghề được đầu tư hệ thống phòng thực hành với các trang thiết bị hiện đại, sắp xếp, lắp đặt theo các phòng thực hành chuyên môn hóa đảm bảo đạt các tiêu chuẩn quy định.

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh được bố trí các phòng học lý thuyết chung tại khu giảng đường nhà H. Khu giảng đường nhà H có 5 tầng được xây dựng theo quy hoạch chung của Trường với diện tích xây dựng là 807m² được nghiệm thu và đưa vào sử dụng từ năm 2010. Tất cả các phòng được Nhà trường sử dụng là khu giảng đường với tổng số 14 phòng học lý thuyết chung có diện tích các phòng từ 58 m² - 108 m².

Các môn học lý thuyết các môn học chung được học chung tại các phòng học lý thuyết, ở khu giảng đường nhà H của trường theo sự bố trí các phòng học trong thời khoá biểu của Phòng Quản lý đào tạo. Các phòng học được thiết kế 1 hoặc 2 cửa ra vào theo qui chuẩn, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh, bục giảng giáo viên được bố trí ngăn nắp, khoa học và đảm bảo khoảng cách qui định, hệ thống thông gió, ánh sáng, phòng cháy chữa cháy của phòng học theo qui chuẩn hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và phù hợp với số lượng học sinh, sinh viên đang đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Bên cạnh đó mỗi phòng học đều được trang bị lắp đặt hệ thống máy chiếu đa năng, hệ thống camera giám sát để phục vụ công tác giảng dạy.

Khoa Công nghệ nhiệt lạnh có 6 phòng thực hành chuyên môn hóa của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được bố trí liên nhau tại tầng 1 khu nhà H, nhà K được xây dựng theo quy hoạch chung của trường. Mỗi phòng thực hành có diện tích từ 60 m² đến 86.4 m² có các công năng: Học phần hướng dẫn ban đầu (các bài thực hành, tích hợp); khu vực thực tập của sinh viên; kho để nguyên vật liệu thực hành. Đối với phòng học, xưởng thực hành có nội quy phòng học và nội quy xưởng. Mỗi phòng học, phòng thực hành đều có giáo viên phụ trách. Sau mỗi buổi học được giáo viên và HSSV sắp xếp, vệ sinh sạch sẽ đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Tất cả các phòng học, phòng thực hành, và phòng học chuyên môn hóa đều đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công

nghệ thiết bị đào tạo, đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn (**5.1.04 - Bảng thống kê các phòng học, giảng đường, phòng chuyên môn hóa, phòng thực hành, kho; 5.1.05 - Các Quyết định phân công nhà giáo quản lý phòng, xưởng thực hành, kho thiết bị năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 5.1.06- Sổ quản lý tài sản các phòng thực hành của khoa Công nghệ nhiệt lạnh**).

Căn cứ kế hoạch đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong các năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024; năm học 2023 - 2024 là năm có số liệu HSSV qui đổi trong năm cao nhất là 1.038 HSSV. Do đó:

- **Đối với phòng học lý thuyết:** Tính số lớp lý thuyết: $1038/35 = 29,7$ lớp (làm tròn 30 lớp). Số phòng học lý thuyết cần đáp ứng của Trường sẽ là: $30 \text{ lớp} : 2\text{ca/ngày} \times 0,3$ (30% lý thuyết) = 5 phòng (làm tròn) < 14 phòng, do đó đảm bảo chuẩn về số lượng phòng.

Diện tích phòng học lý thuyết theo quy định là $1,5 \text{ m}^2/\text{chỗ học} \times 35 \text{ HSSV/phòng}$. Diện tích lớp học sẽ là $35 \times 1,5 \text{ m}^2 = 52,5 \text{ m}^2$; Diện tích phòng học lý thuyết thực tế 14 phòng của trường có diện tích trung bình là $974 \text{ m}^2 / 14 \text{ phòng} = 69,6 \text{ m}^2$ vì vậy đảm bảo chuẩn về diện tích phòng học lý thuyết.

- **Phòng học thực hành:**

Căn cứ số HSSV quy đổi, Đoàn lấy số liệu HSSV qui đổi trung bình trong năm cao nhất là 1038 HSSV (**3.5.04 - Bảng tính HSSV quy đổi năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023; 2023 - 2024**). Tính toán như sau:

+ Số lớp học thực hành là: $1038 \text{ HSSV} : 18/1\text{ca} = 57,7$ lớp.

+ Số phòng thực hành cần có: $57,7 \text{ lớp} : 2 \text{ ca} \times 0,7$ (70%) = 20,2 (làm tròn là 21 phòng). Trường có 29 phòng với tổng diện tích là $2.275,2 \text{ m}^2$. Diện tích trung bình của các phòng là $78,4 \text{ m}^2$. Như vậy tổng số phòng thực hành của Trường là $29 \text{ phòng} > 21 \text{ phòng}$ cần có. Để xác định mức độ đáp ứng về diện tích: $21 \times 4 \times 18 = 1512 \text{ m}^2 < 2.275,2 \text{ m}^2$ hiện có. Như vậy, Nhà trường đã đủ diện tích phòng học thực hành theo quy định. Phòng học lý thuyết, thực hành, tích hợp của Nhà Trường đảm bảo chuẩn về số lượng cũng như diện tích của phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, tích hợp (**2.1.07 - Quyết định thành lập lớp năm học 2021 - 2022, 2022 -2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025 – nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK; 2.2.01-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.02-Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.04- Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025**).

Ngoài các phòng thực hành chuyên môn, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh sử dụng 01 Phòng thực hành máy vi tính, 02 Phòng thực hành cơ khí , 01 Phòng thực hành điện tử dân dụng, 01 phòng thực hành điện tử cơ bản được Nhà

trường bố trí dùng chung với các nghề khác theo kế hoạch đào tạo. Đối chiếu với quy định số lượng các phòng học sử dụng đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trường có đủ số phòng học theo quy định.

Các phòng thực hành nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí cũng được bố trí cùng tầng 1 của các tòa nhà H, nhà D và nhà K đảm bảo thuận lợi khi tổ chức giảng dạy, học tập. Các công trình có kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn, đảm bảo lấy ánh sáng tự nhiên tối đa. Các phòng thực hành đều có bố trí đèn chiếu sáng, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để học sinh, sinh viên học tập, thực hành. Tất cả các phòng học, phòng thực hành đều bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định; được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra định kỳ (*5.1.07- Mặt bằng cấp điện tổng thể; Hợp đồng cung cấp điện; 5.1.08- Bản vẽ hệ thống điện cho các hạng mục của toàn Trường; 5.1.09 - Hợp đồng mua điện, Hóa đơn thu tiền điện năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024; 5.1.10- Hợp đồng dịch vụ cấp nước sinh hoạt; 5.1.11 - Mặt bằng cấp, thoát nước tổng thể; Hóa đơn thanh toán nước hàng tháng; 5.1.12 - Kết quả các phiếu kiểm nghiệm mẫu nước năm 2021, 2022, 2023; 5.1.13-Ảnh chụp bên trong các phòng học, phòng thực hành; 5.1.1.4 - Hình ảnh tập huấn công tác PCCC; 5.1.15- Biên bản kiểm tra về PCCC của công an Quận năm 2021, 2022, 2023*)

Trường có 2 trạm biến áp 630KVA và 250KVA đặt trong khuôn viên trường, nguồn điện cung cấp luôn ổn định, đủ đáp ứng cho tất cả mọi nhu cầu về điện của tất cả các hoạt động của Trường. Hệ thống điện của Trường được kết nối với hệ thống lưới điện thành phố do điện lực Cầu Giấy quản lý. Nguồn điện lưới cấp cho nhà trường là nguồn 3 pha, 4 dây. Tại các phòng thực hành nguồn điện được thiết kế theo quy chuẩn xây dựng, đảm bảo nguồn điện đủ phục vụ hoạt động dạy thực hành an toàn, điện chiếu sáng, thông gió. Các phòng thực hành đều có hệ thống ngắt điện tự động để bảo vệ an toàn khi có sự cố xảy ra. Do vậy nguồn điện là rất thuận lợi, đảm bảo cấp điện cho sinh hoạt, học tập thực hành và các hoạt động khác của Nhà trường luôn ổn định. Hệ thống điện lưới của thành phố Hà Nội luôn phục vụ thường xuyên, liên tục đảm bảo ổn định cho hoạt động giảng dạy, học tập của Nhà trường (*5.1.07- Mặt bằng cấp điện tổng thể; Hợp đồng cung cấp điện; 5.1.08- Bản vẽ hệ thống điện cho các hạng mục của toàn Trường; 5.1.09 - Hợp đồng mua điện, Hóa đơn thu tiền điện năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*).

Nhà trường có Hợp đồng cấp nước với Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội để phục vụ nước sạch cho các hoạt động dạy và học (**5.1.10- Hợp đồng dịch vụ cấp nước sinh hoạt**). Hệ thống đường nước của trường được dẫn từ Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội qua một trạm cấp nước xây dựng đặt tại phường Dịch Vọng. Từ trạm cấp nước sạch máy bơm hút nước đẩy lên các bồn chứa nước máy inox lớn, hiện nhà trường có các téc chứa nước đặt tại nhà A, B, H, Ký túc xá; ngoài ra còn có 4 bể ngầm có dung tích khoảng 150m³ để phòng chữa cháy. Các téc nước được đặt trên vị trí cao của các khu nhà rồi cấp nước theo các đường ống chính xuống để dẫn đến từng vị trí sử dụng theo thiết kế, hệ thống nước sạch cung cấp đầy đủ, đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt, học tập trong toàn trường (**5.1.11 - Mặt bằng cấp, thoát nước tổng thể; Hóa đơn thanh toán nước hàng tháng**). Hệ thống nước sinh hoạt của Nhà trường được cung cấp bởi nguồn nước sạch của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động toàn Trường. Nguồn nước của Nhà trường sử dụng đã được Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thành phố Hà Nội xác nhận đạt tiêu chuẩn các chỉ số kiểm nghiệm nghiêm ngặt bởi các đơn vị chuyên môn, được cấp phiếu kiểm nghiệm kết quả xét nghiệm đạt tiêu chuẩn quy định (**5.1.12 - Kết quả các phiếu kiểm nghiệm mẫu nước năm 2021, 2022, 2023**).

Nhà trường đã thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, học sinh về nội dung: Phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. Kết quả cho thấy có ít nhất 87,5% ý kiến hài lòng và Hoàn toàn hài lòng với nội dung này (**2.2.09-Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình đào tạo. Tất cả các nghề đào tạo của trường đều phải đảm bảo đủ chủng loại thiết bị tối thiểu, đáp ứng được trình độ đào tạo phù hợp với xã hội. Thiết bị đào tạo của trường được hình thành từ Chương trình mục tiêu hàng năm, từ các dự án viện trợ, từ nguồn mua sắm thường xuyên của Trường.

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí xây dựng năm 2017 của trường gồm 20 môn học, mô-đun chuyên môn nghề; năm 2020 CTĐT chỉnh sửa lần 1 gồm 21 môn học, mô-đun chuyên môn nghề, năm 2022 CTĐT chỉnh sửa lần 2 gồm 23 môn học, mô-đun chuyên môn nghề **(1.1.05 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành)**. Căn cứ vào các CTĐT đã ban hành, trang thiết bị phục vụ giảng dạy của Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đáp ứng đủ về chủng loại và yêu cầu của CTĐT. Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của là một trong các nghề trọng điểm được đầu tư trở thành nghề cấp độ khu vực, được nhà trường quan tâm đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau. Thiết bị nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của Trường đủ chủng loại thiết bị để đáp ứng yêu cầu đào tạo; không có MH/MĐ nào không có thiết bị đào tạo. Các trang thiết bị của khoa Công nghệ nhiệt lạnh và giáo viên quản lý phòng thực hành quản lý và theo dõi khoa học. Tại các phòng thực hành đều có sổ quản lý, theo dõi tài sản. **(5.1.06- Sổ quản lý tài sản các phòng thực hành của khoa Công nghệ nhiệt lạnh; 4.5.01- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghề KTML&ĐHKK)**.

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác kiểm kê tài sản, báo cáo Hiệu trưởng về công tác quản lý theo dõi tài sản cố định, từ đó có những đề xuất biện pháp bổ sung, điều chuyển thiết bị đào tạo phù hợp hoạt động của Nhà trường nói chung và yêu cầu của các chương trình đào tạo nói riêng **(5.2.01-Sổ theo dõi tài sản cố định của trường; 5.2.02 - Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2021, 2022, 2023; 5.1.13 - Ảnh chụp bên trong các phòng thực hành)**.

Để đánh giá chất lượng, số lượng thiết bị phục vụ công tác học tập và giảng dạy. Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát nhà giáo và HSSV về cơ sở vật chất và trang thiết bị **(2.2.09- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024)**.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo của khoa Công nghệ nhiệt lạnh ngoài đảm bảo về chủng loại còn đảm bảo cả về số lượng đáp ứng được nhu cầu học tập của HSSV và giảng dạy của nhà giáo. Số lượng, chủng loại thiết bị được bổ sung hàng năm từ các chương trình mục tiêu, dự án tài trợ và mua sắm thường xuyên. Nhà trường thực hiện việc đầu tư cho từng nghề, không đầu tư dàn trải, đảm bảo tính đồng bộ của trang thiết bị. Hiện nay số lượng thiết bị phục vụ đào tạo cho nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của nhà trường được đảm bảo theo quy định *(5.2.01- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghề KTML&ĐHKK)*. Hàng năm, tiến hành rà soát, kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị, bổ sung thêm thiết bị *(5.3.01 - Hồ sơ mua sắm vật tư, thiết bị dạy nghề năm 2021, 2022, 2023, 2024)*.

Thiết bị được giao cho khoa quản lý, để đáp ứng CTĐT được thực hiện một cách tốt nhất, Nhà trường tiến thực hiện việc rà soát kê khai danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ LĐTB - XH ban hành. Nhà trường đã chỉ đạo các phòng khoa chức năng chuyên môn rà soát kê khai danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường để làm cơ sở so sánh, đối chiếu tìm ra những danh mục thiết bị còn thiếu, chưa đồng bộ từ đó có kế hoạch bổ sung kịp thời *((5.2.01- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghề KTML&ĐHKK)*.

Căn cứ danh sách HSSV trúng tuyển và tình hình nhập học của HSSV, Nhà Trường tiến hành phân lớp cho HSSV và danh sách lớp này được duy trì đến cuối khóa học. Căn cứ kế hoạch giảng dạy, tiến độ đào tạo. Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với Khoa công nghệ nhiệt lạnh lập thời khóa biểu của các lớp chuyên ngành, trong đó thể hiện rõ việc bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của trường. Hiện tại các lớp học đang thực hiện chia các ca học học trong ngày, ca sáng và ca chiều để đảm bảo việc khai thác sử dụng trang thiết bị được hiệu quả ngay cả khi số lượng học sinh trong lớp có vượt quá quy định 18 HSSV/lớp. Với số lượng trang thiết bị của một số mô-đun chính của nghề Kỹ

thuật máy lạnh và điều hòa không khí cơ bản đều đáp ứng số lượng trang thiết bị theo yêu cầu của môn học, mô-đun và yêu cầu của HSSV (2.1.07 - Quyết định thành lập lớp năm học 2021 - 2022, 2022 -2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025 – nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK; 2.2.01-Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.02-Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.04- Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025).

Định kỳ hàng năm, Phòng Quản trị phối hợp cùng với khoa Công nghệ nhiệt lạnh kiểm tra, đánh giá trang thiết bị hiện có thông qua công tác kiểm kê tài sản, qua đó tiến hành kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo nghề (5.2.03 - Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2021, 2022, 2023).

Căn cứ danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí với danh mục thiết bị đào tạo theo quy định do Bộ LĐ-TB & XH ban hành, đồng thời căn cứ số lượng HSSV tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành, cho thấy thiết bị đào tạo đảm bảo đáp ứng đủ danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo và đáp ứng tốt các yêu cầu của môn học, mô-đun. Tuy nhiên một số thiết bị về số lượng còn thiếu, Nhà trường sẽ bổ sung trong giai đoạn từ 2024 đến 2030.

(5.3.04-Danh mục các thiết bị còn thiếu về mặt số lượng của nghề KTML&ĐHKK so với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu của Bộ LĐ-TBXH).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các trang thiết bị của Trường có hồ sơ xuất xứ, năm và nước sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ, thiết bị được lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng, theo đúng các hợp đồng mua sắm thiết bị của các nghề. Thiết bị được bàn giao cho từng khoa, có sổ theo dõi riêng, được tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng, có nhật ký bảo dưỡng định kỳ hoặc đột xuất. Hằng năm, trường đều thực

hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. Đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, các thiết bị đào tạo được sắp xếp, lắp đặt tại các phòng thực hành tại tầng 1 nhà H, nhà D và nhà K. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Việc quản lý trang thiết bị được giao cho các nhà giáo quản lý phòng thực hành của Khoa Công nghệ nhiệt lạnh phụ trách, với nhiệm vụ lập dự trù vật tư, theo dõi, rà soát các trang thiết bị hiện có để kịp thời có phương án đề xuất bổ sung, sửa chữa, thay thế. Các phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ được vận hành sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng, theo đúng quy trình kỹ thuật và thực hiện đúng nội quy, quy định, quy trình của trường đã ban hành. Để rà soát về số lượng, cũng như đánh giá chất lượng qua hình thức bên ngoài. Hàng năm, giáo viên quản lý thiết bị của Khoa Công nghệ nhiệt lạnh luôn phối hợp cùng, hội đồng kiểm kê tài sản của nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản theo đúng quy định của nhà nước, tiến hành rà soát, đề xuất, điều chỉnh cơ sở vật chất, trang thiết bị cho phù hợp *(5.2.02-Sổ theo dõi tài sản cố định của trường; 5.2.03 - Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2021, 2022, 2023; 5.1.06- Sổ quản lý tài sản các phòng thực hành của khoa Công nghệ nhiệt lạnh; 5.1.13 - Ảnh chụp bên trong các phòng thực hành; 5.4.01- Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường kèm QĐ ban hành; 5.4.02-Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường; 5.4.03-Nội quy phòng học lý thuyết, nội quy phòng thực hành)*.

Căn cứ Quy trình sửa chữa trang thiết bị đã ban hành, nhà giáo quản lý phòng thực hành tại các phòng học chuyên môn đề xuất và Khoa xây dựng kế hoạch bảo dưỡng định kỳ đối với các thiết bị chính có quy định chế độ bảo dưỡng. Khoa phối hợp cùng Phòng Quản trị thực hiện kế hoạch bảo dưỡng thiết bị đào tạo đúng quy trình, quy định của trường. Hàng năm có báo cáo công tác sử dụng bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo *(5.4.04- Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2021, 2022, 2023; 5.4.05- Hồ sơ sửa chữa, nâng cấp và bảo dưỡng thiết bị đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023)*.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát HSSV, CBGV, kết quả cho thấy đa số ý kiến hài lòng và Hoàn toàn hài lòng với nội dung thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường bị *(2.2.09- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024)*.

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo viên, CBQL	2021-	Số phiếu: 37	0	0	2	15	20
		2022	Tỷ lệ: 100 %			5,41%	40,54%	54,05%
		2022-	Số phiếu: 36	0	0	2	11	23
		2023	Tỷ lệ: 100 %			5,56%	30,56%	63,89%
		2023-	Số phiếu: 36	0	0	2	14	20
		2024	Tỷ lệ: 100 %			5,56%	38,89%	55,56%
2	HSSV	2021-	Số phiếu: 196	0	0	7	85	59
		2022	Tỷ lệ: 100 %			4,64%	56,29%	39,07%
		2022-	Số phiếu: 151	0	0	6	170	54
		2023	Tỷ lệ: 100 %			2,61%	73,91%	23,48%
		2023-	Số phiếu: 230	0	0	4	99	147
		2024	Tỷ lệ: 100 %			1,60%	39,60%	58,80%

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu trong giảng dạy và học tập, tránh thất thoát lãng phí Nhà trường đã ban hành định mức vật tư cho nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng và Quy trình cấp phát vật tư **(5.5.01-Hồ sơ xây dựng định mức vật tư nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK; 5.5.02-Quy trình cấp phát vật tư, văn phòng phẩm)**.

Để phục vụ hoạt động chung của trường và đặc biệt hoạt động học thực hành Nhà trường có 01 kho chính với diện tích 50m². Nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư được mua theo kế hoạch sau đó được nhập kho nhà trường. Nhà trường giao cho 01 cán bộ kế toán phụ trách kho, theo dõi xuất, nhập vật tư toàn trường. Việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị, vật tư được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch thể hiện qua hệ thống sổ sách theo dõi. Vật tư phục vụ đào tạo của nhà trường được lưu trữ, bảo quản trong các kho chung của Trường và các xưởng thực hành của Khoa chuyên môn. Các kho có hệ thống điện, thông gió, phòng chống cháy nổ, chống mối mọt, ẩm mốc. Vật tư

được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp theo từng loại riêng biệt trên các kệ, tủ bảo quản để thuận tiện cho việc bảo quản, cấp phát **(5.5.03- Hình ảnh thực tế về sắp xếp vật tư tại Kho nhà trường)**. Phòng Quản trị là đơn vị đầu mối mua sắm, quản lý, bảo quản và nhập xuất vật tư theo hóa đơn và phiếu xuất kho đã được duyệt. Để chủ động cũng như cung cấp vật tư đầy đủ, kịp thời phục vụ đào tạo, hàng năm vào đầu mỗi học kỳ, các Khoa công nghệ nhiệt lạnh căn cứ chương trình đào tạo, số lượng HSSV của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và căn cứ định mức vật tư để xây dựng kế hoạch dự trù vật tư, nguyên, vật liệu phục vụ đào tạo cho kỳ học, Phòng Quản trị tổng hợp kế hoạch đã được phê duyệt và có kế hoạch mua sắm cung cấp cho các Khoa để thực hiện chương trình đào tạo. Vật tư, nguyên, vật liệu được cấp theo định mức cho từng môn học, mô đun theo kế hoạch đào tạo. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, giáo viên các Khoa lập giấy xin cấp vật tư phục vụ đào tạo. Giấy xin cấp được duyệt qua Khoa quản lý và phòng Quản lý đào tạo, sau đó trình Ban giám hiệu duyệt. Sau khi được duyệt, nhân viên kế toán viết phiếu xuất kho chuyển về thủ kho để thủ kho xuất vật tư cho giáo viên các Khoa. Vật tư học tập sau khi nhận về được do giáo viên giảng dạy quản lý. Khi lên lớp, giáo viên cấp vật tư cho HSSV thực hành theo nội dung bài học **(5.5.04- Phiếu xuất kho, nhập kho từ năm 2021, 2022, 2023, 2024; 5.5.05- Kế hoạch dự trù vật tư, nguyên, vật liệu của Khoa năm 2021, 2022, 2023, 2024; 5.3.01 - Hồ sơ mua sắm vật tư, thiết bị dạy nghề năm 2021, 2022, 2023, 2024; 5.5.06 - Phiếu giao nhận nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ)**.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Thư viện Nhà trường được đặt tại tầng 3 tòa nhà B có diện tích 350 mét vuông với đầy đủ giáo trình cho tất cả các môn học, trong đó nhiều môn học có cả tài liệu in và tài liệu điện tử. Đặc biệt, thư viện đáp ứng tốt công tác đào tạo cho sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí nói riêng và sinh viên của trường. Sách giáo trình, sách, tài liệu tham khảo của thư viện có

1.626 đầu sách với tổng số 15.007 cuốn **(5.6.01- Hình ảnh thư viện; 5.6.02 - Danh mục chương trình, giáo trình, sách và tài liệu học tập tại thư viện).**

Hiện nay tại thư viện có đủ chương trình, giáo trình sách báo, tài liệu chuyên môn phục vụ cho các ngành nghề đang được đào tạo. Đối với tài liệu của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có đủ các bộ chương trình. Tương ứng với các bộ chương trình đào tạo, thư viện lưu trữ đầy đủ các bộ giáo trình chuyên môn của các môn học mô-đun chuyên môn nghề. Mỗi giáo trình được in 05 cuốn để phục vụ việc đọc, tra cứu thông tin của học sinh, sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí **(1.1.05 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo; 4.1.09-Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành; 4.9.01-Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo; 4.9.02- Danh mục giáo trình của nghề KTML&ĐHKK; 4.9.03-Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề KTML&ĐHKK).**

Nhà trường đã đầu tư xây dựng thư viện điện tử, Thư viện điện tử được đặt tại tầng 3 tòa nhà B, có diện tích 60 m², bố trí 05 máy tính có kết nối Internet tốc độ cao giúp cho cán bộ, nhà giáo, HSSV tra cứu tài liệu thuận lợi và hiệu quả nhất được tích hợp trên trang Website của Nhà trường theo địa chỉ: Trang chủ - Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (dtdl.edu.vn). Hiện tại Trường đã số hóa tất cả chương trình đào tạo, 987 giáo trình của tất cả các MH/MĐ của tất cả các nghề trường đào tạo nói chung và nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí nói riêng; 243 tài liệu tham khảo có liên quan đến các nghề Trường đăng ký đào tạo đã được số hóa đưa vào Thư viện điện tử của Trường tại địa chỉ www.dtdl.edu.vn (google.com) **(5.6.03 - Danh mục chương trình, giáo trình của trường được số hóa; 5.6.04 - Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa).**

Thư viện của Nhà trường được trang bị nhiều đầu sách chuyên ngành và giáo trình mới tiên tiến, sinh viên có thể sử dụng giáo trình in hoặc giáo trình điện tử. Để đánh giá về giáo trình, sách, tài liệu tham khảo có đủ đáp ứng được nhu cầu học tập của HSSV, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của cán bộ giáo viên và HSSV khoa Công nghệ nhiệt lạnh với nội dung “Chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo”.

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo	2021-	Số phiếu:	0	0	4	13	20

	viên, CBQL	2022	37					
			Tỷ lệ: 100 %			10,81%	35,14%	54,05%
		2022- 2023	Số phiếu: 36	0	0	1	14	21
			Tỷ lệ: 100 %			2,78%	38,89%	58,33%
		2023- 2024	Số phiếu: 36	0	0	3	15	18
			Tỷ lệ: 100 %			8,33%	41,67%	50,00%
2	HSSV	2021- 2022	Số phiếu: 196	0	0	7	85	59
			Tỷ lệ: 100 %			4,64%	56,29%	39,07%
		2022- 2023	Số phiếu: 151	0	0	3	175	52
			Tỷ lệ: 100 %			1,30%	76,09%	22,61%
		2023- 2024	Số phiếu: 230	0	0	1	103	146
			Tỷ lệ: 100 %			0,40%	41,20%	58,40%

(2.2.09- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hiện nay thư viện Nhà trường được đặt tại tầng 3 tòa nhà B, thư viện thuộc Phòng Quản lý đào tạo phụ trách quản lý. Thư viện trường có các phòng như: Phòng đọc, phòng tra cứu lưu trữ, phòng thư viện điện tử. Thư viện có diện tích 350 mét vuông bao gồm: 3 phòng đọc, tổng 250 m², phòng thư viện điện tử và kho sách 40 m². Thư viện điện tử có diện tích 60 m² được bố trí 05 máy tính có kết nối Internet tốc độ cao giúp cho cán bộ, nhà giáo, HSSV tra cứu tài liệu thuận lợi và hiệu quả nhất được tích hợp trên trang Website của Nhà trường theo địa chỉ: Trang chủ - Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (dtdl.edu.vn). Hiện nay 100% chương trình, giáo trình của tất cả các MH/MĐ của tất cả các nghề trường đào tạo đều được số hóa, ngoài ra cả các tài liệu tham khảo cũng được số hóa đưa vào thư viện điện tử của trường ***(5.6.01- Hình ảnh thư viện; 5.6.02 - Danh mục chương trình, giáo trình, sách và tài liệu***

học tập tại thư viện; **5.6.03** - Danh mục chương trình, giáo trình của trường được số hóa; **5.6.04** - Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa).

Trường đã ban hành nội quy, quy chế hoạt động của Thư viện và phổ biến đến người đọc. Thời gian mở cửa của thư viện được bố trí liên tục từ thứ hai đến thứ sáu hằng tuần, sáng từ 8 giờ 00 phút - 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 phút - 16 giờ 30, đáp ứng được nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học (**5.7.01** - Nội quy thư viện kèm QĐ ban hành Nội quy thư viện, Quyết định ban hành Quy định về mượn, trả sách, tài liệu tại thư viện).

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát CBGV, HSSV, kết quả cho thấy đa số các ý kiến hài lòng và Hoàn toàn hài lòng với nội dung Thư viện được tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học (**2.2.09- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo viên, CBQL	2021-	Số phiếu: 37	0	0	8	15	14
		2022	Tỷ lệ: 100 %			21,62%	40,54%	37,84%
		2022-	Số phiếu: 36	0	0	2	15	19
		2023	Tỷ lệ: 100 %			5,56%	41,67%	52,78%
		2023-	Số phiếu: 36	0	0	7	13	16
		2024	Tỷ lệ: 100 %			19,44%	36,11%	44,44%
2	HSSV	2021-	Số phiếu: 196	0	0	4	87	60
		2022	Tỷ lệ: 100 %			2,65%	57,62%	39,74%
		2022-	Số phiếu: 151	0	0	4	176	50
		2023	Tỷ lệ: 100 %			1,74%	76,52%	21,74%
		2023-	Số phiếu: 230	0	0	3	101	146
		2024	Tỷ lệ: 100 %			1,20%	40,40%	58,40%

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 02 điểm

5.8. Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thường xuyên quan tâm, khuyến khích nhà giáo trong việc đổi mới phương pháp dạy học, điều này được khẳng định qua các kế hoạch, văn bản, định hướng của lãnh đạo nhà trường hàng năm. Để thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy và học nhà trường tiếp tục mua sắm thêm máy tính, máy chiếu, đầu tư xây dựng mô hình học tập, lắp đặt phòng học theo mô đun nghề để áp dụng được nhiều hơn các phương pháp dạy học mới, đối với các mô đun chuyên môn nghề ưu tiên soạn giáo án tích hợp.

Đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, các nhà giáo giảng dạy đều ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy như sử dụng phần mềm mô phỏng, sử dụng các Video clip thực hành mô phỏng hóa các kỹ năng hoặc sử dụng Powerpoint có các slide hướng dẫn/mô phỏng trong soạn giáo án giảng dạy như: phần mềm AutoCAD Electrical, CAdE-SIMU, Macrodia, PSIM, Phần mềm DaikinVRV Express, Phần mềm Pipe Flow 3D,... **(5.8.01 - Danh sách mh/mđ ứng dụng các phần mềm mô phỏng, thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo).**

Hiện tại Khoa Công nghệ nhiệt lạnh có trên 85% các mô - đun/môn nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được sử dụng phần mềm mô phỏng được ứng dụng trong các mô - đun, môn học tại khoa **(5.8.02 - Bài giảng điện tử theo từng Môn học/Mô đun).**

Nhà trường và Khoa Công nghệ nhiệt lạnh luôn khuyến khích nhà giáo sử dụng phần mềm mô phỏng trong giảng dạy nhiều hơn, đặc biệt là các mô đun chuyên ngành.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

TIÊU CHÍ 6: DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, Nhà trường luôn quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của học sinh, sinh viên. Thực hiện quy chế học sinh, sinh viên, ngay khi nhập học đầu khóa, Nhà trường đã tuyên truyền, phổ biến đầy đủ thông tin về ngành nghề đào tạo, khoá đào tạo, các nội quy, quy chế, quy định về những vấn đề liên quan đến học tập và sinh hoạt của học sinh, sinh viên tại trường. Hướng dẫn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với học sinh,

sinh viên, đặc biệt quan tâm tới các học sinh có hoàn cảnh khó khăn để các em yên tâm học tập.

Nhà trường đã liên kết với các đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội... Từ đó đã giải quyết được vấn đề thực hành thực tập và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường. Góp phần từng bước thực hiện tốt mục tiêu gắn đào tạo nghề với nhu cầu thị trường lao động.

Học sinh, sinh viên nhà trường nói chung và Khoa Công nghệ nhiệt lạnh nói riêng thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ và thể dục thể thao theo các chương trình phối hợp giữa Quản lý đào tạo và Đoàn thanh niên, Công đoàn trường.

** Những điểm mạnh:*

HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, qua trang web của trường, quảng cáo trên báo, truyền thông đại chúng – trung ương và địa phương, tờ rơi, sổ tay sinh viên – học sinh..., qua đó Nhà trường giới thiệu đến người học những ngành nghề đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo đồng thời cử các cán bộ có năng lực tư vấn trực tiếp cho người học nghề.

Nhà trường có nhà ăn, căng tin phục vụ ăn uống cho giáo viên và HSSV đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khu nội trú được trang bị đầy đủ đèn điện, nước sạch sinh hoạt, nhà vệ sinh, đảm bảo an ninh trật tự và các phương tiện sinh hoạt khác có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu sinh viên muốn ở nội trú và thường xuyên được tu bổ, sửa chữa nâng cấp các thiết bị sử dụng, có lắp thêm điều hòa, nóng lạnh cho một số phòng chất lượng cao. Sinh viên được đảm bảo an ninh và an toàn trường học, có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, Nhà trường đã bố trí các hàng ghế đá, trồng nhiều cây xanh, có khu vui chơi thể dục, thể thao, hoạt động văn hóa, văn nghệ... trong khuôn viên trường học.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học được quan tâm đặc biệt, bên cạnh chức năng của bộ phận y tế trong trường, Trường thường xuyên phối hợp với các bệnh viện: Bệnh viện E, Bệnh viện Medlatec, ... để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người học trong thời gian học tập và khi có trường hợp cấp cứu xảy ra.

Trường chú trọng đến các hoạt động phong trào thể dục thể thao, văn hóa, thể mỹ cũng như các hoạt động xã hội khác, tạo điều kiện cho người học được phát huy tinh thần tập thể, nghỉ ngơi, rèn luyện sức khỏe và tăng kỹ năng mềm

nhằm giúp cho người học có cơ hội tốt hơn khi tham gia nghề nghiệp sau ra trường.

Nhà trường tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm, thực hiện khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp ra trường, các doanh nghiệp để nắm bắt được nhu cầu của thị trường lao động, từ đó có chính sách giáo dục đào tạo tốt hơn, sát với thực tế nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, thị trường lao động trong và ngoài nước.

** Những tồn tại:*

Dự án đầu tư mở rộng cơ sở vật chất của Nhà trường (trong đó có dự án xây dựng nhà đa năng và xưởng thực hành) còn triển khai chậm.

Các buổi tư vấn việc làm cho sinh viên được tổ chức nhưng chưa thường xuyên, việc khảo sát sinh viên ra trường tìm được việc làm còn gặp nhiều khó khăn vì không đủ nhân lực.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục duy trì đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định, các dịch vụ hỗ trợ cho người học và đa dạng hóa các hình thức hoạt động vui chơi giải trí, hoạt động ngoại khóa...

Xây dựng hoàn thiện và đưa vào khai thác các công trình phục vụ cho sinh viên đề án và chiến lược phát triển trường chất lượng cao đến năm 2030.

Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp để đưa sinh viên đi học tập thực tế tại doanh nghiệp và liên tục tổ chức giới thiệu việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp.

Trường sẽ phát huy hơn nữa nhiều hình thức trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp và mở rộng công thông tin thị trường lao động để cung cấp cho người học.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8/8
Tiêu chuẩn 6.1	2
Tiêu chuẩn 6.2	2
Tiêu chuẩn 6.3	2
Tiêu chuẩn 6.4	2

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là một cơ sở GDNN có chức năng đào tạo đa ngành, đa cấp, đa hệ, đa lĩnh vực cho nên việc cung cấp thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo là cần thiết hằng năm. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng trang bị cho người học những quy định chung về quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Ngay từ khi người học có nhu cầu tìm hiểu ngành nghề cần học, bộ phận tư vấn tuyển sinh của Nhà trường đã cung cấp chi tiết những thông tin cần thiết cho người học, cụ thể như: cung cấp thông tin về các ngành đào tạo, chỉ tiêu, yêu cầu đối với sinh viên; chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, điều kiện thực hành, học phí, thủ tục nhập học, vị trí công việc và giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp; thông tin này được đăng tải rộng rãi trên website của Trường. Sau khi thông báo cho những thí sinh đạt yêu cầu tuyển sinh, được trúng tuyển và nhập học Nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa học để phổ biến đầy đủ cho sinh viên các nội quy, quy chế, quy định và chương trình kế hoạch đào tạo của Nhà trường. Ngoài ra, nhà trường còn biên soạn sổ tay sinh viên, trong đó có đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. *(61.01 – Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân- HSSV” đầu khóa các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).*

Trong suốt quá trình học tập tại Trường, HSSV được phổ biến, cung cấp đầy đủ, chi tiết các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá học phần, thi, xét tốt nghiệp và các chế độ miễn giảm học phí, các quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên *(6.1.02 – Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).*

Ngoài ra HSSV được Đoàn Thanh niên phổ biến kế hoạch hoạt động, kế hoạch công tác Đoàn Hội và phong trào thanh niên theo học kỳ và năm học; Nhà trường còn cung cấp cho người học “Cẩm nang HSSV-HCEET”, trong đó có đầy đủ các nội dung về chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học và những thông tin

chung của Nhà trường (6.1.03 – *Cẩm nang HSSV –HCEET*; 6.1.04 - *Hình ảnh HSSV sinh hoạt đầu khóa năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024*).

Giáo viên chủ nhiệm của từng lớp thuộc Khoa Công nghệ nhiệt lạnh lập nhóm Zalo của lớp để thông tin đến người học về thời khóa biểu và giải đáp các thắc mắc khi HSSV cần, việc cập nhật điểm cho HSSV cũng được Giáo viên chủ nhiệm thực hiện thường xuyên (6.1.05– *Hình ảnh Zalo các nhóm lớp thuộc Khoa Công nghệ nhiệt lạnh*).

Thông tin đưa lên mạng được cập nhật đầy đủ các văn bản mới nhất: thông báo, lịch học, lịch thi, thời khóa biểu, kết quả học tập của học kỳ hiện tại và tất cả các học kỳ trước đó tại webside của nhà trường, từ giáo viên chủ nhiệm thông báo trực tiếp hoặc các quy định, quy chế sinh viên, các thông tin về chế độ chính sách, học bổng học sinh, sinh viên cũng được giải đáp về mọi chi tiết liên quan đến học tập, thi cử hoặc các thắc mắc liên quan đến việc học qua số điện thoại Phòng Quản lý đào tạo (6.1.06 – *Hình ảnh thông tin trên trang Web của trường*).

Hằng năm cán bộ, nhà giáo và HSSV đều được lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng về việc cung cấp đầy đủ các thông tin khi nhập học và trong quá trình học tập, kết quả được người học đánh giá tốt. Tổng hợp kết quả khảo sát lấy ý kiến như sau:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng).

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Giáo viên, CBQL	2021-	Số phiếu: 37	0	0	1	17	19
		2022	Tỷ lệ: 100 %			2,70%	45,95%	51,35%
		2022-	Số phiếu: 36	0	0	1	11	24
		2023	Tỷ lệ: 100 %			2,78%	30,56%	66,67%
		2023-	Số phiếu: 36	0	0	4	11	21
		2024	Tỷ lệ: 100 %			11,11%	30,56%	58,33%
2	HSSV	2021-	Số phiếu: 196	0	0	1	90	60
		2022	Tỷ lệ: 100 %			0,66%	59,60%	39,74%
		2022-	Số phiếu: 151	0	0	3	179	48
		2023	Tỷ lệ: 100 %			1,30%	77,83%	20,87%
		2023-	Số phiếu: 145	0	0	2	103	145
		2024	Tỷ lệ: 100 %			1,38%	75,17%	23,45%

		2024	230				
			Tỷ lệ: 100 %			0,80%	41,20% 58,00%

(2.2.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với sinh viên theo đúng quy định của Nhà nước như miễn giảm học phí, chính sách nội trú, hỗ trợ chi phí học tập, xác nhận cho sinh viên vay vốn ưu đãi và các chế độ ưu đãi khác theo quy định. Ngay từ đầu năm học, Phòng Quản lý đào tạo, các khoa chuyên môn, Giáo viên chủ nhiệm đã phổ biến các chế độ, chính sách đến toàn thể HSSV của Nhà trường. Các chế độ chính sách được Nhà trường tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, công khai đến sinh viên các quyền lợi, chế độ đãi ngộ của Đảng và Nhà nước cũng như của Nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định đối với người học bao gồm một số chính sách, chế độ sau: thực hiện chính sách miễn, giảm học phí được quy định tại Điều 7, Chương III, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, năm học 2021 – 2022, trường áp dụng nghị định 81/2021/NĐ-CP có hiệu lực tháng 10/2021. Nhà trường đã thực hiện chính sách giảm học phí đối với học sinh sinh viên là người dân tộc; miễn học phí đối với HS-SV con thương binh, bệnh binh; thực hiện chế độ, chính sách về học bổng đối với HSSV theo quy định. Nhà trường đã ra thông báo về việc nộp hồ sơ thực hiện chế độ chính sách miễn giảm học phí năm học tới các lớp HSSV ***(6.2.01 - Hướng dẫn về các chế độ chính sách, ưu tiên và các hỗ trợ đối với sinh viên các năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024)***, Phòng Quản lý đào tạo rà soát, lập danh sách các đối tượng đủ điều kiện được hưởng, trình Hội đồng xét, Hiệu trưởng ký

quyết định ban hành và thực hiện **(6.2.02 - Các Quyết định thành lập Hội đồng xét miễn giảm học phí và chế độ chính sách cho HSSV năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024)**. Cụ thể:

Năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024, Nhà trường đã xét duyệt hồ sơ của HSSV thuộc các đối tượng, con gia đình chính sách; người dân tộc thiểu số thuộc diện nghèo, cận nghèo. Danh sách HSSV thuộc các đối tượng trên được Phòng Quản lý đào tạo lập theo từng học kỳ của từng năm học và được quản lý, chặt chẽ, khoa học và được lưu trữ trên máy tính và bằng văn bản.

Năm học 2021 - 2022: Khoa Công nghệ nhiệt lạnh có 03 học sinh cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí khóa 46, 47 và khóa 48 được miễn phí 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước

Năm 2022 - 2023 Khoa Công nghệ nhiệt lạnh có 02 học sinh cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí khóa 47, 48 và khóa 49 được miễn phí 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước

Năm 2023 - 2024 Khoa Công nghệ nhiệt lạnh có 01 học sinh cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí khóa 48, 49 và khóa 50 được miễn phí 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước

HSSV thuộc các đối tượng, con gia đình chính sách; người dân tộc thiểu số thuộc diện nghèo, cận nghèo, qua đó đã miễn học phí cho lượt HSSV với tổng số tiền: 233,2 triệu đồng

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022 (ĐVT: tr đồng)	Năm 2023 (ĐVT: tr đồng)	Năm 2024 (ĐVT: tr đồng)
1	Tổng số chi chế độ chính sách cho HSSV nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng		83,9	25,9	43,4

- Kinh phí chi cho học bổng, trợ cấp xã hội, chính sách nội trú: 147.9tr đồng
- Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
-------	----------	----------	----------	----------	----------

1	Tổng số chi học bổng, trợ cấp xã hội, chính sách nội trú cho HSSV nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng		12,10	22,7	40,1
---	--	--	-------	------	------

(6.2.03- Các Quyết định kèm danh sách HSSV được miễn, giảm học phí trong các năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024).

Ngoài các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người học, Nhà trường cũng có những chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với HSSV đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện là một trong những yếu tố góp phần tạo nên động lực để HSSV nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và tham gia các hoạt động một cách có hiệu quả. Nhà trường đã ban hành Quy định đối với HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội, Quy định về công tác khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV Nhà trường và phổ biến kịp thời đến sinh viên ngay trong tuần đầu tiên của năm học. Việc thực hiện khen thưởng, cấp học bổng khuyến khích sinh viên học tập luôn đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đúng quy định. Việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường được công khai tới người học trong chương trình học nội quy đầu khóa hoặc thông qua các văn bản triển khai tới các lớp thông qua giáo viên chủ nhiệm trong các buổi sinh hoạt lớp, cụ thể:

Học bổng được chia làm 3 mức: Xuất sắc, Giỏi, Khá và được chia theo trình độ đào tạo Cao đẳng, trung cấp. Đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng thì số lượng HSSV được hưởng học bổng khuyến khích học tập trong các năm học như sau:

Năm học	Mức hưởng	Số lượt HSSV nghề ML&ĐHKK được hưởng	Số Quyết định
2021 - 2022	Xuất sắc	3	Số 156 ngày 30/05/2022; Số 157 ngày 30/05/2022 và Số 255 ngày 18/08/20202
	Giỏi	13	
	Khá	3	
2022 -	Xuất sắc	1	Số 142 ngày 12/06/2023 và Số

Năm học	Mức hưởng	Số lượt HSSV ngành ML&ĐHKK được hưởng	Số Quyết định
2023	Giỏi	15	328 ngày 25/12/2023
	Khá	7	
2023 - 2024	Xuất sắc	8	Số 240 ngày 22/08/2024
	Giỏi	15	
	Khá	0	

(6.2.04-Các Quyết định kèm theo danh sách HSSV được thụ hưởng học bổng, khen thưởng các năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 – 2024)

Ngoài ra Nhà trường khen thưởng cho HSSV tốt nghiệp loại Giỏi, Xuất sắc, HSSV Giỏi toàn diện, HSSV là cán bộ lớp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, HSSV vượt khó vươn lên trong học tập, HSSV tham gia các hoạt động phong trào, khen thưởng động viên cho HSSV tham gia thi tay nghề, thi học sinh giỏi như:

- HSSV đoạt giải trong kỳ thi HS giỏi cấp trường: Giải nhất 200.000 đ/HSSV; Giải nhì 150.000 đ/HSSV; Giải ba: 100.000 đ/HSSV; Giải khuyến khích: 50.000 đồng.

- HSSV đoạt giải trong kỳ thi HS giỏi cấp thành phố: Giải nhất 400.000 đ/HSSV; Giải nhì 300.000 đ/HSSV; Giải ba: 200.000 đ/HSSV; Giải khuyến khích: 100.000 đồng.

- HSSV đoạt giải trong kỳ thi HS giỏi cấp Quốc gia: Giải nhất 1.000.000 đ/HSSV; Giải nhì 800.000 đ/HSSV; Giải ba: 600.000 đ/HSSV; Giải khuyến khích: 400.000 đồng.

- Thưởng HSSV đạt thành tích tốt nghiệp loại Giỏi, Xuất sắc; HSSV giỏi toàn diện: 100.000 - 200.000/HSSV;

- Thưởng đột xuất khi có thành tích xuất sắc: 100.000 - 300.000/HSSV; 200.000 - 500.000/ tập thể....

(1.3.02- Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2021, 2022, 2023; 6.2.05- Quy định về công tác khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội)

Căn cứ vào các quy định hiện hành, trường thực hiện đầy đủ về chính sách nội trú với học sinh, sinh viên học ngành KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng, cụ thể:

Năm học	Mức hưởng	Số lượt HSSV ngành ML&ĐHKK được hưởng	Số Quyết định
2021 2022	Xuất sắc	3	Số 156 ngày 30/05/2022; Số 157 ngày 30/05/2022 và Số 255 ngày 18/08/20202
	Giỏi	13	
	Khá	3	
2022 2023	Xuất sắc	1	Số 142 ngày 12/06/2023 và Số 328 ngày 25/12/2023
	Giỏi	15	
	Khá	7	
2023 2024	Xuất sắc	8	Số 240 ngày 22/08/2024
	Giỏi	15	
	Khá	0	

(6.2.06 - Quyết định và danh sách HSSV được hưởng chính nội trú của Nhà trường năm học 2021 - 2022, 2022 – 2023, 2023-2024).

HSSV được quan tâm, bảo đảm đầy đủ các quyền lợi, chế độ như xác nhận để vay vốn tín dụng, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, cấp học bổng khuyến khích học tập. Năm 2021 đã quan tâm thăm hỏi, động viên và trao 20 xuất quà cho HSSV khó khăn do dịch Covid-19 và 5 xuất hỗ trợ cho HSSV khó khăn trong điều kiện học trực tuyến của Chương trình “Sóng và máy tính cho em” với tổng kinh phí là 10 triệu đồng. Năm 2024 đã ủng hộ đồng bào lũ lụt sau cơn bão số 3- Yagi với 6 xuất quà cho 6 HSSV với tổng giá trị 12 triệu đồng.

Người học được luôn luôn được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập thông qua đội ngũ Giáo viên chủ nhiệm, cán bộ lớp và Phòng công tác HSSV – nay thuộc Phòng Quản lý đào tạo, Đoàn TNCSHCM. Đối với các trường hợp sinh viên vì điều kiện khách quan không thể tiếp tục theo học tại trường trong thời gian quy định, Nhà trường hướng dẫn sinh viên làm hồ sơ bảo lưu kết quả theo quy định bảo lưu kết quả học tập do Nhà trường xây dựng theo quy chế. Đối với những trường hợp người học đã học theo chương trình đào tạo khác Nhà trường đã ban hành quy định về xét công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV. Hoặc những trường hợp người

học không theo học kịp thời kịp Nhà trường có những chính sách bảo lưu kết quả học tập cho HSSV (**6.2.07-Quy định về công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV; 6.2.08-Quyết định bảo lưu của HSSV các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 6.2.09-Quyết định phân công GVCN năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024;**

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện tổng kết năm học qua đó phát huy những mặt đã làm được và hạn chế những mặt chưa làm được (**1.2.02-Báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024; 1.2.03-Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024)**

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Bên cạnh việc đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; việc cung cấp thông tin về thị trường lao động, tư vấn việc làm cho HSSV là một trong những hoạt động quan trọng của Nhà trường. Nó tác động đến tâm lý người học, ảnh hưởng đến động cơ, thái độ học tập của học sinh, sinh viên. Đây là một trong những nhiệm vụ của Phòng Công tác HSSV- hiện nay được sáp nhập thành Phòng Quản lý đào tạo.

Hàng năm, Nhà trường đều triển khai kế hoạch tham gia Ngày hội gắn kết giáo dục nghề nghiệp Thủ đô với thị trường lao động cũng như tổ chức các buổi gặp gỡ trực tiếp giữa HSSV Nhà trường với các doanh nghiệp vào các buổi lễ khai giảng, lễ bế giảng năm học để thực hiện việc tư vấn việc làm cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp và sau tốt nghiệp. Ngoài ra với HSSV khóa mới cũng đã được tiếp xúc với doanh nghiệp ngay trong đợt học tập “Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa” để thực hiện việc tư vấn, hướng nghiệp việc làm cho sinh viên trong quá trình học tập tại trường. Trước khi HSSV tốt nghiệp khoảng 1 tháng, Phòng Quản lý đào tạo đã thực hiện thu thập thông tin cá nhân (số điện thoại, địa chỉ liên hệ,...) để liên hệ và giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Để HSSV yên tâm trong việc học tập và tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp Nhà trường thường xuyên cung cấp các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho HSSV thông

qua các buổi tư vấn hướng nghiệp, tuyển dụng của doanh nghiệp, việc cung cấp các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp xin tuyển dụng, đưa các thông tin nhu cầu lao động của doanh nghiệp về các khoa chuyên ngành để các khoa cùng thông tin đến HSSV qua các kênh như

- Đăng thông tin tuyển dụng lên Website của Trường, các trang Facebook, zalo lớp.

- Dán thông tin tuyển dụng lao động tại các bảng thông báo của Trường về ngành nghề, số lượng tuyển dụng và chế độ tiền lương, hỗ trợ khác.

- Cuối khóa học có mời doanh nghiệp vào tư vấn giới thiệu việc làm trực tiếp cho HSSV chuẩn bị tốt nghiệp và tại buổi lễ trao bằng tốt nghiệp.

- Tổ chức ngày hội giới thiệu việc làm và tư vấn hướng nghiệp cho HSSV tại trường.

- Tổ chức cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp tham gia Ngày hội gắn kết GDNN thủ đô với thị trường lao động, do Sở Lao động - Thương binh và Xã Hội hà Nội tổ chức.

Hàng năm, Trường đều lập kế hoạch mời doanh nghiệp đến tư vấn giới thiệu việc làm cho HS chuẩn bị ra trường. Trường đã ký kết các biên bản ghi nhớ về cung ứng lao động cho các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng lao động phù hợp với chuyên ngành đào tạo của Trường (**6.3.01 - Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; 6.3.02 - Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; 6.3.03 - Kế hoạch tổ chức cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp tham gia Ngày hội gắn kết GDNN thủ đô với thị trường lao động năm 2022, 2023, 2024; 6.3.04 - Danh sách HSSV tham dự ngày hội giới thiệu việc làm vấn hướng nghiệp và Ngày hội gắn kết GDNN thủ đô với thị trường lao động năm 2021, 2022, 2023, 2024; 6.3.05 - Hình ảnh thông báo tuyển dụng, được đăng tải lên website; 6.3.06 - Thư mời các doanh nghiệp tham dự lễ bế giảng và tư vấn tuyển dụng; 6.3.07 - Danh sách Doanh nghiệp tham dự Bế giảng, ngày hội giới thiệu việc làm vấn hướng nghiệp và Ngày hội gắn kết GDNN thủ đô với thị trường lao động năm 2021, 2022, 2023, 2024; 6.3.08 - Kế hoạch bế giảng trao bằng tốt nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 6.3.09 - Kế hoạch, chương trình tham quan, tuyển dụng tại doanh nghiệp và hình ảnh kèm theo; 6.3.10- Biên bản thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp tuyển dụng lao động; 6.3.11- Hình ảnh lễ bế giảng, ngày hội giới thiệu việc làm vấn hướng nghiệp và Ngày hội gắn kết GDNN thủ đô với thị trường lao động năm 2021, 2022, 2023, 2024).**

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động văn nghệ, thể thao và các hoạt động phong trào được Nhà trường nói chung và Khoa Công nghệ nhiệt lạnh xác định là sân chơi chính, bổ ích và lành mạnh nhằm giúp HSSV rèn luyện năng khiếu và kỹ năng. Đây cũng là công cụ hiệu quả để tuyên truyền chính sách pháp luật và giáo dục chính trị tư tưởng cho HSSV. Hoạt động VHVN, TDTT và phong trào là hoạt động thể mạnh của nhà trường và được sự quan tâm rất lớn từ phía lãnh đạo. Thông qua các hoạt động VHVN, TDTT HSSV có điều kiện rèn luyện sức khỏe cả về thể chất lẫn tinh thần; qua đó, giúp cho HSSV học tập tốt, rèn luyện tốt.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường thường xuyên tổ chức các phong trào thể thao, văn hóa, văn nghệ, tạo sân chơi cho học sinh sinh viên đăng ký tham dự. Các hoạt động VHVN, TDTT được duy trì tổ chức thường xuyên, đa dạng cả về hình thức và nội dung như: giải bóng đá nam, giải kéo co, giải cầu lông, văn nghệ, rugn chu....chào mừng ngày truyền thống HSSV 09/01, ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 03/02, ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, Ngày chiến thắng Điện biên phủ - 7/5 và ngày sinh nhật Bác Hồ - 19/5, ngày giải phóng miền Nam 30/4, ngày Quốc tế lao động 01/5, ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày Quốc khánh nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 02/9, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và các ngày lễ, ngày hội dân tộc,... Qua các hoạt động này, nhà trường cũng tập hợp được nhiều HSSV có năng khiếu góp phần phát huy hiệu quả năng lực của đội văn nghệ trường, từ đó phục vụ và hỗ trợ tốt các chương trình chào mừng, kỷ niệm những ngày lễ lớn trong và ngoài trường (**6.4.01 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện năm 2021, 2022, 2023, 2024; 6.4.02 - Hình ảnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện năm 2021, 2022, 2023, 2024; 6.4.03 - Hình ảnh các khu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ hoạt động của trường; 6.4.04 - Báo cáo tổng kết của các tổ chức đoàn thể năm 2021, 2022, 2023**).

Trong đó, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh luôn chứng tỏ là một trong các khoa tích cực tham gia vào các hoạt động VHVN, TDTT trong nhà trường. Với sự nhiệt tình hưởng ứng, các học sinh, sinh viên của khoa luôn tích cực tham gia các hoạt động phong trào do Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức. Với tinh thần đó, Học sinh, sinh viên Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đã giành được nhiều giải

thường trong các hoạt động VHVN, TDTT của trường như: giải bóng đá, giải cầu lông, giải kéo co,... Ngoài ra hằng năm HSSV khoa Công nghệ nhiệt lạnh cũng tích cực tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, luyện tập thể dục thể thao và tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động của: Thành đoàn, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy và của Thành phố tổ chức. Nhiều em đã đạt giải và được tặng giấy khen (6.4.05 - Hình ảnh khen thưởng các giải VHVN, TDTT cho HSSV hằng năm).

Tất cả các hoạt động do Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức đã thu hút được đông đảo HSSV của Trường tham gia tạo môi trường tốt để người học có điều kiện phấn đấu, khẳng định mình; tạo điều kiện để những đoàn viên, thanh niên ưu tú phấn đấu đứng vào hàng ngũ của Đoàn, của Đảng; thu hút người học vào các hoạt động văn hóa tinh thần bổ ích, tránh xa các tệ nạn xã hội, tiêu cực.

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tình hình an ninh trật tự trong khuôn viên Trường. Kết quả đa số đều hài lòng và Hoàn toàn hài lòng, kết quả như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	HSSV	2021-	Số phiếu: 196	0	0	4	90	57
		2022	Tỷ lệ: 100 %			2,65%	59,60%	37,75%
		2022-	Số phiếu: 151	0	0	5	179	46
		2023	Tỷ lệ: 100 %			2,17%	77,83%	20,00%
		2023-	Số phiếu: 230	0	0	4	101	145
		2024	Tỷ lệ: 100 %			1,60%	40,40%	58,00%

(2.2.09 - Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 02 điểm

TIÊU CHÍ 7: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Với mục đích thu nhận thông tin khách quan về sản phẩm đào tạo của nhà trường, từ đó căn cứ điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù

hợp với yêu cầu xã hội. Hằng năm, nhà trường có khảo sát đánh giá sự hài lòng của các doanh nghiệp đối với các nghề nhà trường đang đào tạo trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; thực hiện chương trình khảo sát lần vết, khảo sát các doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị và khảo sát sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ. Thông qua kết quả khảo sát nhà trường nắm bắt được mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp, với kết quả trên nhà trường có kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình về kiến thức, kỹ năng cho người học để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Thực hiện thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, hàng năm trường xây dựng kế hoạch và tổ chức tự đánh giá các nghề trọng điểm, trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, khoa đã xây dựng kế hoạch khắc phục các điểm còn tồn tại để cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo.

** Những điểm mạnh*

Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, có trên 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

100% các đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Trong các năm từ 2021 đến nay, Khoa Công nghệ nhiệt lạnh đều thực hiện hoạt động tự đánh giá nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại trên cơ sở kết quả tự đánh giá hàng năm.

** Những tồn tại: Không có*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Hàng năm, tiếp tục duy trì hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí để có kế hoạch chỉnh sửa, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới, công nghệ mới của ngành, nghề và xã hội.

Nhà trường và Khoa cải tiến công tác điều tra, lần vết để thu thập được các thông tin của HSSV sau khi tốt nghiệp, thu thập được ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động để có kế hoạch nâng cao chất lượng chương trình đào tạo theo từng năm.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 7.1	2
Tiêu chuẩn 7.2	2
Tiêu chuẩn 7.3	2
Tiêu chuẩn 7.4	2
Tiêu chuẩn 7.5	2
Tiêu chuẩn 7.6	2
Tiêu chuẩn 7.7	2
Tiêu chuẩn 7.8	2

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu của 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường rất quan tâm tới tình hình việc làm của HSSV và mức độ đáp ứng công việc của HSSV sau khi tốt nghiệp. Hàng năm Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn tiến hành khảo sát các cơ quan, doanh nghiệp đang sử dụng lao động là HSSV của trường sau khi tốt nghiệp thông qua gửi phiếu khảo sát đến các cơ quan, doanh nghiệp. Nội dung khảo sát liên quan đến các vấn đề trọng tâm sau là: Về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và thái độ, mức độ đáp ứng công việc,.. nhằm khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các cơ quan doanh nghiệp đối với HSSV được nhà trường đào tạo để làm cơ sở cho việc đánh giá, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Cụ thể:

Năm 2021: Trường tiến hành thu thập ý kiến của 12 doanh nghiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
1	Công ty TNHH Thương Mại và Kỹ thuật Điện lạnh Thiên Phúc	Số 25 đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	4
2	Công ty TNHH Điện lạnh Cường phát	Số 11 ngõ 202/21 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà nội.	6
3	Cty TNHH TM&DV KT Điện lạnh VN	Số 5 ngõ 33 đường Nghĩa Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà	10
4	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kĩ thuật Phan Anh	Số 120 - phố Thanh Đàm - phường Thanh Trì - quận Hoàng Mai - TP. Hà Nội.	7
5	Công ty CP Kỹ thuật công trình Thanh Phúc	Số 8 ngõ 80 phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6
6	Cty CP Kỹ thuật & CN Lotus	Số 1 Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân	8
7	Cty CP Thang máy & thiết bị J Tech	Số 27 LK10 khu đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, ...	8
8	Công ty TNHH Tân Hải Anh	Phố Cầu Cốc, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, HN	14
9	Công ty CP Vitduct	Ngõ 85, đường Lĩnh Nam, Mai động , Hoàng Mai, HN	15
10	Cty TNHH Điện lạnh Đại Phát Thành	Số 43, ngách 32, ngõ 293 đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, ..	8
11	Công ty CP Công nghiệp lạnh Nam Phú Thái	P. Kiến Hưng, Q Hà Đông, HN	7
12	Công ty CP Xây dựng & chăm sóc nhà CareHome	Đường Tố Hữu, P Trung Văn, Q Nam Từ Liêm, HN	6

Năm 2022: Trường tiến hành thu thập ý kiến của 13 doanh nghiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
1	Công ty TNHH Thương Mại và Kỹ thuật Điện lạnh Thiên Phúc	Số 25 đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	4
2	Công ty TNHH Điện lạnh Cường phát	Số 11 ngõ 202/21 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà nội.	6
3	Cty TNHH TM&DV KT Điện lạnh VN	Số 5 ngõ 33 đường Nghĩa Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà	10
4	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kĩ thuật Phan Anh	Số 120 - phố Thanh Đàm - phường Thanh Trì - quận Hoàng Mai - TP. Hà Nội.	7
5	Công ty CP Kỹ thuật công trình Thanh Phúc	Số 8 ngõ 80 phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6
6	Cty CP Kỹ thuật & CN Lotus	Số 1 Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân	8
7	Cty CP Thang máy & thiết bị J Tech	Số 27 LK10 khu đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, ...	8
8	Công ty TNHH Tân Hải Anh	Phố Cầu Cốc, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, HN	14
9	Công ty CP Vitduct	Ngõ 85, đường Lĩnh Nam, Mai động , Hoàng Mai, HN	15
10	Cty TNHH Điện lạnh Đại Phát Thành	Số 43, ngách 32, ngõ 293 đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, ..	8
11	Công ty CP Công nghiệp lạnh Nam Phú Thái	P. Kiến Hưng, Q Hà Đông, HN	7
12	Công ty CP Xây dựng & chăm sóc nhà CareHome	Đường Tố Hữu, P Trung Văn, Q Nam Từ Liêm, HN	6
13	Công ty TNHH Thương mại & dịch vụ Hữu Bình	Số 36/2. đại lộ Thăng Long,P Mễ trì, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội	11

Năm 2023: Trường tiến hành thu thập ý kiến của 14 doanh nghiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
1	Công ty TNHH Thương Mại và Kỹ thuật Điện lạnh Thiên Phúc	Số 25 đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	4
2	Công ty TNHH Điện lạnh Cường phát	Số 11 ngõ 202/21 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà nội.	6
3	Cty TNHH TM&DV KT Điện lạnh VN	Số 5 ngõ 33 đường Nghĩa Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà	10
4	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phan Anh	Số 120 - phố Thanh Đàm - phường Thanh Trì - quận Hoàng Mai - TP. Hà Nội.	7
5	Công ty CP Kỹ thuật công trình Thanh Phúc	Số 8 ngõ 80 phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6
6	Cty CP Kỹ thuật & CN Lotus	Số 1 Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân	8
7	Cty CP Thang máy & thiết bị J Tech	Số 27 LK10 khu đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, ...	8
8	Công ty TNHH Tân Hải Anh	Phố Cầu Cốc, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, HN	14
9	Công ty CP Vitduct	Ngõ 85, đường Lĩnh Nam, Mai động , Hoàng Mai, HN	15
10	Cty TNHH Điện lạnh Đại Phát Thành	Số 43, ngách 32, ngõ 293 đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, ..	8
11	Công ty CP Công nghiệp lạnh Nam Phú Thái	P. Kiến Hưng, Q Hà Đông, HN	7
12	Công ty CP Xây dựng & chăm sóc nhà CareHome	Đường Tố Hữu, P Trung Văn, Q Nam Từ Liêm, HN	6
13	Công ty TNHH Thương	Số 36/2. đại lộ Thăng Long,P	11

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
	mại & dịch vụ Hữu Bình	Mễ trì, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội	
14	Công ty CP Xây dựng & kỹ thuật HPCON	Số 8, ngách 9, ngõ 4,đội 1, thôn Cát Động,Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, HN	9

Năm 2024: Trường tiến hành thu thập ý kiến của 15 doanh nghiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
1	Công ty TNHH Thương Mại và Kỹ thuật Điện lạnh Thiên Phúc	Số 25 đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	4
2	Công ty TNHH Điện lạnh Cường phát	Số 11 ngõ 202/21 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà nội.	6
3	Cty TNHH TM&DV KT Điện lạnh VN	Số 5 ngõ 33 đường Nghĩa Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà	10
4	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kĩ thuật Phan Anh	Số 120 - phố Thanh Đàm - phường Thanh Trì - quận Hoàng Mai - TP. Hà Nội.	7
5	Công ty CP Kỹ thuật công trình Thanh Phúc	Số 8 ngõ 80 phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6
6	Cty CP Kỹ thuật & CN Lotus	Số 1 Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân	8
7	Cty CP Thang máy & thiết bị J Tech	Số 27 LK10 khu đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, ...	8
8	Công ty TNHH Tân Hải Anh	Phố Cầu Cốc, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, HN	14
9	Công ty CP Vitduct	Ngõ 85, đường Lĩnh Nam, Mai	15

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
		động , Hoàng Mai, HN	
10	Cty TNHH Điện lạnh Đại Phát Thành	Số 43, ngách 32, ngõ 293 đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, ..	8
11	Công ty CP Công nghiệp lạnh Nam Phú Thái	P. Kiến Hưng, Q Hà Đông, HN	7
12	Công ty CP Xây dựng & chăm sóc nhà CareHome	Đường Tố Hữu, P Trung Văn, Q Nam Từ Liêm, HN	6
13	Công ty TNHH Thương mại & dịch vụ Hữu Bình	Số 36/2. đại lộ Thăng Long,P Mễ trì, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội	11
14	Công ty CP Xây dựng & kỹ thuật HPCON	Số 8, ngách 9, ngõ 4,đội 1, thôn Cát Động,Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, HN	9
15	Công ty TNHH Điện Lạnh Việt Linh	Số 13, ngách 52, ngõ 119, đường Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10

Kết quả khảo sát cho thấy các cơ quan, doanh nghiệp đánh giá về kiến thức, kỹ năng làm việc, khả năng tự học, tự bồi dưỡng, ý thức kỷ luật của HSSV tốt nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội đều đạt từ mức hài lòng trở lên:

Năm 2021: 12 doanh nghiệp được khảo sát, Đáp ứng khá tốt đến Đáp ứng tốt đạt 12/12 (100%).

Năm 2022: 13 doanh nghiệp được khảo sát, Đáp ứng khá tốt đến Đáp ứng tốt đạt: 13/13 (100%).

Năm 2023: 14 doanh nghiệp được khảo sát, Đáp ứng khá tốt đến Đáp ứng tốt đạt: 14/14 (100%).

Năm 2024: 15 doanh nghiệp được khảo sát, Đáp ứng khá tốt đến Đáp ứng tốt đạt: 15/15 (100%).

(2.5.10 – Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024; 1.1.07-Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử

dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.1.08-Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 7.1.01-Báo cáo kết quả khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023).

Như vậy, qua khảo sát các doanh nghiệp đánh giá người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị đáp ứng được yêu cầu và chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn tiến hành khảo sát, điều tra lần vết về tình hình việc làm, đánh giá về chất lượng CTĐT của trường và sự phù hợp của CTĐT đối với vị trí việc làm đối với 100% HSSV đã tốt nghiệp của trường, trong đó có HSSV của nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ cao đẳng (***2.5.10 – Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024; 7.2.01 – Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023; 7.2.02-Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK tham gia khảo sát lần vết năm 2021, 2022, 2023***). Việc thu thập thông tin HSSV tốt nghiệp về tình hình việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện bằng cách sử dụng google drive khảo sát trực tuyến (***7.2.03 – Các đường link khảo sát về SV tốt nghiệp nhà trường để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023; 7.2.04- Báo cáo kết quả điều tra lần vết đối với người học tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023***). Cụ thể:

- Năm 2022: Nhà trường đã xét công nhận tốt nghiệp cho HSSV Khóa 46CĐ, trong đó có 112 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trường đã điều tra lần vết 112/112 SV = 100% SV tốt nghiệp được khảo sát lần vết. Số lượng sinh viên có phản hồi về việc làm: 96/112 SV, đạt tỷ lệ 86%. Kết quả được như sau:

Thông tin việc làm Năm	Có việc làm		Chưa có việc làm		Đang thử việc	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2022	96	100	0	0	0	0

- Năm 2023: Nhà trường đã xét công nhận tốt nghiệp cho HSSV Khóa 47 CĐ và K48CDLT, trong đó có 127 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trường đã điều tra lần vết 127/127 SV = 100% SV tốt nghiệp được khảo sát lần vết. Số lượng sinh viên có phản hồi về việc làm: 106/127 SV, đạt tỷ lệ 83%. Kết quả được như sau:

Thông tin việc làm Năm	Có việc làm		Chưa có việc làm		Đang thử việc	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2024	106	100	0	0	0	0

Năm 2024: Nhà trường đã xét công nhận tốt nghiệp cho HSSV Khóa 48 CĐ và K49 CDLT, trong đó có 78 sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trường đã điều tra lần vết 78/78 SV = 100% SV tốt nghiệp được khảo sát lần vết. Số lượng sinh viên có phản hồi về việc làm: 78/78 SV, đạt tỷ lệ 100%. Kết quả được như sau:

Thông tin việc làm Năm	Có việc làm		Chưa có việc làm		Đang thử việc	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2024	78/78	100	0	0	0	0

Như vậy, nhà trường đã thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Thông tư số 15/2017/TT – BLĐT BXH, ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn

kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; theo chỉ đạo của Hiệu trưởng, hằng năm Phòng Khảo thí – ĐBCL xây dựng kế hoạch và tiến hành phát phiếu thu thập ý kiến cán bộ, nhà giáo và người lao động về các hoạt động của Trường, trong đó có các về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Thông qua việc thu thập ý kiến cán bộ, nhà giáo và người lao động trong Nhà trường đã thể hiện tính dân chủ trong trường, đồng thời giúp Trường cải tiến chất lượng giáo dục đào tạo, có những chính sách phù hợp thu hút nhiều nguồn nhân lực về trường. Cụ thể:

*Năm 2022: Trường lấy khảo sát ý kiến cán bộ, nhà giáo: 37/37, tỷ lệ 100%.

*Năm 2023: Trường lấy khảo sát ý kiến cán bộ, nhà giáo: 36/36, tỷ lệ 100%.

*Năm 2024: Trường lấy khảo sát ý kiến cán bộ, nhà giáo: 36/36, tỷ lệ 100%.

Hằng năm, Phòng Khảo thí - ĐBCL đều có báo cáo và tổng hợp kết quả thu thập ý kiến và đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng từ kết quả thu thập ý kiến về Ban giám hiệu, để kịp thời điều chỉnh những mặt hạn chế và từ đó xây dựng phương hướng phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục đào tạo tại trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. *(2.2.09- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023; 7.3.01-Danh sách cán bộ, nhà giáo, VCLĐ được khảo sát năm 2021, 2022, 2023, 2024)*. Kết quả khảo sát:

TT	Nội dung	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
1	Về nội dung liên quan đến công tác dạy và học	2022	Số phiếu: 37	0	0	0	16	21
			Tỷ lệ: 100 %				43,24%	56,76%
		2023	Số phiếu: 36	0	0	5	13	18
			Tỷ lệ: 100 %			13,89%	36,11%	50,00%
		2024	Số phiếu: 36	0	0	2	18	16
			Tỷ lệ: 100 %			5,56%	50,00%	44,44%
2	Chính sách tuyển dụng	2022	Số phiếu: 37	0	0	1	15	21
			Tỷ lệ: 100 %			2,70%	40,54%	56,76%
		2023	Số phiếu: 36	0	0	3	16	17
			Tỷ lệ: 100 %			8,33%	44,44%	47,22%
			Số phiếu: 36	0	0	2	14	20

TT	Nội dung	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
				1	2	3	4	5
		2024	Tỷ lệ: 100 %			5,56%	38,89%	55,56%
3	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng	2022	Số phiếu: 37	0	0	2	15	20
			Tỷ lệ: 100 %			5,41%	40,54%	54,05%
		2023	Số phiếu: 36	0	0	4	17	17
			Tỷ lệ: 100 %			10,53%	44,74%	44,74%
		2024	Số phiếu: 36	0	0	1	14	21
			Tỷ lệ: 100 %			2,78%	38,89%	58,33%
4	Chính sách đánh giá, phân loại CB, VC, GV, NLĐ	2022	Số phiếu: 37	0	0	9	8	20
			Tỷ lệ: 100 %			24,32%	21,62%	54,05%
		2023	Số phiếu: 36	0	0	1	19	16
			Tỷ lệ: 100 %			2,78%	52,78%	44,44%
		2024	Số phiếu: 36	0	0	1	12	23
			Tỷ lệ: 100 %			2,78%	33,33%	63,89%
5	Chính sách bổ nhiệm CBQL	2022	Số phiếu: 37	0	0	2	12	23
			Tỷ lệ: 100 %			5,41%	32,43%	62,16%
		2023	Số phiếu: 36	0	0	3	15	18
			Tỷ lệ: 100 %			8,33%	41,67%	50,00%
		2024	Số phiếu: 36	0	0	1	11	24
			Tỷ lệ: 100 %			2,78%	30,56%	66,67%

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Hài lòng; Mức 4. Khá hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích để nhận định tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch và lấy ý kiến của HSSV đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học. Các kế hoạch đều nêu rõ mục đích, yêu cầu; thời gian thực hiện, phương pháp khảo sát, đối tượng khảo sát; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận thực hiện. Cụ thể:

- Năm học 2020 – 2021: Kế hoạch số 264/KH-CĐĐTĐL ngày 23/10/2020 v.v/v Triển khai lấy ý kiến phản hồi của HSSV của Trường Cao đẳng Điện lạnh điện tử Hà Nội về việc triển khai khảo sát lấy ý kiến học sinh, sinh viên năm học 2020- 2021. Khảo sát 196/447 sinh viên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 44%;

- Năm học 2021 – 2022: Kế hoạch số 77/KH-CĐĐTĐL ngày 14/3/2022 v.v/v Triển khai lấy ý kiến phản hồi của HSSV của Trường Cao đẳng Điện lạnh điện tử Hà Nội về việc triển khai khảo sát lấy ý kiến học sinh, sinh viên năm học 2021- 2022. Khảo sát 151/353 sinh viên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 43%;

- Năm học 2022 – 2023: Kế hoạch số 111/KH-CĐĐTĐL ngày 5/4/2023 v.v/v Triển khai lấy ý kiến phản hồi của HSSV của Trường Cao đẳng Điện lạnh điện tử Hà Nội về việc triển khai khảo sát lấy ý kiến học sinh, sinh viên năm học 2022- 2023. Khảo sát 230/336 sinh viên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 68%;

- Năm học 2023 – 2024: Kế hoạch số 133A/KH-CĐĐTĐL ngày 29/3/2024 v.v/v Triển khai lấy ý kiến phản hồi của HSSV của Trường Cao đẳng Điện lạnh điện tử Hà Nội về việc triển khai khảo sát lấy ý kiến học sinh, sinh viên năm học 2023- 2024. Khảo sát 250/279 sinh viên cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 90%;

Ngoài việc thu thập ý kiến đối với học sinh, sinh viên bằng cách phát phiếu trực tiếp đến các lớp của các khoa nghề thì hàng năm Lãnh đạo Nhà trường tổ chức tọa đàm trực tiếp với HSSV.

Kết quả khảo sát hằng năm được tổng hợp trong các báo cáo: Báo cáo số 218/BC-CĐĐTĐL ngày 29/6/2022 Về Kết quả thực hiện lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hoạt động của trường năm 2021; Báo cáo số: 199/BC-CĐĐTĐL ngày 21/6/2023 Về Kết quả thực hiện lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hoạt động của trường năm 2022; Báo cáo số: 235/BC-CĐĐTĐL ngày 06/6/2024 Về Kết quả thực hiện lấy ý kiến phản hồi của HSSV về hoạt động của trường năm 2023. Cụ thể kết quả khảo sát:

- Năm học 2020 – 2021:

Chất lượng giảng dạy của giảng viên:

+ Thầy cô giáo nhiệt tình, đa dạng trong phương pháp giảng dạy:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2021	Số	0	0	6	120	70

		phiếu: 196					
		Tỷ lệ: 100%			3,06%	61,22%	35,71%

+ Thao tác hướng dẫn thuần thực

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
	2021	Số phiếu: 196	1	2	3	4	5
			0	0	3	120	73
		Tỷ lệ: 100%			1,53%	61,22%	37,24%

+ Đánh giá kết quả học tập công bằng, khách quan:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
	2021	Số phiếu: 196	1	2	3	4	5
			0	0	13	110	73
		Tỷ lệ: 100%			6,63%	56,12%	37,24%

- Thực hiện các chính sách: Miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích học nghề; khen thưởng đột xuất:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
	2021	Số phiếu: 196	1	2	3	4	5
			0	0	11	112	73
		Tỷ lệ: 100%			5,61%	57,14%	37,24%

- Chất lượng dịch vụ:

+ Ký túc xá: Ký túc xá :đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2021	Số phiếu: 196	0	0	5	112	79
		Tỷ lệ: 100%			2,55%	57,14%	40,31%

+ Căng tin: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (có giấy chứng nhận hằng năm).
Giá các mặt hàng so với giá thị trường:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2021	Số phiếu: 196	0	0	8	99	89
		Tỷ lệ: 100%			4,08%	50,51%	45,41%

+ Y tế: có 1Y/Bác sỹ phụ trách chính (tận tình, trách nhiệm).

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2021	Số phiếu: 196	0	0	9	78	109
		Tỷ lệ: 100%			4,59%	39,80%	55,61%

- Năm học 2021 – 2022.

Chất lượng giảng dạy của giảng viên:

+ Thầy cô giáo nhiệt tình, đa dạng trong phương pháp giảng dạy:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối	Năm khảo sát	Mức đánh giá
-----	--------------	--------------

tượng khảo sát			1	2	3	4	5
	2022	Số phiếu: 151	0	0	23	84	44
		Tỷ lệ: 100%			15,23%	55,63%	29,14%

+ Thao tác hướng dẫn thuần thực

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2022	Số phiếu: 151	0	0	21	86	44
		Tỷ lệ: 100%			13,91%	56,95%	29,14%

+ Đánh giá kết quả học tập công bằng, khách quan:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2022	Số phiếu: 151	0	0	17	88	46
		Tỷ lệ: 100%			11,26%	58,28%	30,46%

- Thực hiện các chính sách: Miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích học nghề; khen thưởng đột xuất:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2022	Số phiếu: 151	0	0	21	84	46
		Tỷ lệ: 100%			13,91%	55,63%	30,46%

- Chất lượng dịch vụ:

+ Ký túc xá: Ký túc xá :đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2022	Số phiếu: 151	0	0	11	99	41
		Tỷ lệ: 100%			7,28%	65,56%	27,15%

+ Căng tin: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (có giấy chứng nhận hằng năm). Giá các mặt hàng so với giá thị trường:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2022	Số phiếu: 151	0	0	6	111	34
		Tỷ lệ: 100%			3,97%	73,51%	22,52%

+ Y tế: có 1Y/Bác sỹ phụ trách chính (tận tình, trách nhiệm).

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2022	Số phiếu: 151	0	0	16	99	36
		Tỷ lệ: 100%			10,60%	65,56%	23,84%

- Năm học 2022 – 2023.

Chất lượng giảng dạy của giảng viên:

+ Thầy cô giáo nhiệt tình, đa dạng trong phương pháp giảng dạy:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng	Năm khảo sát	Mức đánh giá
-----------	--------------	--------------

tượng khảo sát			1	2	3	4	5
	2023	Số phiếu: 230	0	0	10	210	10
		Tỷ lệ: 100%			4,35%	91,30%	4,35%

+ Thao tác hướng dẫn thuần thực

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
	2023	Số phiếu: 230	1	2	3	4	5
			0	0	15	213	2
		Tỷ lệ: 100%			6,52%	92,61%	0,87%

+ Đánh giá kết quả học tập công bằng, khách quan:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
	2023	Số phiếu: 230	1	2	3	4	5
			0	0	16	199	15
		Tỷ lệ: 100%			6,96%	86,52%	6,52%

- Thực hiện các chính sách: Miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích học nghề; khen thưởng đột xuất:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
	2023	Số phiếu: 230	1	2	3	4	5
			0	0	21	188	21
		Tỷ lệ: 100%			9,13%	81,74%	9,13%

- Chất lượng dịch vụ:

+ Ký túc xá: Ký túc xá :đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2023	Số phiếu: 230	0	0	17	190	23
		Tỷ lệ: 100%			7,39%	82,61%	10,00%

+ Căng tin: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (có giấy chứng nhận hằng năm). Giá các mặt hàng so với giá thị trường:

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2023	Số phiếu: 230	0	0	27	178	25
		Tỷ lệ: 100%			11,74%	77,39%	10,87%

+ Y tế: có 1Y/Bác sỹ phụ trách chính (tận tình, trách nhiệm).

(Mức 1. Hoàn toàn không hài lòng; Mức 2. Không hài lòng; Mức 3. Bình thường; Mức 4. Hài lòng; Mức 5. Hoàn toàn hài lòng);

Đối tượng khảo sát	Năm khảo sát		Mức đánh giá				
			1	2	3	4	5
	2023	Số phiếu: 230	0	0	27	198	5
		Tỷ lệ: 100%			11,74%	86,09%	2,17%

(2.2.09- Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023; 7.4.01- Danh sách người học được khảo sát năm 2021, 2022, 2023, 2024; 7.4.02-Các đường link khảo sát trực tuyến; 7.4.03-Biên bản buổi tọa đàm giữa HSSV với lãnh đạo nhà trường).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường đều thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐ-TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN; bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ-TB&XH. Nhà trường đã thực hiện đánh giá chất lượng trường và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trong đó có chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ Cao đẳng bắt đầu từ năm 2021. Trường hằng năm thực hiện thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, triển khai công tác tự đánh giá theo đúng quy định tại thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH.

Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng trường và tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy trình 4 bước:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

Trường thực hiện đầy đủ hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH, ngày 08/6/2017; Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đối với chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Trường đã tự đánh giá cụ thể như sau:

- Năm 2021: Ban hành Quyết định số 94/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15 tháng 6 năm 2021 thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm - trình độ cao đẳng năm 2021; Kế hoạch số 155A/KH-CĐĐTĐL ngày 15 tháng 6 năm 2021 về thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT các nghề trọng điểm – trình độ cao đẳng năm 2021;

- Năm 2022: Ban hành Quyết định số 205/QĐ-CĐĐTĐL ngày 01 tháng 7 năm 2022 thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm - trình độ cao đẳng năm 2022; Kế hoạch số 222A/KH-CĐĐTĐL ngày 01 tháng 7 năm 2022 về thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT các nghề trọng điểm – trình độ cao đẳng năm 2022;

- Năm 2023: Ban hành Quyết định số 145/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15 tháng 6 năm 2023 thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm - trình độ cao đẳng năm 2023; Kế hoạch số 202A/KH-CĐĐTĐL ngày 15 tháng 6 năm 2023 về thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT các nghề trọng điểm – trình độ cao đẳng năm 2023;

- Năm 2024: Ban hành Quyết định số 195/QĐ-CĐĐTĐL ngày 15 tháng 7 năm 2024 thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo các nghề trọng điểm - trình độ cao đẳng năm 2025; Kế hoạch số 290/KH-CĐĐTĐL ngày 15 tháng 7 năm 2024 về thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT các nghề trọng điểm – trình độ cao đẳng *(7.5.01 - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2021, 2022, 2022, 2023, 2024; 7.5.02 - Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2021, 2022, 2022, 2023, 2024).*

Công tác tự đánh giá chất lượng đào tạo CTĐT được tiến hành theo kế hoạch. Phòng Khảo thí - ĐBCL phối hợp với Khoa Công nghệ nhiệt lạnh thực hiện báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK trình độ cao đẳng. Trong quá trình triển khai công tác tự kiểm định. Nhà trường tổ chức họp lấy ý kiến của CB, GV, NV trong trường, công khai nội dung tự kiểm định. Báo cáo được Hội đồng tự đánh giá thông qua, phê duyệt và gửi về cho các cơ quan chức năng theo quy định. Kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK hằng năm như sau:

Năm	Điểm tự đánh giá	Kết quả tự Đánh giá
2021	90	Đạt
2022	90	Đạt
2023	92	Đạt
2024	94	Đạt

(7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao năm 2021, 2022, 2022, 2023, 2024; 7.5.04 - Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021, 2022, 2023, 2024; 7.5.05 - Thông báo công khai và lấy ý kiến của CB- GV- NV toàn trường).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có)

Mô tả, phân tích và nhận định:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà nội được Công ty Cổ phần kiểm định và tư vấn giáo dục Việt Nam công nhận kết quả đánh giá ngoài đạt tiêu chuẩn kiểm định cơ sở GDNN theo Quyết định số 67/QĐ-KĐGDVN ngày 12/7/2024. Trong những năm qua, Nhà trường luôn quan tâm đến công tác kiểm định và xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng. Thông qua hoạt động tự đánh giá chất lượng Trường và chất lượng CTĐT các nghề trọng điểm, trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng; Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng GDNN, nhằm cải thiện, nâng cao chất đào tạo (**7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao năm 2021, 2022, 2022, 2023, 2024; 7.6.01 - Kế hoạch cải tiến, khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

Hàng năm, tại Hội nghị viên chức, các kế hoạch và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và CTĐT hàng năm được thể hiện rõ trong báo cáo (**1.2.02-Báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024; 1.2.03-Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024; 7.5.04 - Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021, 2022, 2023, 2024**);). Trường luôn xác định đây là công việc trọng tâm, thường xuyên và lâu dài để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường mỗi năm.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với nghề được đào tạo.

Mô tả, phân tích và nhận định:

Căn cứ vào kết quả công nhận tốt nghiệp (**2.5.10 – Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024**). Hằng năm, Nhà trường giao Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp **7.2.01 – Kế hoạch điều tra lần vết đối với người**

học tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023; 7.2.02- Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK tham gia khảo sát lần vết năm 2021, 2022, 2023). Việc khảo sát được thực hiện đối với 100% sinh viên tốt nghiệp về tình hình việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện bằng cách sử dụng google drive khảo sát trực tuyến (7.2.03 – Các đường link khảo sát về SV tốt nghiệp nhà trường để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023; 7.2.04- Báo cáo kết quả điều tra lần vết đối với người học tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023).

Năm học 2021-2022: Trường đã khảo sát 112/112 HSSV = 100% SV tốt nghiệp, số lượng sinh viên phản hồi là 112/112 = 100%.

Năm học 2022-2023: Trường đã khảo sát 127/127 HSSV = 100% SV tốt nghiệp, số lượng sinh viên phản hồi là 127/127 = 100%.

Năm học 2023-2024: Trường đã khảo sát 78/78 HSSV = 100% SV tốt nghiệp, số lượng sinh viên phản hồi là 78/78 = 100%.

(7.2.04 - Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp; 7.2.05 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết). Cụ thể:

Năm	Số lượng SV tốt nghiệp	Số lượng sinh viên khảo sát		Số lượng SV có phản hồi		Số lượng SV có việc làm trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp phù hợp với ngành, nghề đào tạo		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	
Năm học 2020-2021	174	174	100%	174	100%	174	100%	
Năm học 2021-2022	112	112	100%	112	100%	112	100%	
Năm 2022-2023	127	127	100%	127	100%	127	100%	
Năm 2023-2024	78	78	100%	78	100%	78	100%	

Như vậy căn cứ kết quả khảo sát của Nhà trường thông qua hoạt động lần vết HSSV, cho thấy trong 3 năm từ 2021- 2023, số HSSV có việc làm phù hợp với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ 100% HSSV. Người học tốt nghiệp sau khi ra trường đều được nhà trường lấy ý kiến về thông tin việc làm, đồng thời các em đều nhận định có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích và nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch khảo sát và gửi phiếu đánh giá thu thập ý kiến đến các đơn vị sử dụng lao động có sinh viên của trường làm việc để lấy ý kiến về mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. Trường có các kế hoạch về tổ chức lấy ý kiến phản hồi trong các năm 2021, 2022, 2023, 2024 *(2.5.10 – Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024; 1.1.07-Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.1.08-Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 7.1.01-Báo cáo kết quả khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023)*. Các doanh nghiệp được nhà trường thực hiện lấy ý kiến hàng năm như sau:

Năm 2021: Trường tiến hành thu thập ý kiến của 12 doanh nghiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
11	Công ty TNHH Thương Mại và Kỹ thuật Điện lạnh Thiên Phúc	Số 25 đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	4
12	Công ty TNHH Điện lạnh Cường phát	Số 11 ngõ 202/21 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà nội.	6
13	Cty TNHH TM&DV KT Điện lạnh VN	Số 5 ngõ 33 đường Nghĩa Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà	10
14	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phan Anh	Số 120 - phố Thanh Đàm - phường Thanh Trì - quận Hoàng Mai - TP. Hà Nội.	7
15	Công ty CP Kỹ thuật công trình Thanh Phúc	Số 8 ngõ 80 phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà	6

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
		Nội, Việt Nam	
16	Cty CP Kỹ thuật & CN Lotus	Số 1 Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân	8
17	Cty CP Thang máy & thiết bị J Tech	Số 27 LK10 khu đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, ...	8
18	Công ty TNHH Tân Hải Anh	Phố Cầu Cốc, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, HN	14
19	Công ty CP Vitduct	Ngõ 85, đường Lĩnh Nam, Mai động , Hoàng Mai, HN	15
20	Cty TNHH Điện lạnh Đại Phát Thành	Số 43, ngách 32, ngõ 293 đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, ..	8
11	Công ty CP Công nghiệp lạnh Nam Phú Thái	P. Kiến Hưng, Q Hà Đông, HN	7
12	Công ty CP Xây dựng & chăm sóc nhà CareHome	Đường Tố Hữu, P Trung Văn, Q Nam Từ Liêm, HN	6

Năm 2022: Trường tiến hành thu thập ý kiến của 13 doanh nghiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
11	Công ty TNHH Thương Mại và Kỹ thuật Điện lạnh Thiên Phúc	Số 25 đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	4
12	Công ty TNHH Điện lạnh Cường phát	Số 11 ngõ 202/21 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà nội.	6
13	Cty TNHH TM&DV KT Điện lạnh VN	Số 5 ngõ 33 đường Nghĩa Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà	10
14	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật	Số 120 - phố Thanh Đàm - phường Thanh Trì - quận	7

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
	Phan Anh	Hoàng Mai - TP. Hà Nội.	
15	Công ty CP Kỹ thuật công trình Thanh Phúc	Số 8 ngõ 80 phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6
16	Cty CP Kỹ thuật & CN Lotus	Số 1 Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân	8
17	Cty CP Thang máy & thiết bị J Tech	Số 27 LK10 khu đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, ...	8
18	Công ty TNHH Tân Hải Anh	Phố Cầu Cốc, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, HN	14
19	Công ty CP Vitduct	Ngõ 85, đường Lĩnh Nam, Mai động , Hoàng Mai, HN	15
20	Cty TNHH Điện lạnh Đại Phát Thành	Số 43, ngách 32, ngõ 293 đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, ..	8
11	Công ty CP Công nghiệp lạnh Nam Phú Thái	P. Kiến Hưng, Q Hà Đông, HN	7
12	Công ty CP Xây dựng & chăm sóc nhà CareHome	Đường Tố Hữu, P Trung Văn, Q Nam Từ Liêm, HN	6
13	Công ty TNHH Thương mại & dịch vụ Hữu Bình	Số 36/2. đại lộ Thăng Long,P Mễ trì, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội	11

Năm 2023: Trường tiến hành thu thập ý kiến của 14 doanh nghiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
11	Công ty TNHH Thương Mại và Kỹ thuật Điện lạnh Thiên Phúc	Số 25 đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	4

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
12	Công ty TNHH Điện lạnh Cường phát	Số 11 ngõ 202/21 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà nội.	6
13	Cty TNHH TM&DV KT Điện lạnh VN	Số 5 ngõ 33 đường Nghĩa Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà	10
14	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phan Anh	Số 120 - phố Thanh Đàm - phường Thanh Trì - quận Hoàng Mai - TP. Hà Nội.	7
15	Công ty CP Kỹ thuật công trình Thanh Phúc	Số 8 ngõ 80 phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6
16	Cty CP Kỹ thuật & CN Lotus	Số 1 Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân	8
17	Cty CP Thang máy & thiết bị J Tech	Số 27 LK10 khu đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, ...	8
18	Công ty TNHH Tân Hải Anh	Phố Cầu Cốc, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, HN	14
19	Công ty CP Vitduct	Ngõ 85, đường Lĩnh Nam, Mai động , Hoàng Mai, HN	15
20	Cty TNHH Điện lạnh Đại Phát Thành	Số 43, ngách 32, ngõ 293 đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, ..	8
11	Công ty CP Công nghiệp lạnh Nam Phú Thái	P. Kiến Hưng, Q Hà Đông, HN	7
12	Công ty CP Xây dựng & chăm sóc nhà CareHome	Đường Tố Hữu, P Trung Văn, Q Nam Từ Liêm, HN	6
13	Công ty TNHH Thương mại & dịch vụ Hữu Bình	Số 36/2. đại lộ Thăng Long,P Mễ trì, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội	11
14	Công ty CP Xây dựng & kỹ thuật HPCON	Số 8, ngách 9, ngõ 4,đội 1, thôn Cát Động,Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, HN	9

Năm 2024: Trường tiến hành thu thập ý kiến của 15 doanh nghiệp

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
11	Công ty TNHH Thương Mại và Kỹ thuật Điện lạnh Thiên Phúc	Số 25 đường Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	4
12	Công ty TNHH Điện lạnh Cường phát	Số 11 ngõ 202/21 đường Quyết Thắng, Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà nội.	6
13	Cty TNHH TM&DV KT Điện lạnh VN	Số 5 ngõ 33 đường Nghĩa Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà	10
14	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kĩ thuật Phan Anh	Số 120 - phố Thanh Đàm - phường Thanh Trì - quận Hoàng Mai - TP. Hà Nội.	7
15	Công ty CP Kỹ thuật công trình Thanh Phúc	Số 8 ngõ 80 phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6
16	Cty CP Kỹ thuật & CN Lotus	Số 1 Phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân	8
17	Cty CP Thang máy & thiết bị J Tech	Số 27 LK10 khu đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, ...	8
18	Công ty TNHH Tân Hải Anh	Phố Cầu Cốc, Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, HN	14
19	Công ty CP Vitduct	Ngõ 85, đường Lĩnh Nam, Mai động , Hoàng Mai, HN	15
20	Cty TNHH Điện lạnh Đại Phát Thành	Số 43, ngách 32, ngõ 293 đường Tam Trinh, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, ..	8
11	Công ty CP Công nghiệp lạnh Nam Phú Thái	P. Kiến Hưng, Q Hà Đông, HN	7
12	Công ty CP Xây dựng & chăm sóc nhà	Đường Tố Hữu, P Trung Văn, Q Nam Từ Liêm, HN	6

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ- số Điện thoại	Số lượng HSSV đang làm việc
	CareHome		
13	Công ty TNHH Thương mại & dịch vụ Hữu Bình	Số 36/2. đại lộ Thăng Long,P Mễ trì, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội	11
14	Công ty CP Xây dựng & kỹ thuật HPCON	Số 8, ngách 9, ngõ 4,đội 1, thôn Cát Động,Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, HN	9
15	Công ty TNHH Điện Lạnh Việt Linh	Số 13, ngách 52, ngõ 119, đường Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10

Kết quả khảo sát doanh nghiệp về mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp (**7.1.01-Báo cáo kết quả khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023, 2024**) như sau:

Mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp							
Năm khảo sát		Về kiến thức		Về kỹ năng		Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		Hài lòng	Không hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng
2021	Số lượng	12	0	12	0	12	0
	Tỷ lệ %	100%	0%	100%	0%	100%	0%
2022	Số lượng	13	0	13	0	13	0
	Tỷ lệ %	100%	0%	100%	0%	100%	0%
2023	Số lượng	14	0	14	0	14	0
	Tỷ lệ %	100%	0%	100%	0%	100%	0%
2024	Số lượng	15	0	15	0	15	0
	Tỷ lệ %	100%	0%	100%	0%	100%	0%

Như vậy, căn cứ vào nội hàm tiêu chuẩn, Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 02 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trong giai đoạn 2021-2023

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học đáp ứng được nhu cầu của người học và xã hội.
- Tăng cường về số lượng, nâng cao về chất lượng đội ngũ nhà giáo của Khoa Công nghệ nhiệt lạnh về chuyên môn, ngoại ngữ và tin học.
- Đáp ứng được nhu cầu của giáo viên và học sinh về giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt là tài liệu nâng cao, công nghệ mới về lĩnh vực nhiệt lạnh.
- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên và Học sinh, sinh viên trong Khoa.
- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng công nghệ số (có kết hợp sử dụng các thiết bị nghe nhìn)
- Xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo chuẩn khu vực.

2. Kế hoạch giai đoạn 2023-2030

2.1. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành/ngành và chuẩn khu vực.

2.2. Về nguồn nhân lực

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo đủ về số lượng và có chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn tay nghề và nghiệp vụ đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

2.3. Về khoa học và công nghệ

Hiện tại, công tác nghiên cứu khoa học của nhà giáo và sinh viên trong khoa chưa nhiều. Nhà trường cần phối hợp với các tổ chức giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện cho nhà giáo và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tăng cường tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm.

Tăng cường phát triển thêm các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy trong thực tế, giúp HSSV có thể tiếp cận kiến thức tốt hơn và khơi dậy sáng tạo cho HSSV.

2.4. Về chương trình, giáo trình

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình, đáp ứng được nhu cầu của HSSV và phát triển của xã hội.

Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành để HSSV có thể tiếp cận được với kiến thức và công nghệ mới trong nước và khu vực.

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí phải đảm bảo liên thông giữa các trình độ từ trung cấp lên cao đẳng và đại học.

2.5. Về công tác học sinh, sinh viên

Tạo môi trường học tập, rèn luyện để sinh viên tích cực trong học tập và sáng tạo tiếp cận với nghiên cứu khoa học. HSSV phải phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trình độ để tự tin tham gia các cuộc thi cho sinh viên trong nước và khu vực. Nâng cao vị thế đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Nhà trường tăng cường mở rộng liên kết đào tạo trong nước và khu vực để có điều kiện cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.
- Tạo điều kiện và hỗ trợ hơn nữa cho nhà giáo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sư phạm, tin học và ngoại ngữ bằng các chính sách phù hợp. Đặc biệt là công tác đào tạo đội ngũ giảng viên/giáo viên trẻ.
- Có nhiều chính sách, biện pháp hơn nữa khuyến khích cán bộ, nhà giáo và học sinh, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình đào tạo để kịp thời khắc phục cho phù hợp.
- Rà soát hệ thống văn bản, chỉnh sửa và thống nhất mẫu chung, đưa vào vận hành các quy trình để đồng bộ trong toàn trường.

Xin trân trọng báo cáo./.

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Xuân Ngọc

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT các nghề trọng điểm năm 2021

Phụ lục 2: Kế hoạch tự kiểm định chất lượng CTĐT các nghề trọng điểm năm 2021

Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 195/QĐ-CĐĐTĐL

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024**

Căn cứ Quyết định số 5194/QĐ-BGDĐT ngày 19/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội trên cơ sở Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí - ĐBCL,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo có nhiệm vụ triển khai đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024 theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở LĐ-TBXH (b/c);
- Lưu VT, PKT.

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT
NGHỀ CNKT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-CĐĐTĐL, ngày 15 tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng
1.	Ông Trần Xuân Ngọc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ thường trực
3.	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
4.	Ông Đặng Quốc Chính	Trưởng Khoa ĐTVT	Phó Chủ tịch HĐ
5.	Ông Nguyễn Văn Huy	Tổ trưởng Tổ bộ môn Điện tử	Ủy viên thư ký
6.	Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Trưởng Phòng khảo thí - ĐBCL	Ủy viên
7.	Ông Nguyễn Đăng Lăng	Phó PT Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
8.	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó PT Phòng TC - KT	Ủy viên
9.	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
10.	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó PT Phòng TC-HC	Ủy viên
11.	Ông Lại Đức Thanh	Phó PT Phòng Quản trị	Ủy viên
12.	Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Giảng viên Khoa ĐTVT	Ủy viên
13.	Bà Vũ Thị Luyến	Giảng viên Khoa ĐTVT	Ủy viên
14.	Bà Đặng Thị Ngọc Lan	Giảng viên Khoa ĐTVT	Ủy viên
15.	Bà Vũ Thị Nhật	Giảng viên Khoa ĐTVT	Ủy viên
16.	Ông Đỗ Văn Quỳnh	Giám đốc SBU ETS – Công ty Cổ phần Tự động hóa Tân Phát	Ủy viên
17.	Ông Nguyễn Hữu Thắng	Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Điện tử EU	Ủy viên

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT
NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐHKK – TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-CĐĐTĐL, ngày 15 tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng
1.	Ông Trần Xuân Ngọc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ thường trực
3.	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
4.	Ông Đặng Quang Hùng	Trưởng Khoa CNNL	Phó Chủ tịch HĐ
5.	Ông Nguyễn Đức Tú	Phó trưởng Khoa CNNL	Ủy viên thư ký
6.	Ông Nguyễn Bá Hùng	Phó trưởng PKT - ĐBCL	Ủy viên
7.	Ông Nguyễn Đăng Lãng	Phó PT Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
8.	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó PT Phòng TC - KT	Ủy viên
9.	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
10.	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó PT Phòng TC-HC	Ủy viên
11.	Ông Lại Đức Thanh	Phó PT Phòng Quản trị	Ủy viên
12.	Bà Nguyễn Thị Hoa	Giảng viên Khoa CNNL	Ủy viên
13.	Bà Bùi Thị Hằng	Giảng viên Khoa CNNL	Ủy viên
14.	Ông Hồ Diên Đức	Giảng viên Khoa CNNL	Ủy viên
15.	Ông Nguyễn Thế Hưng	Giảng viên Khoa CNNL	Ủy viên
16.	Ông Nguyễn Viết Vượng	Chủ tịch HĐ Quản trị - Công ty Tốt Việt Nam	Ủy viên
17.	Ông Phạm Ngọc Chuyên	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Thương mại và kỹ thuật Tân Hải Anh	Ủy viên

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT
NGHỀ TỰ ĐỘNG HÓA CÔNG NGHIỆP – TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-CĐĐTĐL, ngày 15 tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng
1.	Ông Trần Xuân Ngọc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ thường trực
3.	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
4.	Ông Trần Liêm Hiệu	Trưởng Khoa Điện - TĐH	Phó Chủ tịch HĐ
5.	Ông Phạm Kiên Trung	Phó Trưởng Khoa Điện - TĐH	Ủy viên thư ký
6.	Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Trưởng Phòng Khảo thí - ĐBCL	Ủy viên
7.	Ông Nguyễn Đăng Lãng	Phó PT Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
8.	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó PT Phòng TC - KT	Ủy viên
9.	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
10.	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó PT Phòng TC-HC	Ủy viên
11.	Ông Lại Đức Thanh	Phó PT Phòng Quản trị	Ủy viên
12.	Ông Bùi Đức Hoàng	Giảng viên Khoa Điện - TĐH	Ủy viên
13.	Bà Hoàng Thị Ngọc	Giảng viên Khoa Điện - TĐH	Ủy viên
14.	Ông Nguyễn Việt Long	Giảng viên Khoa Điện - TĐH	Ủy viên
15.	Ông Nguyễn Đồng Bính	Giảng viên Khoa Điện - TĐH	Ủy viên
16.	Ông Bùi Xuân Đồng	Giám đốc Công ty TNHH B.A.S.S	Ủy viên
17.	Ông Nguyễn Văn Tồn	Trưởng Phòng kỹ thuật Công ty Thang máy Cibes lift Việt Nam	Ủy viên

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT
NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP – TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-CĐĐTĐL, ngày 15 tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng
1.	Ông Trần Xuân Ngọc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ thường trực
3.	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
4.	Ông Trần Liêm Hiệu	Trưởng Khoa Điện - TĐH	Phó Chủ tịch HĐ
5.	Ông Phạm Kiên Trung	Phó trưởng Khoa Điện - TĐH	Ủy viên thư ký
6.	Ông Nguyễn Bá Hùng	Phó Phòng Khảo thí - ĐBCL	Ủy viên
7.	Ông Nguyễn Đăng Lãng	Phó PT Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
8.	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó PT Phòng TC - KT	Ủy viên
9.	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
10.	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó PT Phòng TC-HC	Ủy viên
11.	Ông Lại Đức Thanh	Phó PT Phòng Quản trị	Ủy viên
12.	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Giảng viên PKT - ĐBCL	Ủy viên
13.	Ông Phạm Hồ Cương	Giảng viên Khoa Điện - TĐH	Ủy viên
14.	Bà Trịnh Thị Phương Oanh	Giảng viên Khoa Điện - TĐH	Ủy viên
15.	Bà Đào Thu Hà	Giảng viên Khoa Điện - TĐH	Ủy viên
16.	Ông Trần Trung Kiên	Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và Môi trường Minh Đạt	Ủy viên
17.	Ông Phạm Ngọc Thắng	Giám đốc Công ty Công ty TNHH MTV ASC Sao Việt Hà Nội	Ủy viên

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT
NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-CĐĐTĐL, ngày 15 tháng 7 năm 2024)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong Hội đồng
1.	Ông Trần Xuân Ngọc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ thường trực
3.	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
4.	Ông Phạm Trường Sinh	Trưởng Khoa CNTT và TT	Phó Chủ tịch HĐ
5.	Bà Phùng Thị Nguyên Hạnh	Tổ trưởng tổ bộ môn CNPM	Ủy viên thư ký
6.	Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Trưởng Phòng Khảo thí - ĐBCL	Ủy viên
7.	Ông Nguyễn Đăng Lãng	Phó PT Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
8.	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó PT Phòng TC - KT	Ủy viên
9.	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
10.	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó PT Phòng TC-HC	Ủy viên
11.	Ông Lại Đức Thanh	Phó PT Phòng Quản trị	Ủy viên
12.	Ông Nguyễn Quang Tiến	Tổ trưởng tổ bộ môn KHMT	Ủy viên
13.	Bà Đinh Thúy Duyên	Giảng viên Khoa CNTT và TT	Ủy viên
14.	Ông Lê Hồng Thanh	Giảng viên Khoa CNTT và TT	Ủy viên
15.	Bà Hoàng Thị Minh Phương	Giảng viên Khoa CNTT và TT	Ủy viên
16.	Ông Phan Duy Dương	Giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghệ truyền thông 3I	Ủy viên
17.	Ông Đặng Trần Đức	Giám đốc Công ty TNHH Khôi phục dữ liệu máy tính Việt Nam	Ủy viên

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

Số: 290/KH-CĐĐTĐL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024**

I. Mục tiêu tự đánh giá

- Xác định thực trạng, khả năng giáo dục nghề nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các nghề, bao gồm: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Khoa Điện tử - Viễn thông); Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK (Khoa Công nghệ nhiệt lạnh), Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp (Khoa Điện – Tự động hóa), Công nghệ thông tin (Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông) Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.
- Đánh giá các hoạt động của các nghề thông qua các thông tin, minh chứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Lao động – Thương binh xã hội ban hành để tự đánh giá các hoạt động nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giải trình với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học và xã hội về chất lượng của các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ cao đẳng.
- Phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm tồn tại, hạn chế trong thời gian tới; cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của các nghề tiến tới xây dựng nghề đạt chuẩn cấp độ Quốc gia và khu vực.
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt được của CTĐT 05 nghề năm 2024 (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin); qua đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Nhà trường.

II. Công cụ tự đánh giá

1. Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐ ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.
2. Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐ ngày 15/12/2017 Bộ trưởng Bộ Lao động -

Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục GDNN.

III. Quy trình tự đánh giá:

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các Chương trình đào tạo (Hội đồng TĐG CTĐT).
- Thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

IV. Nhiệm vụ chung

1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng:

- Thông qua kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin) – trình độ cao đẳng năm 2024 trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Hướng dẫn các đơn vị phòng, khoa, trung tâm thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 của Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:
 - + Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo.
 - + Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024 (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin) và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT các nghề trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Sở LĐTBXH, Tổng cục GDNN đúng thời hạn quy định.
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại cơ sở GDNN (nếu có).

2. Đối với Phòng Khảo thí - ĐBCL

- Chuẩn bị các tài liệu, thống kê các thông tư, văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng các chuẩn mực đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định CTĐT để đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng GDNN; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng GDNN.

- Soạn thảo các Quyết định, Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024 (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin) trình Hội đồng tự đánh các CTĐT thông qua.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các khoa chuyên môn thực hiện tự đánh giá CTĐT các nghề.

- Tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng từ các đơn vị, đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành; thu thập bổ sung thêm thông tin, minh chứng.

- Biên soạn dự thảo các báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024 (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin) trình độ cao đẳng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Gửi dự thảo các báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT 05 nghề tới các thành viên Hội đồng TĐG CTĐT và các đơn vị có liên quan để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng hợp thông qua.

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024 trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Tổng cục GDNN, Sở LĐTBXH đúng thời hạn quy định.

3. Đối với các khoa: Khoa Điện tử - Viễn thông (Khoa ĐTVT), Khoa Công nghệ nhiệt lạnh (Khoa CNNL), Khoa Điện – Tự động hóa (Khoa Điện – TĐH), Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông (Khoa CNTT&TT)

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động theo nội hàm của các tiêu chí, tiêu chuẩn trong công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục GDNN về Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Phối hợp với các đơn vị liên quan, bổ sung đủ danh mục minh chứng.

- Phối hợp với Phòng Khảo thí - ĐBCL đánh giá, nhận xét mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định có liên quan; phân tích rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

- Quản lý và duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

4. Đối với các Phòng, Khoa, Trung tâm, tổ chức đoàn thể trực thuộc Trường

- Phối hợp và cung cấp thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công; cung cấp cho Phòng Khảo thí - ĐBCL tổng hợp.

- Bổ sung, xây dựng minh chứng theo yêu cầu của Hội đồng Tự đánh giá CTĐT 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024.

- Chịu trách nhiệm nội dung các minh chứng cung cấp cho Phòng Khảo thí - ĐBCL và các Hội đồng tự đánh giá các CTĐT.

V. Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách tiêu chí kiểm định theo đơn vị thực hiện (Có bảng Phụ lục 1 kèm theo).

VI. Phân bổ các đơn vị thuộc trường thực hiện thu thập thông tin, minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan (Có bảng Phụ lục 2 kèm theo).

VII. Nội dung công việc - Thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 01/7/2024 đến 08/7/2024	- Xây dựng dự thảo kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề (CNKT điện, điện tử; KTML&ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin) – trình độ cao đẳng năm 2024 của trường. - Xây dựng các văn bản hướng dẫn, biểu mẫu kiểm	Phòng Khảo thí - ĐBCL

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
	định chương trình đào tạo.	
Từ 09/7/2024 đến 18/7/2024	❖ Thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT 05 nghề – trình độ cao đẳng năm 2024 (các nghề CNKT điện, điện tử; KTML&ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin). ❖ Họp Hội đồng TĐG thông qua: - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề – trình độ cao đẳng năm 2024 (các nghề CNKT điện, điện tử; KTML&ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin). - Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng CTĐT. - Phân bổ các đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá theo tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan.	Phòng Khảo thí - ĐBCL Hội đồng tự đánh giá
Từ 19/7/2024 đến 31/8/2024	- Các đơn vị thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo các nghề trọng điểm năm 2024 (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin): thu thập thông tin, minh chứng, lập bảng tổng hợp minh chứng theo tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công gửi về Phòng Khảo thí - ĐBCL. - <i>(Trong quá trình triển khai nếu gặp khó khăn, vướng mắc các đơn vị sẽ liên hệ với Phòng Khảo thí – ĐBCL được hướng dẫn cụ thể)</i> - Tổng hợp, rà soát thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn theo từng CTĐT 05 nghề - trình độ cao đẳng.	- Các đơn vị; Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT Phòng Khảo thí - ĐBCL

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 01/09/2024 đến 30/9/2024	- Tổng hợp phần I và phần II của báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT cho các nghề trọng điểm năm 2024. - Viết báo cáo tự đánh giá CTĐT theo các tiêu chí, tiêu chuẩn căn cứ trên bảng tổng hợp minh chứng từ các đơn vị cung cấp; xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại; đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động. Thực hiện rà soát, sắp xếp, đánh mã các minh chứng, lập bảng tổng hợp minh chứng.	Phòng Khảo thí - ĐBCL
Từ 01/10/2024 đến 13/10/2024	- Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng CTĐT cho 05 nghề (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin) – trình độ cao đẳng năm 2024. - Các đơn vị bổ sung thông tin, minh chứng theo yêu cầu. - Tổng hợp phần III và phần IV của báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT cho 05 nghề - trình độ cao đẳng năm 2024.	Phòng Khảo thí - ĐBCL Các đơn vị; Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT Phòng Khảo thí - ĐBCL
Từ 14/10/2024 đến 31/10/2024	- Tổng hợp dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề – trình độ cao đẳng năm 2024 (CNKT điện, điện tử; KTML&ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin) gửi các thành viên Hội đồng và các đơn vị để xin ý kiến góp ý	Phòng Khảo thí - ĐBCL - Hội đồng TĐG CTĐT - Các đơn vị

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ 01/11/2024 đến 07/11/2024	- Tổng hợp các ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề – trình độ cao đẳng năm 2024 của trường (các nghề CNKT điện, điện tử; KTML&ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin)	Phòng Khảo thí - ĐBCL
Từ 08/11/2024 đến 13/11/2024	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề – trình độ cao đẳng năm 2024 của trường (các nghề CNKT điện, điện tử; KTML&ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin).	- Hội đồng TĐG CTĐT
Từ 14/11/2024 đến 15/11/2024	- Trình Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 05 nghề – trình độ cao đẳng năm 2024 của trường (các nghề CNKT điện, điện tử; KTML&ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin).	Phòng Khảo thí - ĐBCL
Từ 16/11/2024 đến 20/11/2024	- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm – trình độ cao đẳng năm 2024 của trường (các nghề CNKT điện, điện tử; KTML&ĐHKK, Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp, Công nghệ thông tin).	- Hội đồng TĐG - Thủ trưởng các đơn vị
Từ 15/12/2024 đến 25/12/2024	Gửi báo cáo Tự đánh giá chất lượng năm 2024 cho cơ quan có thẩm quyền.	Phòng Khảo thí - ĐBCL

8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp được trích từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Trường.

Công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT là nhiệm vụ thường xuyên của Nhà trường năm 2024, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ

của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả đơn vị trong Trường, các thành viên của Hội đồng tự đánh giá phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TBXH (b/c);
- Ban Giám hiệu (t/d);
- Các đơn vị trong trường (t/h);
- Lưu: VT, PKT.

HIỆU TRƯỞNG

**BẢNG PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
PHỤ TRÁCH THEO TIÊU CHÍ KIỂM ĐỊNH VÀ TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH
THEO ĐƠN VỊ THỰC HIỆN**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-CD ĐTDL ngày tháng năm 2024)

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên HĐ phụ trách
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng TC – HC Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Thị Lan Anh
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng TC – HC	
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tài chính – Kế toán Phòng Quản lý đào tạo Các khoa chuyên môn Phòng Khảo thí - ĐBCL	
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Đăng Lăng
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý đào tạo Phòng Khảo thí - ĐBCL Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản lý đào tạo Phòng Khảo thí - ĐBCL Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện - TĐH	
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý đào tạo Phòng Khảo thí - ĐBCL Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý đào tạo Phòng Khảo thí - ĐBCL	
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản lý đào tạo Phòng Khảo thí - ĐBCL	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên HĐ phụ trách
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản lý đào tạo	
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng TC – HC Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Thị Lan Anh
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng TC – HC	
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng TC – HC Phòng Quản lý đào tạo Phòng TC-KT	
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng TC – HC Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng TC – HC Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng TC – HC Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng TC – HC Phòng Quản lý đào tạo	
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng TC – HC Phòng Quản lý đào tạo	
IV	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	Nguyễn Thị Hương Đặng Quốc Chính (Phụ trách
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý đào tạo	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên HĐ phụ trách
		Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	nghề CNKT điện, điện tử) Đặng Quang Hùng (Phụ trách nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK)
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	Trần Liêm Hiệu (Phụ trách nghề Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp)
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	Phạm Trường Sinh (phụ trách nghề CNTT)
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Quản lý đào tạo	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên HĐ phụ trách
		Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
V	<i>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</i>		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản trị Phòng TC-KT Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	Lại Đức Thanh Nguyễn Thị Thu Hà Đặng Quốc Chính (Phụ trách nghề CNKT điện, điện tử) Đặng Quang Hùng (Phụ trách nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK) Trần Liêm Hiệu (Phụ trách nghề Tự động hóa công nghiệp, Điện công nghiệp) Phạm Trường Sinh (phụ trách nghề CNTT)
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản trị Phòng TC-KT Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản trị Phòng TC-KT Phòng Quản lý đào tạo Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản trị Phòng TC-KT Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng TC-KT Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản lý đào tạo Trung tâm TTTV Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản lý đào tạo	
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên HĐ phụ trách
VI	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý đào tạo Phòng Khảo thí - ĐBCL	Nguyễn Thị Tuyết Nhung
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý đào tạo Phòng TC - KT Phòng TC-HC	
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản lý đào tạo	
4	Tiêu chuẩn 4	Đoàn TNCSHCM Phòng Quản trị	
VII	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng		
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Thị Tuyết Nhung
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý đào tạo	
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Khảo thí - ĐBCL	
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Khảo thí - ĐBCL	
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Khảo thí – ĐBCL Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Khảo thí – ĐBCL Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản lý đào tạo	
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Quản lý đào tạo	

**BẢNG PHÂN BỐ CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
THU THẬP THÔNG TIN, MINH CHỨNG, CUNG CẤP NỘI DUNG,
SỐ LIỆU TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-CĐĐTDL ngày tháng năm 2024)

STT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
1	Phòng Tổ chức – Hành chính	<i>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</i> Tiêu chuẩn: 1, 2 <i>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i> Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8 <i>Tiêu chí 6: Dịch vụ người học</i> Tiêu chuẩn: 2
2	Phòng Quản lý đào tạo	<i>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</i> Tiêu chuẩn: 1, 3 <i>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</i> Tiêu chuẩn: từ 1 đến 7 <i>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i> Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 <i>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</i> Tiêu chuẩn: từ 1 đến 12 <i>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</i> Tiêu chuẩn: 3, 6, 7 <i>Tiêu chí 6: Dịch vụ người học</i> Tiêu chuẩn: 1, 2, 3 <i>Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng</i> Tiêu chuẩn: 1, 2, 7, 8
3	Phòng Quản trị	<i>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</i> Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4 <i>Tiêu chí 6: Dịch vụ người học</i> Tiêu chuẩn: 4
4	Phòng Tài chính – Kế toán	<i>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</i> Tiêu chuẩn: 3 <i>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i> Tiêu chuẩn: 3 <i>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</i>

STT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
		Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tiêu chí 6: Dịch vụ người học</i> Tiêu chuẩn: 2
5	Khoa ĐTVT, Khoa CNNL, Khoa Điện – TĐH, Khoa CNTT&TT	<i>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</i> Tiêu chuẩn: 3 <i>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</i> Tiêu chuẩn: 2, 3, 4 <i>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i> Tiêu chuẩn: 4, 5, 6, <i>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</i> Tiêu chuẩn: Từ 1 đến 12 <i>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</i> Tiêu chuẩn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8
6	Phòng Khảo thí - ĐBCL	<i>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</i> Tiêu chuẩn: 3 <i>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</i> Tiêu chuẩn: 2, 3, 4, 5, 6 <i>Tiêu chí 6: Dịch vụ người học</i> Tiêu chuẩn: 1 <i>Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng</i> Tiêu chuẩn: 3, 4, 5, 6
7	Đoàn TNCSHCM	<i>Tiêu chí 6: Dịch vụ người học</i> Tiêu chuẩn: 4

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 - 2030
2	1	1	1.1.02		Quyết định số 4827/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
3	1	1	1.1.03		Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
4	1	1	1.1.04		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp
5	1	1	1.1.05		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
6	1	1	1.1.06		Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ LĐTBXH về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025
7	1	1	1.1.07		Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023, 2024
8	1	1	1.1.08		Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023, 2024
9	1	1	1.1.09		Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024
10	1	1		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
11	1	1	1.1.10		Bộ chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí điều chỉnh năm 2020 2022; kèm theo hồ sơ thực hiện quá trình rà soát, điều chỉnh
12	1	2		1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
13	1	2	1.2.01		Các Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm của Nhà trường
14	1	2	1.2.02		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
15	1	2	1.2.03		Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
16	1	2	1.2.04		Các Quyết định công nhận đánh giá, xếp loại viên chức các năm học 2021-2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024
17	1	2	1.2.05		Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua các năm học 2021-2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024
18	1	3	1.3.01		Văn bản về mức chi tối thiểu đối với các nghề đào tạo của trường
19	1	3	1.3.02		Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
20	1	3	1.3.03		Tổng hợp nguồn kinh phí nghề máy lạnh và điều hòa không khí

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
21	1	3	1.3.04		Báo cáo tài chính các năm 2021, 2022, 2023
22	2	1	2.1.01		Quy chế tuyển sinh của nhà trường năm 2021,2022, 2023, 2024 kèm theo quyết định ban hành
23	2	1	2.1.02		Kế hoạch tuyển sinh của Trường năm 2021,2022, 2023, 2024; Thông báo tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
24	2	1	2.1.03		Quyết thành lập hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh năm 2021,2022, 2023, 2024
25	2	1	2.1.04		Báo cáo kết quả tuyển sinh <i>năm 2021,2022, 2023, 2024</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
26	2	1	2.1.05		Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm 2021,2022, 2023, 2024
27	2	1	2.1.06		Quyết định danh sách trúng tuyển năm 2021,2022, 2023, 2024
28	2	1	2.1.07		Quyết định thành lập lớp năm học 2021 - 2022, 2022 -2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025 – nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK
29	2	1	2.1.08		Hồ sơ tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023; 2024
30	2	2	2.2.01		Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
31	2	2	2.2.02		Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
32	2	2	2.2.03		Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
33	2	2	2.2.04		Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025
34	2	2	2.2.05		Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025
35	2	2	2.2.06		Kế hoạch thanh, kiểm tra nội bộ các năm học 2021 - 2022, 2022- 2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
36	2	2	2.2.07		Báo cáo kết quả; biên bản công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ hàng tháng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025
37	2	2	2.2.08		Các báo cáo đánh giá sơ kết học kỳ, tổng kết năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024
38	2	2	2.2.09		Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
39	2	3		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
40	2	3		2.2.05	Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy của giáo viên, Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
41	2	3	2.3.01		Hồ sơ dự giờ dự giờ nhà giáo Khoa Công nghệ nhiệt lạnh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025
42	2	3	2.3.02		Kế hoạch hội giảng; <i>Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024. 2024-2025</i>
43	2	3	2.3.03		Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024, 2024-2025
44	2	3	2.3.04		Kế hoạch thực tập năm 2021, 2022, 2023, 2024 cho HSSV Khoa CNNL nghề KTML&ĐHKK
45	2	3	2.3.05		Hợp đồng tiếp nhận sinh viên trải nghiệm thực tập tại các Doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
46	2	3	2.3.06		Quyết định cử HS đi thực tập tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024;
47	2	3	2.3.07		Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2021, 2022, 2023, 2024
48	2	3	2.3.08		Đề cương thực tập, phiếu TTTN của HSSV, báo cáo của giáo viên hướng dẫn HSSV đi TTTN
49	2	3	2.3.09		Sổ theo dõi thực tập tại doanh nghiệp
50	2	3	2.3.10		Danh sách MH/MĐ sử dụng phần mềm mô phỏng, các phần mềm dạy học và phần mềm quản lý đào tạo Markmen

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
51	2	4		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
52	2	4		2.3.04	Kế hoạch thực tập năm 2021, 2022, 2023, 2024
53	2	4		2.3.05	Hợp đồng tiếp nhận sinh viên trải nghiệm thực tập tại các Doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024
54	2	4		2.3.06	Quyết định cử HS đi thực tập tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.06- Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2021, 2022, 2023, 2024
55	2	4		2.3.07	Quyết định cử giáo viên hướng dẫn thực tập năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
56	2	4		2.3.08	Đề cương thực tập, phiếu TTTN của HSSV, báo cáo của giáo viên hướng dẫn HSSV đi TTTN
57	2	4		2.3.09	Sổ theo dõi thực tập tại doanh nghiệp
58	2	5	2.5.01		Các quy chế đào tạo
59	2	5		2.2.01	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
60	2	5		2.2.02	Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
61	2	5	2.5.02		Lịch thi học kỳ các năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
62	2	5	2.5.03		Quy trình về tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun
63	2	5	2.5.04		Hồ sơ thi kết thúc MĐ/MH năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
64	2	5	2.5.05		Đề thi kết thúc MH/MĐ
65	2	5	2.5.06		Các Quyết định thành lập hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
66	2	5	2.5.07		Biên bản họp hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
67	2	5	2.5.08		Kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
68	2	5	2.5.09		Sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
69	2	5	2.5.10		Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024
70	2	5	2.5.11		Hồ sơ kiểm tra của trường về các hoạt động về tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng chứng chỉ

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
71	2	5	2.5.12		Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp
72	2	6		2.5.01	Các quy chế đào tạo
73	2	6	2.6.01		Các biên bản kiểm tra năm học 2021 - 2022, 2022- 2023, 2023-2024, 2024 - 2025
74	2	6	2.6.02		Hồ sơ dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy
75	2	6	2.6.03		Các báo cáo công tác kiểm tra năm học năm học 2021 - 2022, 2022- 2023, 2023-2024, 2024 - 2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
76	2	6	2.6.04		Biên bản họp giao ban hàng tháng năm 2021, 2022, 2023, 2024
77	2	6	2.6.05		Biên bản họp, báo cáo của các khoa năm 2021, 2022, 2023, 2024
78	2	6	2.6.06		
79	2	7		2.5.01	Các quy chế đào tạo
80	2	7		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
81	2	7		2.1.07	Quyết định thành lập lớp năm học 2021 - 2022, 2022 -2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025 – nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK
82	2	7		2.5.10	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024
83	2	7		2.5.09	Sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
84	3	1	3.1.01		Danh sách trích ngang các nhà giáo tham gia giảng dạy nghề <i>Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí</i> năm học 2021 – 2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
85	3	1		2.2.03	Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
86	3	2		1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
87	3	2	3.2.01		Quy định chế độ làm việc của nhà giáo
88	3	2		2.2.03	Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
89	3	2		2.2.04	Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025
90	3	2	3.2.02		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm <i>năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
91	3	2	3.2.03		Quyết định quản lý phòng thực hành <i>năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025</i>
92	3	2	3.2.04		Quyết định cử nhà giáo đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ có danh sách kèm theo năm 2021, 2022, 2023, 2024
93	3	2	3.2.05		Hồ sơ luyện thi học sinh tay nghề giỏi
94	3	2	3.2.06		Quyết định tham gia hội thi thiết bị tự làm
95	3	2	3.2.07		Hồ sơ nghiên cứu khoa học các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
96	3	2	3.2.08		Quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp
97	3	2	3.2.09		Bảng thanh toán vượt giờ nhà giáo năm học 2021 -2022, 2022 - 2023; 2023 - 2024
98	3	2	3.2.10		Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của đội ngũ nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023; 2023-2024
99	3	2	3.2.11		Danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024
100	3	2		2.3.02	Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
101	3	2		2.3.03	Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024
102	3	2	3.2.12		Các văn bản giao nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh cho nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024
103	3	2	3.2.13		Kết quả xếp loại nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024
104	3	2	3.2.14		Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 -2024
105	3	2		1.2.02	Báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
106	3	2		1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
107	3	3		2.2.01	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
108	3	3		2.2.02	Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
109	3	3		2.2.03	Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
110	3	3		2.2.04	Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
111	3	3		3.2.11	Danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024
112	3	3		3.2.10	Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của đội ngũ nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023-2024
113	3	3		2.1.07	Quyết định thành lập lớp năm học 2021 - 2022, 2022 -2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025 – nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK
114	3	3	3.3.01		Bảng tính quy đổi nhà giáo/người học các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024
115	3	4		2.3.02	Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
116	3	4		2.3.03	Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024
117	3	4		3.2.07	Hồ sơ nghiên cứu khoa học các năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 - 2024
118	3	4	3.3.02		Quyết định khen thưởng thi thiết bị tự làm thành phố, toàn quốc
119	3	5	3.5.01		Kế hoạch đào, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023, 2024 kèm theo danh sách nhà giáo đăng ký tham gia
120	3	5	3.5.02		Danh sách kèm theo QĐ cử người đi đào tạo, bồi dưỡng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
121	3	5	3.5.03		Chứng nhận, chứng chỉ, bằng cấp của người được đào tạo, bồi dưỡng hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng
122	3	5	3.5.04		Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
123	3	5		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
124	3	5		3.2.01	Quy định chế độ làm việc của nhà giáo
125	3	5		2.2.01	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
126	3	5		2.2.03	Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
127	3	6	3.6.01		Kế hoạch thực tập của các nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024
128	3	6	3.6.02		Bảng tổng hợp các nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024
129	3	6		3.2.08	Quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp
130	3	6	3.6.03		Báo cáo kết quả thực tập nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
131	3	6		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
132	3	7		1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
133	3	7	3.7.01		Danh sách trích ngang hồ sơ cán bộ quản lý Khoa Công nghệ nhiệt lạnh
134	3	7	3.7.02		Hồ sơ đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo Khoa CNNL
135	3	8	3.8.01		Hồ sơ bổ nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa CNNL

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
136	3	8		1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
137	3	8	3.8.02		Hướng dẫn về việc đánh giá xếp loại, viên chức lao động hợp đồng lao động năm 2021, 2022, 2023
138	3	8	3.8.03		Quy trình đánh giá xếp loại viên chức
139	3	8		3.2.13	Kết quả xếp loại nhà giáo năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 -2024
140	3	8		3.2.14	Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 -2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
141	4	1	4.1.01		Quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình, giáo trình; Hội đồng thẩm định
142	4	1	4.1.02		Các bộ chuẩn đầu ra kèm theo QĐ ban hành
143	4	1	4.1.03		Kế hoạch xây dựng chương trình, Biên bản họp của các ban chủ nhiệm/tổ biên soạn
144	4	1	4.1.04		Các Biên bản tổ chức hội thảo; các phiếu đóng góp ý kiến của các chuyên gia đối với các chương trình đào tạo
145	4	1	4.1.05		Biên bản họp Hội đồng thẩm định kèm các phiếu phản biện

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
146	4	1		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
147	4	1	4.1.06		Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2)
148	4	1	4.1.07		Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo
149	4	1	4.1.08		Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định
150	4	1	4.1.09		Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
151	4	1	4.1.10		Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo sau cập nhật, điều chỉnh năm 2020, 2022
152	4	2		4.1.01	Quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình, giáo trình; Hội đồng thẩm định
153	4	2		4.1.03	Kế hoạch xây dựng chương trình, Biên bản họp của các ban chủ nhiệm/tổ biên soạn
154	4	2		4.1.04	Các Biên bản tổ chức hội thảo; các phiếu đóng góp ý kiến của các chuyên gia đối với các chương trình đào tạo
155	4	2		4.1.05	Biên bản họp Hội đồng thẩm định kèm các phiếu phản biện

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
156	4	2		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
157	4	2		4.1.06	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2)
158	4	2		4.1.07	Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo
159	4	2		4.1.08	Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định
160	4	2		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
161	4	2		4.1.10	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo sau cập nhật, điều chỉnh năm 2020, 2022
162	4	2		1.1.07	Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023, 2024
163	4	2		1.1.08	Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023, 2024
164	4	2		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
165	4	3		4.1.02	Các bộ chuẩn đầu ra kèm theo QĐ ban hành

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
166	4	3		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
167	4	3		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành
168	4	3		1.1.07	Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023, 2024
169	4	3		1.1.08	Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023, 2024
170	4	3		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
171	4	4		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
172	4	4		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành
173	4	4		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
174	4	5		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
175	4	5		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
176	4	5	4.5.01		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
177	4	5	4.5.02		Bảng tổng hợp danh mục thiết bị nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK còn thiếu so với TT
178	4	5	4.5.03		Bảng tổng hợp dự trù vật tư giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí các năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024
179	4	5	4.5.04		Danh sách tổng hợp các phần mềm mô phỏng phục giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK
180	4	5		2.2.03	Phiếu giao kế hoạch nhà giáo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
181	4	5		2.2.04	Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025
182	4	5		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
183	4	6		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
184	4	6		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành
185	4	6	4.6.01		Đề thi kết thúc MH/MĐ

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
186	4	7	4.7.01		Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
187	4	7	4.7.02		Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
188	4	7	4.7.03		Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
189	4	7	4.7.04		Đề cương định hướng Quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế- Xã hội Hà Nội
190	4	7		1.1.07	Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
191	4	7	4.7.05		Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo hàng năm
192	4	7		3.2.08	Quyết định nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp
193	4	7		3.6.03	Báo cáo kết quả thực tập nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp
194	4	7		4.1.04	Các Biên bản tổ chức hội thảo; các phiếu đóng góp ý kiến của các chuyên gia đối với các chương trình đào tạo
195	4	7		4.1.05	Biên bản họp Hội đồng thẩm định kèm các phiếu phản biện

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
196	4	7		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
197	4	7		4.1.06	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2)
198	4	7		4.1.07	Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo
199	4	7		4.1.08	Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định
200	4	7		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
201	4	7		4.1.10	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo sau cập nhật, điều chỉnh năm 2020, 2022
202	4	8		4.1.06	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020 (lần 1) và năm 2022 (lần 2)
203	4	8		4.1.07	Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo
204	4	8		4.1.08	Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định
205	4	8		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
206	4	8		4.1.10	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo sau cập nhật, điều chỉnh năm 2020, 2022
207	4	8	4.8,01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng liên thông nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí các năm và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
208	4	8		2.1.02	Kế hoạch tuyển sinh của Trường năm 2021,2022, 2023, 2024; Thông báo tuyển sinh của Trường năm 2021, 2022, 2023
209	4	8		2.5.10	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024
210	4	9		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
211	4	9		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành
212	4	9	4.9.01		Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo
213	4	9	4.9.02		Danh mục giáo trình của nghề KTML&ĐHKK
214	4	9	4.9.03		Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề KTML&ĐHKK
215	4	9	4.9.04		Quyết định số 87/QĐ-CĐĐTĐL ngày 6/4/2019 về việc sử dụng các chương trình và tài liệu giảng dạy môn học chung trình độ cao đẳng, trung cấp

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
216	4	10	4.10.01		Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình đào tạo tại trường Cao đẳng Điện tử- Điện lạnh
217	4	10	4.10.02		Kế hoạch biên soạn giáo trình các năm
218	4	10	4.10.03		Hồ sơ xây dựng/lựa chọn giáo trình các năm
219	4	10	4.10.04		Kế hoạch thẩm định giáo trình các năm
220	4	10	4.10.05		Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình các năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
221	4	10	4.10.06		Hồ sơ thẩm định giáo trình các năm
222	4	10		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
223	4	10		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành
224	4	10		4.9.01	Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo
225	4	10		4.9.02	Danh mục giáo trình của nghề KTML&ĐHKK

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
226	4	10		4.9.03	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề KTML&ĐHKK
227	4	11		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
228	4	11		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành
229	4	11		4.9.01	Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo
230	4	11		4.9.02	Danh mục giáo trình của nghề KTML&ĐHKK

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
231	4	11		4.9.03	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề KTML&ĐHKK
232	4	11		4.10.03	Hồ sơ xây dựng/lựa chọn giáo trình các năm
233	4	11		4.10.06	Hồ sơ thẩm định giáo trình các năm
234	4	11		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
235	4	12		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
236	4	12		4.9.01	Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo
237	4	12		4.9.02	Danh mục giáo trình của nghề KTML&ĐHKK
238	4	12		4.9.03	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề KTML&ĐHKK
239	4	12		4.10.03	Hồ sơ xây dựng/lựa chọn giáo trình các năm
240	4	12		4.10.06	Hồ sơ thẩm định giáo trình các năm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
241	4	12		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
242	5	1	5.1.01		Bảng thống kê số liệu về diện tích khu đất toàn Trường, diện tích các công trình xây dựng, cây xanh, sân chơi, đường giao thông nội bộ của Trường
243	5	1	5.1.02		Bản vẽ mặt bằng quy hoạch - Định vị công trình tỷ lệ 1/500
244	5	1	5.1.03		Hồ sơ hoàn công các công trình của trường
245	5	1	5.1.04		Bảng thống kê các phòng học, giảng đường, phòng chuyên môn hóa, phòng thực hành, kho

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
246	5	1	5.1.05		Các Quyết định phân công nhà giáo quản lý phòng, xưởng thực hành, kho thiết bị năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
247	5	1	5.1.06		Sổ quản lý tài sản các phòng thực hành của khoa Công nghệ nhiệt lạnh
248	5	1		2.1.07	Quyết định thành lập lớp năm học 2021 - 2022, 2022 -2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025 – nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK
249	5	1		2.2.01	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
250	5	1		2.2.02	Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
251	5	1		2.2.04	Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025
252	5	1	5.1.07		Mặt bằng cấp điện tổng thể; Hợp đồng cung cấp điện
253	5	1	5.1.08		Bản vẽ hệ thống điện cho các hạng mục của toàn Trường
254	5	1	5.1.09		Hợp đồng mua điện, Hóa đơn thu tiền điện năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
255	5	1	5.1.10		Hợp đồng dịch vụ cấp nước sinh hoạt

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
256	5	1	5.1.11		Mặt bằng cấp, thoát nước tổng thể; Hóa đơn thanh toán nước hàng tháng
257	5	1	5.1.12		Kết quả các phiếu kiểm nghiệm mẫu nước năm 2021, 2022, 2023
258	5	1	5.1.13		Ảnh chụp bên trong các phòng học, phòng thực hành
259	5	1	5.1.14		Hình ảnh tập huấn công tác PCCC
260	5	1	5.1.15		Biên bản kiểm tra về PCCC của công an Quận năm 2021, 2022, 2023

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
261	5	1		5.1.07	Mặt bằng cấp điện tổng thể; Hợp đồng cung cấp điện
262	5	1		5.1.08	Bản vẽ hệ thống điện cho các hạng mục của toàn Trường
263	5	1		5.1.09	Hợp đồng mua điện, Hóa đơn thu tiền điện năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024
264	5	1		5.1.10	Hợp đồng dịch vụ cấp nước sinh hoạt
265	5	1		5.1.11	Mặt bằng cấp, thoát nước tổng thể; Hóa đơn thanh toán nước hàng tháng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
266	5	1		5.1.12	Kết quả các phiếu kiểm nghiệm mẫu nước năm 2021, 2022, 2023
267	5	1		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
268	5	2		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
269	5	2		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành
270	5	2		5.1.06	Sổ quản lý tài sản các phòng thực hành của khoa Công nghệ nhiệt lạnh

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
271	5	2		4.5.01	Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghề KTML&ĐHKK
272	5	2	5.2.01		Sổ theo dõi tài sản cố định của trường
273	5	2	5.2.02		Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2021, 2022, 2023
274	5	2		5.1.13	Ảnh chụp bên trong các phòng thực hành
275	5	2		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
276	5	3		5.2.01	Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghề KTML&ĐHKK
277	5	3	5.3.01		Hồ sơ mua sắm vật tư, thiết bị dạy nghề năm 2021, 2022, 2023, 2024
278	5	3		2.1.07	Quyết định thành lập lớp năm học 2021 - 2022, 2022 -2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025 – nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK
279	5	3		2.2.01	Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025
280	5	3		2.2.02	Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
281	5	3		2.2.04	Thời khóa biểu các học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 – 2024, 2024-2025
282	5	3		5.2.03	Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2021, 2022, 2023
283	5	3		5.2.04	Danh mục các thiết bị còn thiếu về mặt số lượng của nghề KTML&ĐHKK so với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu của Bộ LĐ-TBXH
284	5	4		5.2.02	Sổ theo dõi tài sản cố định của trường
285	5	4		5.2.03	Hồ sơ kiểm kê tài sản các năm 2021, 2022, 2023

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
286	5	4		5.1.06	Sổ quản lý tài sản các phòng thực hành của khoa Công nghệ nhiệt lạnh
287	5	4		5.1.13	Ảnh chụp bên trong các phòng thực hành
288	5	4	5.4.01		Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của trường kèm QĐ ban hành
289	5	4	5.4.02		Quy trình sửa chữa trang thiết bị tại trường
290	5	4	5.4.03		Nội quy phòng học lý thuyết, nội quy phòng thực hành

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
291	5	4	5.4.04		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2021, 2022, 2023, 2024
292	5	4	5.4.05		Hồ sơ sửa chữa, nâng cấp và bảo dưỡng thiết bị đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
293	5	4		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
294	5	5	5.5.01		Hồ sơ xây dựng định mức vật tư nghề kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK
295	5	5	5.5.02		Quy trình cấp phát vật tư, văn phòng phẩm

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
296	5	5	5.5.03		Hình ảnh thực tế về sắp xếp vật tư tại Kho nhà trường
297	5	5	5.5.04		Phiếu xuất kho, nhập kho từ năm 2021, 2022, 2023, 2024
298	5	5	5.5.05		Kế hoạch dự trữ vật tư, nguyên, vật liệu của các Khoa năm, 2021, 2022, 2023, 2024
299	5	5		5.3.01	Hồ sơ mua sắm vật tư, thiết bị dạy nghề năm 2021, 2022, 2023, 2024
300	5	5	5.5.06		Phiếu giao nhận nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
301	5	6	5.6.01		Hình ảnh thư viện
302	5	6	5.6.02		Danh mục chương trình, giáo trình, sách và tài liệu học tập tại thư viện
303	5	6		1.1.05	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí – năm 2017 và các chương trình chi tiết ban hành kèm theo
304	5	6		4.1.09	Các bộ chương trình đã chỉnh sửa kèm theo Quyết định ban hành
305	5	6		4.9.01	Các Quyết định ban hành giáo trình đào tạo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
306	5	6		4.9.02	Danh mục giáo trình của nghề KTML&ĐHKK
307	5	6		4.9.03	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề KTML&ĐHKK
308	5	6	5.6.03		Danh mục chương trình, giáo trình của trường được số hóa
309	5	6	5.6.04		Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa
310	5	6		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
311	5	7		5.6.01	Hình ảnh thư viện
312	5	7		5.6.02	Danh mục chương trình, giáo trình, sách và tài liệu học tập tại thư viện
313	5	7		5.6.03	Danh mục chương trình, giáo trình của trường được số hóa
314	5	7		5.6.04	Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa
315	5	7	5.7.01		Nội quy thư viện kèm QĐ ban hành Nội quy thư viện, Quyết định ban hành Quy định về mượn, trả sách, tài liệu tại thư viện

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
316	5	7		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
317	5	8	5.8.01		Danh sách môn học/mô-đun ứng dụng các phần mềm mô phỏng, thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo
318	5	8	5.8.02		Bài giảng điện tử theo từng Môn học/Mô đun
319	6	1	6.1.01		Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân- HSSV” đầu khóa các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025
320	6	1	6.1.02		Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
321	6	1	6.1.03		Cẩm nang HSSV –HCEET
322	6	1	6.1.04		Hình ảnh HSSV sinh hoạt đầu khóa năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025
323	6	1	6.1.05		Hình ảnh Zalo các nhóm lớp thuộc Khoa Công nghệ nhiệt lạnh
324	6	1	6.1.06		Hình ảnh thông tin trên trang Web của trường
325	6	1		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
326	6	2	6.2.01		Hướng dẫn về các chế độ chính sách, ưu tiên và các hỗ trợ đối với sinh viên các năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 -2025
327	6	2	6.2.02		Các Quyết định thành lập Hội đồng xét miễn giảm học phí và chế độ chính sách cho HSSV năm 2021, 2022, 2023, 2024
328	6	2	6.2.03		Các Quyết định danh sách HSSV được miễn, giảm học phí trong các năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024
329	6	2	6.2.04		Các Quyết định kèm theo danh sách HSSV được thụ hưởng học bổng, khen thưởng các năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 – 2024
330	6	2		1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
331	6	2	6.2.05		Quy định về công tác khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
332	6	2	6.2.06		Quyết định và danh sách HSSV được hưởng chính nội trú của Nhà trường năm học 2021 - 2022, 2022 – 2023, 2023-2024
333	6	2	6.2.07		Quy định về công nhận và chuyển đổi kết quả học tập cho HSSV
334	6	2	6.2.08		Quyết định bảo lưu của HSSV các năm 2021, 2022, 2023, 2024
335	6	2	6.2.09		Quyết định phân công GVCN năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
336	6	2		1.2.02	Báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
337	6	2		1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
338	6	3	6.3.01		Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024
339	6	3	6.3.02		Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024
340	6	3	6.3.03		Kế hoạch tổ chức cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp tham gia Ngày hội gắn kết GDNN thủ đô với thị trường lao động năm 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
341	6	3	6.3.04		Danh sách HSSV tham dự ngày hội giới thiệu việc làm vấn hướng nghiệp và Ngày hội gắn kết GDNN thủ đô với thị trường lao động năm 2021, 2022, 2023, 2024
342	6	3	6.3.05		Hình ảnh thông báo tuyển dụng, được đăng tải lên website
343	6	3	6.3.06		Thư mời các doanh nghiệp tham dự lễ bế giảng và tư vấn tuyển dụng
344	6	3	6.3.07		Danh sách Doanh nghiệp tham dự Bế giảng, ngày hội giới thiệu việc làm vấn hướng nghiệp và Ngày hội gắn kết GDNN thủ đô với thị trường lao động năm 2021, 2022, 2023, 2024
345	6	3	6.3.08		Kế hoạch bế giảng trao bằng tốt nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
346	6	3	6.3.09		Kế hoạch, chương trình tham quan, tuyển dụng tại doanh nghiệp và hình ảnh kèm theo
347	6	3	6.3.10		Biên bản thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp tuyển dụng lao động
348	6	3	6.3.11		Hình ảnh lễ bế giảng, ngày hội giới thiệu việc làm văn hướng nghiệp và Ngày hội gắn kết GDNN thủ đô với thị trường lao động năm 2021, 2022, 2023, 2024
349	6	4	6.4.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện năm 2021, 2022, 2023, 2024
350	6	4	6.4.02		Hình ảnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
351	6	4	6.4.03		Hình ảnh các khu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ hoạt động của trường
352	6	4	6.4.04		Báo cáo tổng kết của các tổ chức đoàn thể năm 2021, 2022, 2023, 2024
353	6	4	6.4.05		Hình ảnh khen thưởng các giải VHVN, TDTT cho HSSV hằng năm
354	6	4		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
355	7	1		2.5.10	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
356	7	1		1.1.07	Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023, 2024
357	7	1		1.1.08	Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023, 2024
358	7	1	7.1.01		Báo cáo kết quả khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023, 2024
359	7	2		2.5.10	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024
360	7	2	7.2.01		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
361	7	2	7.2.02		Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK tham gia khảo sát lần vết năm 2021, 2022, 2023, 2024
362	7	2	7.2.03		Các đường link khảo sát về SV tốt nghiệp nhà trường để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023, 2024
363	7	2	7.2.04		Báo cáo kết quả điều tra lần vết đối với người học tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023, 2024
364	7	3		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
365	7	3	7.3.01		Danh sách cán bộ, nhà giáo, VCLĐ được khảo sát năm 2021, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
366	7	4		2.2.09	Kế hoạch; Bộ phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát của CBQL, GV, VC, HSSV đến hoạt động của Nhà trường năm 2021, 2022, 2023, 2024
367	7	4	7.4.01		Danh sách người học được khảo sát năm 2021, 2022, 2023, 2024
368	7	4	7.4.02		Các đường link khảo sát trực tuyến
369	7	4	7.4.03		Biên bản buổi tọa đàm giữa HSSV với lãnh đạo nhà trường
370	7	5	7.5.01		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2021, 2022, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
371	7	5	7.5.02		Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí năm 2021, 2022, 2022, 2023, 2024
372	7	5	7.5.03		Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao năm 2021, 2022, 2022, 2023, 2024
373	7	5	7.5.04		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021, 2022, 2023, 2024
374	7	5	7.5.05		Thông báo công khai và lấy ý kiến của CB- GV- NV toàn trường
375	7	6		7.5.03	Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao năm 2021, 2022, 2022, 2023, 2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
376	7	6	7.6.01		Kế hoạch cải tiến, khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2021, 2022, 2023, 2024
377	7	6		1.2.02	Báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
378	7	6		1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023 - 2024
379	7	6		7.5.04	Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021, 2022, 2023, 2024
380	7	7		2.5.10	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
381	7	7		7.2.01	Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023
382	7	7		7.2.02	Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nghề Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK tham gia khảo sát lần vết năm 2021, 2022, 2023
383	7	7		7.2.03	Các đường link khảo sát về SV tốt nghiệp nhà trường để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023
384	7	7		7.2.04	Báo cáo kết quả điều tra lần vết đối với người học tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm năm 2021, 2022, 2023
385	7	8		2.5.10	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp nhà trường năm học 2021-2022, 2022 – 2023, 2023-2024

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
386	7	8		1.1.07	Kế hoạch; phiếu khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm và nhu cầu sử dụng lao động các năm 2021, 2022, 2023, 2024
387	7	8		1.1.08	Danh sách các cơ quan, doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát các năm 2021, 2022, 2023, 2024
388	7	8		7.1.01	Báo cáo kết quả khảo sát thu thập ý kiến các cơ quan, doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021, 2022, 2023